VÕ QUẢNG

TẢNG SÁNG

KIM ĐỒNG

0706

VÕ QUẢNG

APR 1 9 1979

TẢNG SÁNG

Bìa và minh họa của

ĐẶNG ĐỨC SINH

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

HÀ NỘI — 1978

GIẶC DỐT

I

Trước đây, có lần tôi kể cho các bạn nghe chuyện thằng Cù Lao — Thằng Cù Lao sinh ra và lớn lên ngoài hải đảo. Trước Cách mạng tháng Tám, cha thằng Cù Lao bị lý trưởng đánh, buộc phải bỏ làng ra đi. Sau đó, bị xiêu lạc ra ngoài cù lao Chàm. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, thằng Cù Lao theo cha tìm về làng cũ. Đó là thôn Hòa Phước nằm bên sông Thu Bồn. Lúc thằng Cù Lao mới về làng, nó ăn mặc một cách lạ lạ, nói năng đi đứng một cách khác khác, da nó đen như củ súng, bọn chăn trâu ở Hòa Phước tưởng nó là giống mọi biển biết uống nước bằng lỗ mũi. Sau đó, nó tỏ ra bơi lặn rất tài, làm việc gì cũng giỏi. Nó bắt được cả lợn sổng chuồng của thầy Lê Tảo dạy học trong làng, bọn chăn trâu trở lại rất nể. Thằng Cù Lao không ở Hòa Phước, nhưng nhiều việc ở Hòa Phước nó biết rõ. Những việc đó, ngay bọn chăn trâu trong làng đều mù tịt : Hòa Phước đánh nhau với thôn nào để giành đất ? Trên nóc miếu Bà Tằm trong làng có chạm cỏn gì ? Giữa mông của ông Bảy Hóa có bị một vết sẹo, nguyên do vì sao ? Trước lúc về làng, nó biết ông Bảy Hóa là thầy chùa, không râu, bà Kiền ở trong xóm chưa già, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi là bọn con nít. Nay nó thấy ông Bảy Hóa có râu, bà Kiền da đã nhăn, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi đã

là cán bộ chỉ huy đội tự vệ. Nó nói thông thạo về nghề nuôi tằm, nghề làm đường, làm bọn chăn trâu phục lăn phục lóc. Cha nó khi còn ở ngoài cù lao Chàm hay nói những chuyện ở Hòa Phước cho nó nghe, do đó nó biết hết. Tôi có họ hàng với nó, nên càng thân nhau. Nó phục tôi vì tội biết đánh trâu chạy. Có lần, tôi nói chỉ nội ngày mai chúng ta sẽ dựng những ngôi nhà hai mươi tầng. Mẹ và chị Ba cho tôi học sách của ông Tư Đàm, chuyên nói láo. Thằng Cù Lao cho là tôi nói thật. Nó còn thêm cho tôi mười tầng, tất cả đến ba mươi tầng. Tôi càng thấy nó thông minh. Nó ở Hòa Phước được ba tháng. Sau đó, nó theo anh Sáu ra ở ngoài Đà Nẵng để học tập. Nhưng Đà Nẵng lại chộn rộn không yên. Hết bọn quân lính của Tưởng Giới Thạch đến đóng, lại đến bọn lính Pháp đổ bộ. Bọn chúng có nhiều âm mưu đen tối. Ta phải sẵn sàng đối phó. Cơ quan cần gọn nhẹ. Anh Sáu cho thằng Cù Lao về lại Hòa Phước, ở với anh Bốn Linh con nhà bác. Chú Năm Mùi trong ban chỉ huy tự vệ của Hòa Phước gặp lại nó, cười hì hì :

— Về đó hả ? Hay lắm ! Ở đây đang cần có chú.

Chú Năm Mùi nhìn sang phía tôi :

— Cả thằng Cục nữa, cũng cần mày đó. Cách mạng đổi đời, chúng bay thăng mau vùn vụt. Trước đây, hai đứa còn là chăn trâu, sau được thăng làm học trò. Sẽ được làm thầy ! Sướng chưa ?

Trước đây bốn tháng, tôi chăn con trâu Bĩnh. Mọi người gọi tôi bằng thằng, thằng Cục. Sau đó, tôi được đi học, mọi người gọi tôi bằng trò, trò Nguyễn Văn Cục ! Nay lại được làm thầy, tôi ngờ ngợ, không tin ở lỗ tai mình. Tôi hỏi chú Năm Mùi :

— Thầy gì hở chú ?

Chú Năm Mùi nói lơ lửng :

— Thầy, chớ còn thầy gì nữa ! Thôi biết vậy cái đã. Công việc của tao đang búi xồm xồm ! Còn phải đi họp, còn phải xuống lò rèn, còn phải lên xã... Đi cái đã.

Nói xong, chú Năm Mùi vội vàng rút cái xắc quàng lên vai, quày quả bước ra ngõ.

* * *

Thằng Cù Lao cũng không tin mình có thể tiến bộ một cách vượt bậc như vậy. Ở ngoài hải đảo nó không đi chăn trâu, chỉ đi bắt cá. Mọi người cũng gọi nó bằng thằng. Về Hòa Phước nó được đi học. Mọi người gọi nó bằng trò, trò Cù Lao. Nay được làm thầy ! Tôi và thằng Cù Lao không dám nghĩ được làm thầy dạy học. Đó là một vinh dự quá lớn. Muốn được làm thầy dạy học, phải hiểu nhiều biết rộng, đi đứng phải đĩnh đạc, ung dung. Thằng Cù Lao hỏi tôi :

— Không biết bọn mình sẽ được làm thầy gì ? Ở ngoài cù lao Chàm cũng có nhiều người được làm thầy. Ông lang làm cao đơn hoàn tán, được gọi bằng thầy. Ông già chuyên việc bắt gió cho người bị cảm cũng được gọi bằng thầy...

Tôi cố nhớ những người được gọi bằng thầy :

— Ở đây cũng có nhiều thầy. Thầy bói xem quẻ biết được vận mệnh người ta. Thầy tướng xem mặt mũi chân tay biết được người nào sẽ sung sướng hay cực khổ. Thầy cúng đuổi được bọn ma quỷ. Thầy đồng làm cho vong hồn người chết được nhập cốt. Nhưng tất cả đều láo toét. Ủy ban sẽ cấm hết. Cả mấy ông thầy kiện hay đâm thọc cũng bỏ nghề. Không nên làm những nghề đó.

Tôi chợt nhớ đến mấy ông thầy chùa vẫn còn tụng kinh gõ mõ. Các ông thầy chùa phải bị cạo trọc. Nhớ đến cái đầu trọc là tôi hoảng kinh. Chính con dao cạo của ông Bảy Hóa ở chùa đã gây cho tôi biết bao đau khổ. Ông Bảy Hóa có cái thú được cạo trọc đầu người khác, hoặc ông không thích những người có nhiều tóc.

Thỉnh thoảng, ông đi ngang qua nhà tôi, nói thật to, cốt để mẹ và chị Ba tôi nghe :

— Ơ kìa! Cái đầu tóc của thằng Cục tốt như rừng rậm kìa!

Mẹ và chị Ba cũng kêu lên :

— Tóc mày tốt rồi đó, để cho ông Bảy cạo đi !

Tôi vùng vằng :

— Không cạo đâu !

Ông Bảy Hóa cười khẹc khẹc như người bị ho :

— Có cạo thì đẹp cho mày chớ có đẹp cho tao đâu ! Để vậy cũng được ! Nhưng cái gương đây này, soi thử coi.

Ông Bảy Hóa móc trong bao ra một cái gương tí xíu, chìa cho tôi. Tôi soi gương. Tóc của tôi có dài, nhưng chưa dài lắm. Tôi tản đi nơi khác, giả vờ bận đưa trâu Bình ra sông uống nước.

Lần sau gặp tôi, ông kêu to hơn :

— Tóc mày búi lên được rồi đó ! Búi lên thành một cục giồng đứa con gái ! Cạo hay không kệ mày. Nhưng cái gương đây, cho mày soi.

Cái gương trung thực chỉ thẳng cho tôi thấy tóc đã phủ xuống cổ. Tóc dài nom kỳ quá. Tôi đành ngồi xuống. Ông Bảy Hóa cười hì hì, lấy nước vỗ vào đầu tôi. Ông rút con dao cạo trong bao, liếc liếc vài cái vào ống quần rồi bắt đầu cạo. Mỗi nhát dao cạo làm tôi tưởng mỗi miếng da đầu của tôi đã bị lóc. Xót quá, tôi co dúm người lại.

Ông Bảy ngừng tay :

— Thằng này nhát như cáy !

Tôi nghiến răng, lại ngồi yên. Nhưng xót quá, tôi đẩy tay ông Bảy ra, đứng dậy. Ông Bảy cười to như đã nắm chắc phần thắng :

— Mặc kệ mày ! Để vậy cũng được. Tao cũng chẳng muốn cạo nữa đâu. — Ông Bảy vừa nói vừa xếp con dao cạo.

Tôi lấy gương dòm vào. Còn lại một mảng tóc ở ngay bên tai, nom kỳ quặc quá ! Tôi đành ngồi lại để cho ông Bảy cạo nốt. Cái đầu tôi trắng hếu. Sau ngày cướp chính quyền, một hôm, chị Ba tôi nói với mẹ :

— Thằng Cục cạo đầu, con thấy nó hóa dữ tợn. Cách mạng lên rồi. Phải đi cúp tóc để cho nó văn minh lên mới được.

Tôi đã được đến hiệu để cắt tóc. Thằng Cù Lao bảo nó cũng được cách mạng giải phóng, nên khỏi bị cạo trọc đầu. Khi cạo trọc xong, nó xuống biển tắm. Nước mặn dưới biển ngấm vào da đầu nghe xót như cắt.

2

Tôi và thằng Cù Lao đến nhà chú Năm Mùi để hỏi thêm về việc được làm thầy. Nhưng anh Bốn Linh và thầy Lê Tảo đã có ở đó. Chú Năm Mủi tiếp tục câu chuyện đang trao đổi :

— Anh Bốn là chỉ huy tự vệ. Đã là quân sự thì phải lo dẹp cho hết các thứ giặc. Nay Cụ Hồ chỉ cho dân thấy có ba thứ giặc: Giặc dốt, giặc đói và giặc xâm lăng. Giặc xâm lăng chiếm nước ta tám mươi năm, giặc đói cũng vậy. Riêng giặc dốt chúng chiếm nước ta đã nghìn năm. Vua chúa ngày trước đều bó tay. Nay có Cách mạng mới dám cử đại binh tiêu diệt.

Thầy Lê Tảo, trước kia là thầy dạy học trong làng, gật gù :

— Chí lý ! Chí lý !

Anh Bốn Linh hỏi :

— Vậy đánh đâu trước ? Đánh thế nào đây ?

Chú Năm Mùi quả quyết :

— Đánh hết và đánh mạnh ! Ở đất Hòa Phước nầy mọi người đều dốt đặc. Nhưng làm biếng trổ trời ! Làm biếng kiếm chuyện

nói quanh. Bà Bảy Đệ hỏi tôi học để làm gì ? Chữ nghĩa không làm no bụng. Lắm người, dạ đầy chữ, bụng lại đói meo. Chỉ có tiền ! Tiền mới làm no bụng. Tiền là ông chủ. Có tiền mới sai khiến được thiên hạ, mới mua được ruộng cả ao liền. Bà nói tiền là cái địa bàn. Hết tiền là mất phương hướng. Còn ông Kiểm Lài lại nói cách khác. Cái gì cũng không qua cái số. Được cái số thì không học cũng giỏi. Không được cái số thì có học mấy cũng u mê. Thánh nhơn giỏi từ trong bụng mẹ. Cái số ông dốt, ông đành chịu dốt.

Anh Bồn Linh tiếp theo :

— Chín người mười cuồng họng ! Ông Nguyên ở thôn trên, hôm dạy thể võ cho đội tự vệ lại nói : Đã là thầy thì cái gì cũng phải hơn trò. Thầy dạy chữ cho ông học còn phải giỏi võ nữa, vì ông ta giỏi võ. Văn võ kiêm toàn thì mới làm thầy ông được. Thầy dạy lớp binh dân ở thôn ông chỉ là thằng con nít mới lọt lưng trâu. Như vậy chướng quá, ông không thèm học !

Mọi người cười hà hà. Thầy Lê Tảo nói :

— Cũng vì ta chưa nói cho bà con nghe rõ sự lý. Phải khai thông cái trí thì lỗ tai nghe mới thuận. Nghĩ vậy, tôi có làm bài thơ, nói sự lý đó.—Thầy Lê Tảo đã xuất khẩu là thành thơ. Thầy đọc ngay : « *Nay Cách mạng thành công, sông núi xuất anh hùng, giang sơn liền một mối. Ông thiên lý xa soi nghìn lối, muôn trí khôn dồn lại một bầu. Vậy nên già trẻ nghèo giàu. Ai cũng phải diệt loài giặc dốt !* ».

Chú Năm Mùi và anh Bồn Linh đều khen hay. Chỉ có câu « Muôn trí khôn dồn lại một bầu », anh Bồn Linh nghe chưa sướng. Vì khi Cách mạng đã thành công phải để trí khôn tỏa ra, không nên bắt trí khôn dồn lại. Anh Sáu về đây đã giảng giải : Nước ta trước đây là một nhà tù lớn. Mọi người đều bị giam hãm trong dốt nát, trong áp bức, trong nghèo nàn, trong mê tín dị đoan, giam hãm cả trong đồng tiền nữa. Nay Cách mạng đã về. Cách mạng phải mở rộng ra, phải giải phóng, không

nên dồn lại. Anh Bồn xin phép bỏ câu « Muôn trí khôn dồn lại một bầu » và thế vào bằng câu « Mang trí khôn mở rộng cuộc đời », thay chữ « dồn » bằng chữ « mở ».

Chú Năm Mùi, cả thầy Lê Tảo đều gật gù công nhận chữ « mở » đã làm cho bài thơ tuyệt diệu hơn.

Anh Bồn Linh ra dáng suy nghĩ :

— Nhưng còn thầy dạy, lấy đâu cho đủ ?

Chú Năm Mùi nói như đã sắp xếp từ trước :

— Ta phải mở một lớp đặc biệt, có đủ bàn ghế đèn đóm. Thầy giỏi đã có anh Bảy Hoành. Anh có cả một thùng sách. Muốn mở thêm lớp nữa thì đã có cô Ba chữ nghĩa cũng vào loại khá.

Chú Năm Mùi nhìn về phía tôi và thằng Cù Lao :

— Kìa, chúng ta đã có sẵn hai chiến sĩ diệt dốt kìa ! Chú Cù Lao học đã thành tài. Nay sung vào đội quân diệt dốt là đúng lắm. Cả chú Cục kia nữa, cũng đã tốt nghiệp lớp ba tháng. Hai chú đều văn hay chữ tốt. Địa lý, lịch sử cái gì cũng đều giỏi cả. Nay được thăng lên làm thầy là rất phải. Anh Bồn Linh quay nhìn tôi và thằng Cù Lao.

— Đánh giặc ngoại xâm thì hai chú chưa đến tuổi tòng quân. Đánh giặc đói thì cầm cày cầm cuốc chưa vững. Đưa đi đánh giặc dốt là đúng, là hợp khả năng, là đi đúng lập trường.

Chú Năm Mùi nói tiếp :

— Còn một số như bà Kiến, ban đêm cứ thầy một bông đèn thành hai bông đèn, đến lớp không được. Hoặc như ông Hai Dĩ ban đêm phải làm thịt chó. Rắc rối làm vậy ! Phải có thầy dạy đến tận nhà, mọi việc mới xong được.

Anh Bồn Linh vội vã tán thành :

— Phải ! Rất phải ! Chỉ vậy mà tôi cứ quên ! Bà Kiến suốt đời đói khổ. Ông Hai Dĩ cực chẳng đã mới đi bán thịt chó. Mọi người đều xa lánh. Chú Năm nói phải ! Cách mạng phải nhớ đến họ...

Nét mặt chú Năm Mùi trở nên nghiêm trang :

— Lúc đầu, anh Sáu nói bà Kiến bị giam hãm trong đói rách, ông Hai Dĩ bị giam hãm trong cô độc. Bọn xâm lược đã bày ra đủ thứ mê tín để giam hãm dân ta. Vì tin nhảm nên mọi người đã tránh xa ông Hai Dĩ. Nay tôi mới hiểu ra. Cũng vì cái lập trường của mình còn non yếu... Nay ta phải cử thầy dạy giỏi đến dạy cho ông Hai và bà Kiến, như vậy mới đi đúng... lập trường !

* * *

Chú Năm Mùi phân công rõ ràng cho tôi và thằng Cù Lao ban ngày phải đến dạy cho ông Hai Dĩ và bà Kiến học. Tôi dạy cho ông Hai Dĩ là chính. Thằng Cù Lao dạy cho bà Kiến là chính. Tôi rất thất vọng. Không hiểu sao chú Năm Mùi lại bắt tôi làm một công việc như vậy. Nghe phải dạy cho ông Hai Dĩ, tôi kêu lên :

— Ối ! Ông Hai Dĩ làm sao dạy được !

Chú Năm Mùi nhìn thẳng vào tôi :

— Ông Hai Dĩ thế nào ?

— Người ta sẽ cười tôi đó !

— Vì sao ?

— Vì đi dạy một người bán thịt chó. Ai cũng cười chê ông Hai Dĩ. Ông hôi lắm mà ! Ai cũng nôn ọe. !

— Mình là chiến sĩ diệt dốt. Mình phải làm cho mọi người khen ông mới được. Ông có hôi là tại cái tin nhảm. Tao đứng sát bên ông, chẳng nghe hôi thối gì cả.

Tôi nghe anh Bốn Linh nói ông Hai Dĩ bị giam hãm trong cô độc. Nhưng quả thật tôi cũng chưa hiểu ông Hai Dĩ bị giam hãm trong cô độc như thế nào ? Tôi hỏi :

— Suốt ngày, ông Hai Dĩ đi lên đi xuống, có bị giam gì đâu ?

Chú Năm nói :

— Thế giả thử mọi người gặp mày đều lấy tay bịt mũi, đều tránh xa, đều ù té bỏ chạy, lại ném đất đá vào người nữa ! Như vậy, mày thấy vui hay buồn. Nếu mày thấy buồn là hiểu rồi đó.

Tôi đang phân vân, chợt thằng Cù Lao nói :

— Cục chưa quen được mùi thịt chó. Vậy chú Năm để ông Hai Dĩ cho tôi lo. Cục lo cho bà Kiến.

Tôi thở phào !

3

Vùng tôi trước đây không ăn thịt chó. Không phải vì ở đó có nhiều thịt. Không ăn thịt chó vì một thành kiến. Thành kiến đó sau ngày Tổng khởi nghĩa còn khá nặng nề. Người ta có thể ăn thịt rắn, thịt chuột, thịt cóc, ăn cả những gì dạ dày không cho phép cũng chẳng ai dị nghị gì cả. Nhưng nếu ăn thịt chó thì ôi thôi, tất cả uy tín đều tiêu tan ! Người đó bị xem là đứa phàm ăn. Mọi người đều tin thịt chó là loại thịt ô uế. Thịt chó vào bụng sẽ làm mất hết cái tinh khiết của con người. Nguy hại nhất là lúc chết ! Người ăn thịt chó khi chết phải xuống địa ngục, phải qua mười cửa điện Diêm vương, phải bị bọn quỷ sứ moi gan móc mắt, phải chịu những nhục hình ghê rợn. Chỉ một lát thịt chó trôi vào bụng thì cửa ngõ chốn âm ty đã sẵn sàng để chờ đón. Dù lòng từ bi của Phật tổ có rộng như biển cả cũng không phương cứu xét. Có người thoáng nghe mùi thịt chó đã nôn nao, cơm canh trong bụng đều tuôn ra hết. Những người như vậy được xem như có cốt tiên phật, sau này chết đi sẽ được lên ở cùng thần tiên vô cùng sung sướng.

* * *

Làng tôi trước kia có ông Hai Dĩ làm nghề bán thịt chó. Ông đã ăn thịt chó, lại còn giết chó lấy thịt đem bán. Có người bảo kiếp trước của ông Hai Dĩ là một tên đao phủ. Khi chết ông bị đày xuống âm phủ, phải chịu tất cả những cực hình. Sau đó, Diêm vương cho ông đầu thai làm lại kiếp người, đi bán thịt chó. Lũ chó bị ông giết biến thành ma chó quay lại báo thù. Khi ngủ, ông Hai Dĩ cứ nói ú ớ. Là vì lũ ma chó xông vào cắn cổ.

Ông Hai Dĩ sống thui thủi một mình, chẳng thấy có vợ con hoặc người nào đến thăm viếng. Mọi người tin ở ông toát ra một mùi thịt chó rất lợm. Chỉ hít mùi thịt chó cũng phải tu đến một nghìn năm sau này mới lên cõi tiên được. Tôi và lũ chăn trâu trong làng khi gặp ông Hai Dĩ liền tránh xa ra một bên. Khi ông vừa đi qua, chúng tôi ù té bỏ chạy, vừa chạy vừa khạc nhổ : Ôi ! Ông Hai Dĩ hôi lắm ! Hôi lắm !

Bọn chó vùng Hòa Phước đánh mùi ông Hai Dĩ rất giỏi. Ông vừa đến đầu làng, chó giữa làng đã nổi sủa. Ông vừa đến giữa làng chó cuối làng đã nổi sủa. Tiếng chó dấy lên từ xóm này sang xóm khác như có hàng trăm chiếc mõ nổi đánh dồn dập. Không có một con vện, con vàng nào lại không tham gia đuổi ông Hai Dĩ. Chúng tru tréo, gào thét, cố khạc cho hết mật đắng vào người ông. Tiếng sủa đuổi ông Hai Dĩ là những tiếng sủa hằn học nhất, cay cú nhất, độc địa nhất. Từ những con chó chỉ biết yêu thương, biết liếm những bàn tay đã đánh chúng, những con chó chỉ biết trả lại những gậy suýt chết bằng những ngoắc đuôi đầy tình nghĩa cho đến những con chó siêng năng, cần mẫn, bận suốt đêm để giữ trộm, hễ nghe tăm ông Hai Dĩ đều nhảy xổ ra sủa. Từ những con chó già gầy guộc, rụng lông, giơ xương, cả rận và bọ chét cũng không thèm sống chung với chúng, đến những con chó tròn trĩnh, béo tốt, điệu bộ khoan thai, khi sủa chỉ sủa vài tiếng, khi đánh hơi có ông Hai Dĩ đều nổi giận, nhảy xổ qua rào, vừa phóng vừa sủa. Những con chó sủa không đâu, những con chó không sủa, lén lút, biết giấu kín sự căm giận, biết nép mình trong xó bụi, phóng ra cắn trộm, tất cả, khi đánh hơi biết có ông Hai Dĩ đều

vụt chạy, sủa toáng lên như bị gậy nện vào đít. Con Mốc nhà bác Úc mỏ ngắn, đuôi xoắn tròn lên lưng, biết ngủ có chỗ, biết sủa có lúc. Bác Úc thường nói : « Con Mốc tao đã sủa thì nhất định có trộm ». Khôn ngoan đến vậy, khi nghe có ông Hai Dĩ cũng hóa điên, phóng cả vào cọc, ngã lăn kềnh, ra sức chạy để kịp nguyền rủa ông Hai Dĩ. Con Mun nhà ông Kiểm Lài, mõm dài, mép hếch đầy vẻ chua chát, suốt ngày cứ sục sạo tìm kiếm, khi nghe tăm ông Hai Dĩ đều vứt hết, phóng cả qua bờ tre, đuổi theo ông Hai Dĩ. Con Vá nhà bà Kiền, gầy guộc, tiếng sủa ăng ẳng thành một tràng dài dính nhau như người líu lưỡi, chăm đuổi gà, không gây sự, khi có chó lớn chạy đến, nó ngoắc đuôi nằm rạp len lét bỏ đi, khi có ông Hai Dĩ bỗng hóa mãnh liệt. Bốn chân nó choãi về trước, đuôi kẹp vào chân sau, gào thét, lông lá dựng lên đầy sát khí. Tất cả rượt đến, vây quanh ông Hai Dĩ. Vô số mõm nhọn như mũi mác chĩa vào người ông Hai Dĩ, muốn ngoặm cổ, băm vằm, xé xác ông ra từng mảnh mới hả dạ. Chúng nhảy tới, thụt lui, lồng lộn tưởng như bị rán trên chảo mỡ. Chúng tru tréo làm náo động cả làng. Ai cũng làu bàu :

— Lại lão Hai Dĩ bán thịt chó ! Lại thằng Hai Dĩ chó chê !

* * *

Bọn trẻ con đang chăn trâu ngoài bãi vụt chạy, vừa chạy vừa gào :

— Lão Hai Dĩ chúng bay ơi ! Lão Hai Dĩ bán thịt chó ! Mau đến coi !

Tôi và thằng Cù Lao cũng vụt chạy. Tất cả vừa chạy vừa nhặt đất. Chúng tôi nép vào một bụi kín. Ông Hai Dĩ từ xa tiến đến, tay cầm một roi tre, tay nách một rổ thịt chó. Ông bước thủng thỉnh, vẻ im lìm như một bóng ma. Tôi với mấy thằng mất dạy nhất tung đất. Đất rơi ào ào khắp người ông Hai Dĩ. Ông Hai Dĩ nổi thét to :

— Ối, ối ! Bể đầu tao rồi, chúng bay ơi !

Tôi và lũ trẻ lại bỏ chạy. Tôi chạy đến nép sau cây duối, đứng nhìn lại. Ông Hai Dĩ vứt rổ, ngồi bệt xuống đất, hai tay ôm lấy trán. Thằng Cù Lao đã chạy lại bên ông. Hình như nó đang nói gì với ông Hai Dĩ. Nó cúi nhìn vào trán, vào mặt của ông, lấy tay phủi phủi. Tôi bước lại gần hơn. Thằng Cù Lao đang tìm kiếm gì quanh bụi. Tôi thấy nó hái lá cây, vò nát đem đắp chỗ trán ông Hai Dĩ. Có lẽ ông Hai Dĩ đã bị thương ở trán. Tôi gọi tó :

— Cù Lao ơi !

Nhưng thằng Cù Lao đã cúi xuống nách rổ thịt. Nó cùng ông Hai đi về một phía.

Theo sự phân công của chú Năm Mùi, tôi dạy cho bà Kiến là chính. Thằng Cù Lao dạy cho ông Hai Dĩ là chính. Nhưng hai đứa phải giúp nhau.

Ai cũng biết tôi và thằng Cù Lao sẽ đi dạy học, sẽ làm chiến sĩ diệt dốt. Chị Ba, anh Bốn gặp chúng tôi đều có lời khuyên bảo, nhất là chị Ba. Chị nói :

— Em của chị đã làm cán bộ rồi đó ! Không còn là con nít nữa đâu. Từ nay đi đứng phải nghiêm trang. Nói năng phải từ tốn. Chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là không làm thầy được đâu. Phải nói cho bà Kiến hiểu về chủ trương diệt dốt. Phải biết giải thích. Tập làm cán bộ cho quen. Nói với bà như thế này : kẻ không học cũng như người mù. Kẻ mù khi đi phải vấp ngã. Có lúc rơi tòm xuống sông chết chìm.

Nói đến đây, chị Ba thấy cách giải thích như vậy nghe hơi quá, nên chữa lại :

— Hay chỉ nói như thế này : Học một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tấm thân.

Chị Ba nói như lặp lại lời anh Bốn Linh :

— Nhớ phải dọn dẹp nhà cửa, gánh nước, nấu cơm, làm công tác quần chúng. Nhất là thằng Cù Lao đã đi học ngoài Đà Nẵng phải nói nhiều chuyện thời sự. Phải làm cho ông Hai và bà Kiến nhìn xa thấy rộng, không bị giam hãm như trước. Nhất là về chuyện thời sự trong nước, anh Bốn Linh và chú Năm Mùi rất quan tâm. Vì nhờ đó bà Kiến và ông Hai Dĩ sẽ giác ngộ. Chị Ba nhìn tôi một lượt từ đầu đến chân :

— Mặt mày phải nhớ rửa cho sạch. Này cái gương đây, chị cho mượn. Nhỡ mặt bị vết nhọ, phải soi gương mới biết.

Chị Ba cười sung sướng :

— Phải công tác cho giỏi để trở thành cán bộ đứng giữa hội nghị diễn thuyết làu làu mới thích !

* * *

Chiều bắt đầu xuống. Ráng chiều làm đỏ ối cả dòng sông Thu Bồn. Về phía tây, cây sung đầu làng như ngập trong lửa. Bãi dâu đã sẫm lại, nhòa dần trong bóng tối. Tôi đánh trâu Bĩnh về chuồng. Tôi cần đến sớm nhà bà Kiến để... giải thích và khai giảng. Chú Năm Mùi đã bảo : Phải tập giải thích cho quen. Ở đời có làm mới biết, mới giỏi được !

Thằng Cù Lao tối nay cũng đến gặp ông Hai Dĩ. Tôi sang nhà anh Bốn Linh rủ nó cùng đi. Ra đến ngõ gặp chú Năm Mùi. Chú chắp hai tay chào :

— Chào thầy Cục ! Chào thầy Cù Lao ! Có phải hai thầy đi khai giảng đó không ?

Tất cả cùng cười. Tôi rẽ sang nhà bà Kiến. Bà Kiến đang ngồi kéo vải. Nghe tiếng động, bà ngước lên :

— Ai đó ?

— Tôi đây !

Tôi khệ nệ bước vào. Tôi nhớ chị Ba đã dặn đi đứng phải nghiêm trang, trước tiên phải tuyên truyền giải thích. Tôi định lặp lại lời chị Ba : Bà phải học cho biết chữ, vì « một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tấm thân ». Nhưng chợt tôi thấy cách nói như vậy nghe đột ngột và thấy nó lôi thôi thế nào. Tôi nghĩ cần phải tìm một câu nói hay hơn. Tôi nhớ đến câu của thầy Lê Tảo : Học hành cũng như cái ống thiên lý xa soi nghìn lối. Nhưng câu đó chợt thấy khó hiểu. Tôi lại cố tìm một câu khác, nhưng loay hoay không tìm ra. Năm phút rồi mười phút trôi qua. Tôi nhìn bà Kiến. Trước mặt tôi là một người học trò già, da bà đã bắt đầu nhăn nheo. Tôi hơi ngượng. Lạ thật ! Khi đến chơi nhà bà Kiến để tán phét thì tôi nói năng lưu loát, nói mấy cũng được. Đến khi có ý đồ, tôi lại ngượng ngập, nói không ra hơi. Mới hay đi làm cán bộ như anh Bốn Linh cũng không phải dễ !

Bà Kiến thấy tôi khác trước vì cứ mải im lặng, ngước lên hỏi :

— Có việc gì đó ?

Đang lúc bí, tôi nói vu vơ :

— Chơi thôi !

Nói xong, tôi mới biết mình đã nói láo. Tôi không có ý trả lời như vậy. Tôi càng ngượng, cứ ngồi im, đưa mắt nhìn lên trên giàn.

Bà Kiến nhìn theo lên giàn :

— Có mấy trái bồ quân để trên giàn, muốn ăn cứ lấy xuống mà ăn.

Có lẽ bà Kiến tưởng tôi muốn vòi bồ quân, nhưng không dám vòi nên cứ ngồi im. Tôi nghe giận, cũng không biết giận bà Kiến hay giận mình. Tôi trả lời gọn lỏn :

— Không thèm ăn đâu !

Bà Kiến ngạc nhiên lại ngước nhìn tôi. Bà nói khe khẽ như chỉ để mình bà nghe :

— Làm lành với nhau thì hơn. Cũng là bạn bè với nhau cả. Rủi bị bạn bè nện cho cục u, cũng nên xí xóa.

Thì ra bà Kiến tưởng tôi vừa bị bọn chăn trâu đánh nên vẻ mặt sa sầm. Quả thật dạo đó tôi hay vật lộn với bọn chăn trâu. Khi nổi khùng có tặng cho nhau những cú đấm đá.

* * *

Tôi đem việc gặp bà Kiến nói với thằng Cù Lao. Thường lúc tôi bị xẹp, nó hay giúp tôi lên dây cót. Nó với tôi nhất trí phải dồn tất cả những câu hay nhất của chị Ba, của chú Năm Mùi, của anh Bốn Linh để nói cho bà Kiến nghe. Thằng Cù Lao cũng sẽ theo tôi đến nhà bà Kiến để trợ lực.

Chiều xuống, ếch nhái bắt đầu kêu ran. Tôi và thằng Cù Lao đến nhà bà Kiến. Vào nhà, vừa ngồi xuống, tôi đọc liền một hơi những câu đã thuộc. Cuối cùng, tôi kết luận là nhất định bà Kiến phải học. Vì học một chữ đáng nghìn vàng... Tôi đã nói xong, nhưng nét mặt bà Kiến vẫn thản nhiên. Một nếp nhăn nhỏ nhất trên trán của bà cũng không động đậy. Cái xa kéo vẫn quay rè rè, sợi chỉ vẫn tòi ra từ đầu con cúi. Một chốc sau, bà Kiến đủng đỉnh nói :

— Học một chữ đáng nghìn vàng, nếu được vậy thì bà giàu có đến hàng triệu bạc. Bà biết có đến mấy nghìn chữ.

Lặng yên một lúc, bà nói tiếp :

— Nếu các trò không tin bà, bà đọc cho mà nghe : Này, thiên nghĩa là trời, địa nghĩa là đất, cử là cất, tồn là còn, tử là con, tôn là cháu, lục là sáu, tam là ba, gia là nhà, quốc là nước, tiền là trước, hậu là sau...

Bà Kiến cứ đọc thao thao bất tuyệt.

— Thấy chưa ? Bà không chỉ biết một chữ mà biết đến ba nghìn chữ. Đó là chữ của thánh hiền, chữ của ông bà để lại. Cứ mỗi chữ đáng nghìn vàng tính ra bà có ba triệu đồng vàng. Thế sao không có một xu dính túi ? Suốt đời cực khổ. Nay Cách mạng về, bà mới có cái nhà, cái xa kéo sợi.

Tôi cãi lại :

— Đó mới là biết chữ một, chữ nào nghĩa ấy. Thầy Lê Tảo bảo : biết chữ là phải biết đọc cả câu. Mỗi câu phải là lời lẽ của thánh hiền. Lại còn phải biết viết nữa.

Bà Kiến cười :

— Ừ, thì bà cũng viết được đây này. Chữ nhất là một thì ngang, một ngang. Chữ nhị là hai thì ngang hai ngang. Chữ tam là ba thì ngang ba ngang. Chữ thập là mười thì ngang ngay sổ thẳng này...

Bà Kiến vừa nói vừa lấy ngón tay trỏ vạch trên chiếc mủng.

— Còn lời lẽ của thánh hiền ?

— Lời lẽ của thánh hiền, bà cũng học hết.

Nói xong, bà Kiến nổi lên đọc ê a, giống những ông đồ ê a lúc giảng sách : « Quan quan thư cưu. Tại Hà chi châu. Yểu điệu thục nữ. Quân tử hảo cầu ». Nghĩa là đức thánh ngài nói rằng : Òa òa con chim thơ cưu. Tại chưng doi sông Hà. Yểu điệu người con gái lành. Người quân tử hảo cầu...

Thằng Cù Lao đang nhìn bà Kiến đầy thán phục

Tôi cãi lại :

— Chẳng có nghĩa lý gì cả ! Chim gì là chim thư cưu ? Bà đi hỏi khắp thiên hạ thử có chim gì là chim thư cưu. Thục nữ nghĩa là gì. Phụ nữ mới đúng. Đó không phải là chữ nghĩa thánh hiền đâu !

Bà Kiến không chịu thua :

— Thế câu này có phải là chữ nghĩa thánh hiền không hả ? « Hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ ? Nhơn bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ ? ». Đức thánh ngài nói rằng : Có bạn hữu từ phương xa đến, lại không vui ôi ? Người không biết mình mà mình cũng không giận, cũng chẳng phải là kẻ quân tử ôi ? Nghĩa lý của thánh hiền như vậy đã rõ ràng quá. Ví như trò Cù Lao ngoài biển đông về, trò Cục há chẳng vui sao ? Bọn chăn trâu không biết trò Cục nên chẳng thèm coi trọng, đã nện cho trò Cục bị một cục u. Nhưng trò Cục không thèm giận. Đó chẳng phải là kẻ quân tử ôi ?

Tôi không ngờ bà Kiến lại giỏi chữ nghĩa thánh hiền đến vậy. Tôi đuối lý, đưa mắt nhìn thằng Cù Lao, ra hiệu để nó viện trợ giúp. Thằng Cù Lao đang nhìn bà Kiến đầy thán phục. Bà Kiến tiếp tục tấn công :

— Bà không chỉ thuộc sách thánh hiền mà còn thuộc cả tiếng Tây nữa. Này, nghe đây : Toa với moa gá nghĩa a-mi, tình bạn hữu đờ-puy lông-tần, sau những buổi cô-dê dài ngắn, đã biết rằng vu-dết bông cai...

Tôi kêu lên :

— Tây không ra tây, ta không ra ta. Đã là chữ Tây, sao lại có chữ « gá nghĩa », chữ « bạn hữu », chữ « dài ngắn ». Chẳng có nghĩa lý gì cả !

Bà Kiến cười :

— Nghĩa lý là thế này : Mày với tao gá nghĩa bạn bè. Tình bạn hữu đã lâu rồi đó. Sau những buổi chuyện trò dài ngắn.

Đã biết rằng tốt bụng với nhau... Có phải giữa trò Cục và trò Cù Lao đã gá nghĩa bạn bè, rồi có củ khoai trái bắp đều chia nhau...

— Nhưng cũng không phải là tiếng Tây !

Bà Kiến ngước lên, giọng quả quyết :

— Toàn chữ Tây, bà đây cũng không thiếu. — Bà Kiến dọn giọng nói giòn tan :

— Má-đàm vớ-nê đờ Hòa Phước. Na pa các. Moa xi-nhanh me-xừ côm-mít-xe. Nghĩa là mụ này ở Hòa Phước đến. Không giấy căn cước. Tôi trình quan cẩm.

Tôi và thằng Cù Lao nhìn bà Kiến, mồm há hốc. Ví thử bà Kiến đột ngột biến thành một nàng tiên, hai vai mọc cánh, chợt bay vút lên chín tầng mây cũng không làm chúng tôi ngạc nhiên đến thế. Tiếng nói bà Kiến như từ xa vang lại :

— Hai trò cứ mời người giỏi tiếng Tây đến đây để sát hạch, coi có phải đúng tiếng Tây không ?

Bà Kiến cười thắng trận :

— Thế còn gì phải học thêm nữa đâu.

Thằng Cù Lao không chịu rút lui :

— Đó mới là chữ nho và chữ Tây. Phải học chữ quốc ngữ kia. Chữ quốc ngữ bà chưa biết.

Bà Kiến bĩu môi :

— Hồi trước, ông bà mình có ai học chữ quốc ngữ đó đâu. Nó có móc, có gai lòng thòng coi dễ sợ lắm. Không như chữ nho của ông bà mình mềm mại. Cái bút lông của mình như cái búp măng. Có đâu như cây bút sắt đâm thủng bụng. — Bà nhìn thẳng vào tôi và thằng Cù Lao giảng tiếp — Chữ quốc ngữ là chữ hồi thằng Tây đến mới có. Ông bà ngày trước chỉ học với cây bút lông. Các trò cứ hỏi thầy Lê Tảo, có phải bà nói có chứng có cớ không ?

Tôi đợi thằng Cù Lao cho ra cái gì thật sắc bén, đánh gục bà Kiến bắt phải quy hàng. Nhưng nó vẫn lặng thinh chẳng có lý lẽ gì để chọi lại.

Ngoài sông Thu Bồn chợt vang lên tiếng đò gọi khách xuôi phố : « Ai xuôi đò ò... ? ». Tiếng gọi đò vang vọng tràn khắp bãi dâu, theo gió nồm bay tận đến chòm đa Lý. Tôi nháy thằng Cù Lao, lặng lẽ rút lui.

* * *

Tôi và thằng Cù Lao gặp chú Năm Mùi nói tất cả những việc vừa xảy ra : Nào là bà Kiến biết đến ba nghìn chữ nho, bà đọc một lèo thao thao như nước chảy. Nào là bà thuộc hết cả sách vở của thánh hiền, nghĩa lý vô cùng thâm thúy. Bà không chỉ giỏi chữ nho mà còn giỏi cả chữ Tây nữa. Bà nói tiếng Tây giòn tan, như ngô rang...

Tôi và thằng Cù Lao càng trầm trồ bao nhiêu thì chú Năm Mùi càng tỏ vẻ phớt lờ bấy nhiêu.

Chú nói :

— Có chi đâu lạ. Trước đây, bà Kiến đi ở đợ cho nhà giàu. Nhà giàu rước thầy đồ dạy chữ nho cho con cháu học. Nghe học trò ê a đọc sách, bà đã nhớ hết. Bà nhớ tài lắm. Trước đây bị đói, bà mò ra ngoài Đà Nẵng để kiếm ăn. Bà không có thẻ thuế thân nên bị lính cu-lít bắt nộp thẳng cò. Chúng nó nói tiếng Tây với nhau, bà cũng nhớ được. Bà nói như thế này chứ gì : Má-đàm vớ-nê đờ Hòa Phước, na pa các. Moa xi-nhanh me-xừ lơ côm-mít-xe. Bà chưa chịu học là vì bọn bay chưa biết cách nói đó thôi. Chỉ nói thêm như thế này : — Nay mai, người ta sẽ ngăn cổng vào chợ. Người nào biết đọc chữ quốc ngữ họ mới để vào. Chỉ nói như vậy là bà học ngay. Việc dễ như chơi. Có gì đâu mà rối lên vậy !

Tôi và thằng Cù Lao lại đến nhà bà Kiến. Tôi cho ra ngay câu nói của chú Năm Mùi :

— Nay mai, người ta ngăn chợ. Ai biết chữ quốc ngữ mới được vào chợ !

Tôi vừa nói xong, bà Kiến ngừng quay xa kéo vải nhìn vào tôi :

— Ai nói vậy ?

— Lệnh ở trên. Chú Năm Mùi vừa cho biết, ai dám nói sai ! Bà cứ hỏi chú Năm sẽ rõ.

Bà Kiến dựng thẳng cột sống :

— Người không đọc được chữ quốc ngữ, làm sao ?

— Đứng ngoài cổng, rồi quay về thôi ! Lệnh nghiêm lắm !

Tôi thấy bà Kiến ngồi thừ ra. Môn thuốc của chú Năm đã công phạt. Thuốc đã ngầm vào người của bà Kiến. Tôi hỏi dò la :

— Bà có đi chợ không bà ?

Tiếng bà Kiến nhỏ hẳn :

— Đi chợ mới mua được đồng mắm đồng muối. Thôi, bà phải học ! Mà tội chi không học. Kiếm vài chữ bỏ bụng cũng sướng !

Tôi và thằng Cù Lao đứng bật dậy reo lên, phóng một mạch chạy gặp chú Năm Mùi. Vừa gặp chú Năm Mùi, tôi thét to :

— Bà Kiến chịu phép rồi ! Sao chú tài vậy chú ?

Chú Năm Mùi vẻ thản nhiên :

— Tại bọn bay dốt không biết bắt mạch. Tao bắt mạch biết bà Kiến rất mê đi chợ. Không có một đồng xu cũng mò đến chợ. Đi quanh chợ một vòng đối với bà còn thích hơn đi xem hát bội. Cũng như mày mê vật lộn, thằng Cù Lao mê lội bơi, tao, trước đây, tao mê hát bội. Ở đời ai cũng có cái mê cả.

— Ối, ối ! Bể đầu tao rồi, chúng bay ơi !

Tôi và lũ trẻ lại bỏ chạy. Tôi chạy đến nép sau cây duối, đứng nhìn lại. Ông Hai Dĩ vứt rổ, ngồi bệt xuống đất, hai tay ôm lấy trán. Thằng Cù Lao đã chạy lại bên ông. Hình như nó đang nói gì với ông Hai Dĩ. Nó cúi nhìn vào trán, vào mặt của ông, lấy tay phủi phủi. Tôi bước lại gần hơn. Thằng Cù Lao đang tìm kiếm gì quanh bụi. Tôi thấy nó hái lá cây, vò nát đem đắp chỗ trán ông Hai Dĩ. Có lẽ ông Hai Dĩ đã bị thương ở trán. Tôi gọi tó :

— Cù Lao ơi !

Nhưng thằng Cù Lao đã cúi xuống nách rổ thịt. Nó cùng ông Hai đi về một phía.

Theo sự phân công của chú Năm Mùi, tôi dạy cho bà Kiến là chính. Thằng Cù Lao dạy cho ông Hai Dĩ là chính. Nhưng hai đứa phải giúp nhau.

Ai cũng biết tôi và thằng Cù Lao sẽ đi dạy học, sẽ làm chiến sĩ diệt dốt. Chị Ba, anh Bốn gặp chúng tôi đều có lời khuyên bảo, nhất là chị Ba. Chị nói :

— Em của chị đã làm cán bộ rồi đó ! Không còn là con nít nữa đâu. Từ nay đi đứng phải nghiêm trang. Nói năng phải từ tốn. Chưa nói đã cười, chưa đi đã chạy là không làm thầy được đâu. Phải nói cho bà Kiến hiểu về chủ trương diệt dốt. Phải biết giải thích. Tập làm cán bộ cho quen. Nói với bà như thế này : kẻ không học cũng như người mù. Kẻ mù khi đi phải vấp ngã. Có lúc rơi tòm xuống sông chết chìm.

Nói đến đây, chị Ba thấy cách giải thích như vậy nghe hơi quá, nên chữa lại :

— Hay chỉ nói như thế này : Học một chữ đáng nghìn vàng, dù không chức phận cũng nhàn tấm thân.

Chị Ba nói như lặp lại lời anh Bốn Linh :

— Nhớ phải dọn dẹp nhà cửa, gánh nước, nấu cơm, làm công tác quần chúng. Nhất là thằng Cù Lao đã đi học ngoài Đà Nẵng phải nói nhiều chuyện thời sự. Phải làm cho ông Hai và bà Kiến nhìn xa thấy rộng, không bị giam hãm như trước. Nhất là về chuyện thời sự trong nước, anh Bốn Linh và chú Năm Mùi rất quan tâm. Vì nhờ đó bà Kiến và ông Hai Dĩ sẽ giác ngộ. Chị Ba nhìn tôi một lượt từ đầu đến chân :

— Mặt mày phải nhớ rửa cho sạch. Này cái gương đây, chị cho mượn. Nhỡ mặt bị vết nhọ, phải soi gương mới biết.

Chị Ba cười sung sướng :

— Phải công tác cho giỏi để trở thành cán bộ đứng giữa hội nghị diễn thuyết làu làu mới thích !

* * *

Chiều bắt đầu xuống. Ráng chiều làm đỏ ối cả dòng sông Thu Bồn. Về phía tây, cây sung đầu làng như ngập trong lửa. Bãi dâu đã sẫm lại, nhòa dần trong bóng tối. Tôi đánh trâu Bình về chuồng. Tôi cần đến sớm nhà bà Kiến để... giải thích và khai giảng. Chú Năm Mùi đã bảo : Phải tập giải thích cho quen. Ở đời có làm mới biết, mới giỏi được !

Thằng Cù Lao tối nay cũng đến gặp ông Hai Dĩ. Tôi sang nhà anh Bốn Linh rủ nó cùng đi. Ra đến ngõ gặp chú Năm Mùi. Chú chắp hai tay chào :

— Chào thầy Cục ! Chào thầy Cù Lao ! Có phải hai thầy đi khai giảng đó không ?

— Ăn gì ?

Thằng Cù Lao nói khẽ vào tai tôi :

— Ăn một đĩa nầu nhừ.

Tôi giật thót :

— Có thật không ?

— Chú khen đĩa nhừ nầu khá. Chú còn bảo giồng thịt chó thề mà mát. Trước đây, chú bị cái ghẻ ruồi làm chú cứ ngứa ngáy. Ăn chỉ vài đĩa thịt chó, mụn ghẻ đã tiêu tan.

Tôi không ngờ chú Năm Mùi lại ăn thịt chó ! Từ ngày Cách mạng thành công, chú tiến bộ rất nhanh. Chú không còn mê cô đào hát bội, không hát bài chòi. Chú vừa nhận chân lãnh đạo tự vệ xã, kiêm chính trị viên tiểu đội dân quân của thôn, kiêm trưởng ban bình dân học vụ. Nay lại đi ăn thịt chó !

Thằng Cù Lao lấy tay che mồm nói chỉ đủ để tôi nghe :

— Cả ông Bảy Hóa nữa !...

Tôi suýt ngã ngửa, nổi cười to. Thằng Cù Lao cũng nổi cười. Tôi và thằng Cù Lao ôm bụng cười lăn lóc. Chính trước kia còn là thầy chùa, ông Bảy Hóa cho mình có cốt cách tiên phật. Đã là tiên phật thì chỉ hít mùi hương hoa cũng đủ sống. Ông không cần ăn. Nếu có ăn cũng chỉ ăn tương cà dưa muối. Ai nói đến thịt chó thì ông đã nôn oẹ. Trước kia, ông cũng là người nói nhiều nhất về chuyện ai ăn thịt chó sẽ xuống địa ngục.

Tôi hỏi :

— Thề ông có mắc cỡ không ?

— Chẳng thấy mắc cỡ gì cả. Ông tréo chân ngồi giữa nhà, nhai, húp rất to. Ông khen ông Hai Dĩ bán rẻ thịt chó. Có vậy mới đông khách. Nhiều người sẽ khỏe ra. Nay ông đã cạo râu, được nhập vào bạch đầu quân. Ông cũng muốn khỏe thêm, luyện tập quân sự càng dai sức, đánh thắng giặc. Như vậy mới gọi là tu, là cứu nhân độ thề. Ông thét to :

— Phật là cái tâm của ta. Cái tâm ta ngay thẳng trung thực, đó là phật. Cái tâm ta gian nịnh xảo trá, đó là ma quỷ. Tôi coi làng mình đây mọi người bỗng trở nên tốt. Bọn trộm cắp bỏ nghề. Kẻ gian thăm không còn nữa. Thuế chợ, thuế đò đều bãi bỏ, đâu có phải vì không ăn thịt chó, mà vì có người làm cách mạng !

Tôi hỏi :

— Thế ông có nôn oẹ không ? Chị Ba, chú Bảy nghe mùi thịt cứ bị nôn oẹ. Nôn thiệt, không phải giả đò đâu ! Còn tao, tao cũng nghe nhoi nhói ở chỗ cuống họng.

Thằng Cù Lao cho biết tiếp là cả đội tự vệ cũng ăn thịt chó. Cứ mười ngày cả đội ăn một lần. Ông Hai Dĩ mang một nồi bún với thịt để thết toàn đội ở chòm đa Lý.

* * *

Bà Kiến có một trí nhớ rất tốt. Tôi nói gì bà nhớ nấy, nhớ một cách rành mạch, chính xác. Không ngờ dưới lớp vỏ nhăn nhúm lại giấu một đầu óc minh mẫn như vậy. Đầu óc của bà không phải như cái rổ lủng như bà nói. Bà nhớ giỏi bằng mười tôi, nhưng tôi cứ chê. Tôi chê bà chậm nhớ, viết tồi, đọc chậm. Khi tôi còn làm học trò, tôi thích được khen, nhưng khi dạy bà Kiến tôi cứ thích chê. Tôi viết lia lịa một loạt chữ « a ». Bà Kiến bắt chước kẻ theo. Bà Kiến cố kẻ theo thật đúng. Tôi bắt bẻ :

— Viết bằng tay, tại sao lại thè lưỡi méo mồm chi vậy ?

Bà Kiến vừa viết vừa thở hổn hển. Tôi uốn nắn :

— Chớ có thở ào ào. Bay hết sách vở !

Tôi bảo gì bà cũng vâng theo. Tôi nhận rõ bà Kiến có ý nể tôi. Bà không còn gọi tôi là thằng Cục, mà gọi là chú Cục. Trước

mắt bà, tôi không còn là thằng chăn trâu bị bọn trẻ đánh u trán. Theo thầy Lê Tảo, khi đã làm thầy thì sẽ được học trò kính nể. Có vậy mới phải đạo thầy trò. Tôi bắt chước thầy Lê Tảo ăn nói nghiêm trang, khuyên cái này răn cái nọ. Có lúc, quát chơi vài cái cho sướng. Bà Kiến không lấy thế làm mất lòng. Bà nói trước kia các thầy đồ phải đánh học trò bằng roi mây. Có thế mới nên. Nay Cách mạng lên rồi, thầy không đánh học trò, thật sướng quá !

Tôi sực nhớ chị Ba và chú Năm Mùi dặn dò phải làm công tác quần chúng. Lập tức, tôi và thằng Cù Lao vứt sách, xông vào buồng bà Kiến. Chúng tôi khênh hết hũ đựng ngô khoai ra ngoài, quơ hết giẻ rách vứt ra sân, lấy chổi quét. Bà Kiến hoảng hốt sợ vỡ hũ, kêu oi ói. Tĩn còn đầy nước uống, thằng Cù Lao cũng đổ đi, quảy tĩn ra sông múc nước. Sau đó, tôi vo gạo, quơ củi, nhóm bếp. Bà Kiến van nài, tôi cũng giật lấy, giúp bà cho kỳ được. Trước nhà bà, có những tĩn sứt, chum vỡ, hũ mẻ. Tôi và thằng Cù Lao khuân hết đi nơi khác lấy chỗ để trồng cây bông trang. Bà Kiến chạy ra ngăn lại, không hiểu trồng cây bông trang để làm gì. Tôi và thằng Cù Lao níu bà lại, bảo phải trồng một cây bông trang cho đẹp mắt. Chúng tôi đảo lộn tất cả, sắp xếp mọi thứ theo ý muốn của mình.

Tôi cắt nghĩa :

— Cách mạng đã lên rồi. Nhà nào rồi đây cũng phải có hòn non bộ, có dăm ba cây cảnh. Có phải còn như trước đâu. Có cây bông trang chưa đủ, còn phải trồng thêm hoa lài, hoa lý nữa.

Thằng Cù Lao nói quả quyết :

—Không được lèm nhèm nữa đâu. Bà già cũng phải đánh phấn tô môi, phải mặc áo màu, phải đi giày cao gót. Sắp đến, bà phải đi uốn tóc, phải sắm một cái ví và một chiếc dù đầm. Đi đâu phải cầm trên tay cho sang trọng.

6

Tiếng đồn ở làng trên xã dưới ông Hai Dĩ có một thằng con trai giống ông như đúc. Da nó cũng đen, người nó cũng gầy, khuôn mặt giống hệt như bố. Trước đây, gặp năm mất mùa ông phải đem đợ thằng con trai đó cho một nhà giàu ngoài Đà Nẵng. Nay làm ăn khá, ông Hai Dĩ đã chuộc nó về. Thằng nhỏ siêng năng lắm. Nó băm thịt, giòn tan. Nó biết bắt chó rất giỏi. Tôi biết đó là tin đồn về thằng Cù Lao. Nó đã giúp ông Hai Dĩ làm nhiều việc để dạy ông học. Nó còn đi bắt chó với ông Hai Dĩ. Ông Hai Dĩ kéo lê một con chó bị tròng. Thằng Cù Lao thủ một chiếc roi mây đi theo sau. Tất cả bọn chó gào rống đến xùi bọt mép quanh ông Hai Dĩ. Thằng Cù Lao không chút nao núng, phóng mắt nhìn quanh tìm đứa hung hăng nhất. Chợt chiếc roi mây bay vút. Con chó bị roi kêu lên ăng ẳng, cúp đuôi vụt chạy. Những chó khác chưa kịp tránh cũng bị roi quật tới tấp. Chúng chạy tán loạn. Thằng Cù Lao nhặt đất ném theo, phá gãy vòng vây, giải thoát cho ông Hai Dĩ. Dẹp xong lũ chó, nó đứng chống nẹ nhìn quanh ra vẻ thích thú.

Tôi gọi to :

— Cù Lao ơi ! Mày đi bắt chó cho ông Hai Dĩ hả ? Làm cái chi bậy bạ vậy ? Thiên hạ cười đó ! Họ đồn mày là con trai ông Hai Dĩ đó !

Miệng tuy nói vậy nhưng bụng tôi nghĩ khác. Có lẽ đó là lời nói của ông Bảy Hóa hay của chị Ba. Họ đã dùng mồm miệng của tôi nói ra làm vậy. Thực bụng tôi phải nói : Mày đuổi chó giỏi lắm ! Tao đang phục mày đây ! Tao cũng muốn làm như mày !

Tôi hỏi bâng quơ :

— Mày mượn đâu chiếc roi mây tốt vậy ?

Thằng Cù Lao đưa cho tôi xem chiếc roi :

— Ông Hai cho tôi đó.

Tôi nói để cho có chuyện :

— Có được cái roi to hơn càng sướng !

— Roi nhỏ quất mới đau. Chó khỏi gãy chân, không ai trách được.

Tôi hỏi :

— Thế... tao xin ông Hai một chiếc được không ?

— Cục xin đi. Ông Hai tốt bụng lắm !

— Nhưng tao không đứng gần ông được !

— Sao vậy ? Ông thơm lắm ! Lại hiền như cục cơm nguội !

Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi :

— Thảo ăn lắm ! Hôm nào cũng đãi ổi, đãi bồ quân. Ổi và bồ quân của ông ngọt lịm ! Ăn nhiều ông càng thích !

— Nhưng tao sợ ma chó. Nghe nói chúng kéo về từng đàn. Ông Hai Dĩ phải đọc câu thần chú mới đuổi được.

— Làm gì có !

— Tao đến xin ông cái roi như cái roi này. Đi bắt chó với mày có được không ?

Thằng Cù Lao reo lên :

— Ông Hai thích còn phải nói ! Bọn mình đến chơi, vui cửa vui nhà, ông Hai sướng ra mặt. Ông đã bảo tôi đến ở với ông. Tôi cứ việc đi chơi. Ông làm để nuôi tôi cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao cùng cười. Không ngờ sự việc lại như vậy.

* * *

Trước Tổng khởi nghĩa có ba nơi làm tôi cứ sợ. Đó là chòm đa Lý âm u, đại bản doanh của quỷ Năm Nanh có đầu tóc dài xõa xuống đến đất, ngồi vắt vẻo trên cây cao đưa võng ru con. Đó là miếu Bà Tằm im lìm nép dưới chùm sung, nơi làm ăn của quỷ Bạch Thỏ. Quỷ Bạch Thỏ giả làm con gái đàn bà đón người đi

chợ nhờ mua vật này vật nọ. Sau Cách mạng, quỷ Bạch Thỏ đã cuồn gói. Những nơi ghê rợn đó biến thành những lớp học buổi tối. Nhưng riêng nhà ông Hai Dĩ vẫn thấy bí mật. Tiếng băm thịt ở nhà ông Hai Dĩ nghe như tiếng mõ kêu cứu. Tiếng ghê rợn nhất là tiếng rú của chó bị cắt tiết. Tiếng rú vang lên làm giá lạnh cả Hòa Phước. Tiếng rú nhọn hoắt như mũi dao phay, át hết tiếng lao xao của chợ chiều, tiếng gọi đò bên kia sông, tiếng mõ giữ ngõ dọc bãi. Tất cả như bị xóa hết. Những tiếng đó cứ làm cho tôi ngài ngại. Tuy thằng Cù Lao đã cho biết nhà ông Hai Dĩ cũng như nhà chú Năm Mùi, nhà ông Kiểm Lài. Nhà có hai chái, tám cột, bốn kèo. Đồ đạc cũng là giường ghề, nồi niêu rổ rá. Mọi vật đều bình thường, chẳng có gì ghê rợn cả. Tôi biết vậy, nhưng khi đến trước nhà ông Hai tự nhiên tôi dừng lại. Tôi vừa sực nhớ trước đây tôi với mấy đứa mất dạy đã ném trúng đá vào đầu ông Hai. Trán của ông bị rỉ máu. Thằng Cù Lao phải vò lá đề đắp vào. Nay gặp lại tôi, ông lại chẳng trả thù nện cho một trận sao. Nghĩ đến đây, tôi chỉ dám nhìn qua hàng rào. Ông Hai Dĩ tay cầm con dao phay, đứng trong nhà bếp trông quá dữ tợn. Tôi định rút lui. Nhưng nhớ lại việc chú Năm Mùi bắt tôi phải giúp thằng Cù Lao, tôi phải dừng lại. Đợi ông Hai Dĩ đi khuất vào bếp, tôi nhón chân gọi rất khẽ :

— Cù Lao ơi ! Cù Lao !

Thằng Cù Lao như biết tôi đang lảng vảng phía ngoài, chạy ra cười hớn hở :

— Ông Hai đang đợi Cục đó.

— Đợi làm chi ?

— Đợi Cục đến để dạy ông học. Ông quý lắm.

Tôi hơi vững dạ, rón rén bước vào. Ông Hai Dĩ đang ngồi lóc thịt. Vừa thấy tôi, ông vứt ngay con dao sáng quắc trên thớt thịt :

— Chú Cục đó hả ? Hay lắm ! Hay lắm !

Rõ ràng ông Hai đã làm tôi yên tâm. Ông đứng lên đẩy lửa. Ông vừa lóc thịt vừa đun lửa trong bếp. Đó không phải là một cái bếp bình thường như thằng Cù Lao nói, mà một cái bếp bất thường, chỉ có trong những ngày giỗ lớn. Bếp không phải chỉ có một bộ ông táo, mà có đến ba bộ ông táo. Tất cả đang cong lưng đội một cái chảo và hai cái nồi to bự. Ngoài ra, còn có ba bộ ông táo khác sắp thành một hàng dài sẵn sàng nhận việc. Tất cả chảo nồi đều sôi sục và tỏa khói thơm. Vài con gà choai xông vào cướp thịt, ông Hai vung chiếc dao phay đuổi xuỵt xuỵt. Quanh bếp còn úp không biết bao nhiêu nồi đất, đủ loại to nhỏ. Những thớt gỗ to bằng chiếc mâm treo trên phên. Vài cái còn mới toanh đầy chữ viết bằng phấn. Tôi đoán thằng Cù Lao đã dùng những thớt mới để làm bảng viết dạy cho Ông Hai Dĩ học. Thằng Cù Lao ở trần, xắn quần đến bẹn chạy, rút con dao phay, lật chiếc thớt, bê ra một đùi thịt chó, đặt lên thớt, chặt lia lịa. Lưỡi dao của nó cứ phầm phập. Thịt miếng nào cũng vuông vức đều nhau. Nó lấy dao gạt thịt vào một cái rổ đặt bên cạnh, tỏ ta thông thạo như đã lâu năm làm nghề mổ chó. Tôi bật cười. Nó cười theo rồi băm càng nhanh, càng chính xác.

Tôi nhìn vào nhà trong. Ở Hòa Phước, nhà trên thường phải nhìn ra ngõ. Đằng này, nhà trên của ông Hai Dĩ lại xây lưng ra ngõ mặt úp vào vườn. Nhà bếp lại xây mặt ra ngõ. Sau vườn, ông Hai trồng cây chanh, cây ổi, cây bồ quân có bóng râm mát. Lại còn có khóm bông trang, khóm hồng, có hoa nở, có bướm bay chấp chới. Quanh nhà sạch bóng. Khác với nhà bếp nhiều khói, ồn ào, nhà trên tĩnh mịch. Nắng trưa nằm ngủ trên giàn thiên lý. Tiếng thái thịt vào đến hiên bỗng lu mờ. Rất lạ ! Ông Hai cũng có thờ tiên, phật. Bốn bức tranh treo trên vách vẽ bốn ông tiên. Một ông cưỡi hạc bay trên rừng tùng. Một ông bụng to, trút nậm rượu vào mồm uống khoan khoái. Ông thứ ba cưỡi ngựa ung dung đi vào rừng mai đang nở rộ. Ông thứ tư phóng cần câu câu cá trên con sông xanh biếc. Bên trên bàn thờ, ở chỗ

cao nhất có đặt một cái khám. Trong khám hình đức Quan Âm đầy vẻ từ bi ngồi trên tòa sen, mười ngón tay dài chắp vào nhau đang tụng niệm.

Tôi cứ nhìn nhìn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi :

— Cục ơi !

Tôi xuống nhà bếp. Ông Hai đang đảo thịt xào trên chảo. Ông gia thêm lạc, rắc tiêu, múc một đĩa đặt lên bàn. Và rất lạ ! Tôi nghe mùi thịt chó không tanh gì cả, mà lại nghe thơm. Bụng tôi nổi lên cồn cào. Ông Hai lấy bánh đa có rải vừng đem nướng. Ông hốt một đĩa rau thơm, gọi tôi và thằng Cù Lao :

— Ngồi lại đây các chú !

Tôi trả lời là tôi không ăn.

Ông Hai lại mời.

Tuy bụng đói meo, nhưng nhớ lời chị Ba dặn, tôi lắc đầu :

— Tôi còn no quá. Không ăn nữa được đâu.

Thằng Cù Lao cãi lại :

— Ăn từ mai sớm, lại đi hụp lặn ngoài sông, còn no sao được ?

Ông Hai năn nỉ :

— Không ăn nhiều thì ăn một miếng cho bác vui bụng.

Thằng Cù Lao nói họa theo :

— Phải rồi ! Không ăn ông Hai không chịu học đó.

Thằng Cù Lao vừa nói vừa kéo tôi vào bàn.

Tôi định bụng chỉ ăn một miếng bánh đa.

Thằng Cù Lao chỉ vào chiếc nồi đang sôi trên bếp :

— Nồi nhừ, nồi xáo nấu cho đội tự vệ nòng cốt kia. Tôi và ông Hai sẽ gánh vào chòm đa Lý. Tất cả ban chỉ huy đều ăn được thịt chó. Anh Bảy Hoành ở Lục tỉnh về, cũng biết ăn thịt chó. Cục ăn thử một miếng cho biết. Ngon lắm ! Thơm lắm !

Tôi đã ăn được thịt chó !

Thằng Cù Lao vừa nói vừa gắp một miếng xào gí ngay trước lỗ mũi tôi. Rõ ràng một mùi thơm của thịt xào, của hành, của tỏi, của nghệ xông lên. Ông Hai gắp một miếng xào, bẻ đôi miếng bánh đa kẹp lại giúi vào tay tôi :

— Không ăn thì bác giận lắm !

Nể quá, tôi cầm kẹp bánh cắn một miếng. Thịt chó xào kẹp với bánh đa nghe thơm thơm chẳng khác gì thịt bò, thịt lợn. Tôi nhai nhai vài cái, thịt với bánh đã rơi vào bụng. Tôi tưởng thịt chó đã trèo lên cổ lộn ra. Nhưng nó vẫn nằm yên trong bụng. Tôi đã ăn được thịt chó !

Tôi vừa nhận ra lúc ngồi vào bàn, thằng Cù Lao đã mang sẵn sách vở để ông Hai học tập. Ăn thịt chó ở đây không chỉ để ăn, còn để học cho nhanh nữa. Thằng Cù Lao gắp một miếng thịt bỏ vào mồm, rồi hạ đũa, đọc to một chữ hướng dẫn cho ông Hai đánh vần. Ông Hai gắp một miếng xào bỏ vào mồm, lại hạ đũa, lặp lại những vần thằng Cù Lao đọc. Thịt chó giúp cho ông Hai đầy nhanh chữ nghĩa vào bụng. Tiếng ê a đánh vần lẫn với tiếng nhai nhóp nhép. Buổi học tập có thể kéo dài đến tối nếu không có con gà trống nổi gáy ó... ò... Ánh nắng lọc qua cây ổi đã vào trong thềm nhà. Trời đã xế chiều. Tôi và thằng Cù Lao phải mau mau về nhà. Con trâu Bĩnh đang đợi.

7

Cách học tập ở nhà ông Hai Dĩ không thể đem áp dụng ở nhà bà Kiến. Đối với bà Kiến phải có một cách học tập nghiêm túc hơn. Tôi vạch một vòng tròn lên giấy rồi đọc dài ra cho bà nghe o... o...

— Đây là chữ o, như quả trứng gà.

Bà Kiền nói :

— Còn như con trống cổ gáy nữa. Sáng sớm nó gáy o o.

Tôi dạy thêm :

— Phải nhìn cho kỹ, chữ o giống như cái trứng gà. Thấy tõ chưa ? Thêm một cái mũ đội lên đầu. Thấy chưa ? Đó là chữ ô.

Bà Kiền liền đọc :

— Ô rô gai góc, nó móc ruột gan, đói rách giàu sang, ô rô móc tuốt.

— Nói gai ô rô làm gì ? Xem nầy. Chữ o mang thêm một cái râu thành chữ ơ. Ô thì đội mũ, ơ thì mang râu. Nghe chưa ?

Bà kiền hỏi :

— Còn phải kẻ mày kẻ mặt nữa. Kẻ mày kẻ mặt, đội mũ, mang râu. Còn phải có đôi hia...

Bà Kiền vừa nhớ đến việc hát tuồng. Trước khi ra sân khấu, kép hát phải kẻ mặt đi hia, mang râu, đội mũ.

Tôi xẵng giọng :

— Kệ họ ! Đào kép muốn làm trời cũng được. Đó là chuyện của họ. Chuyện ta là phải nhìn kỹ. Nay ta ghép chữ t với chữ ɔ, t-o là to !

— Ờ to ! Nói nhỏ nói to, không bằng nện cho cái đầm.

Tôi định bảo im ! Nhưng cách nói bắt vần của bà nghe cũng vui vui, tôi cứ để bà nói.

— Nhìn cho kỹ này ! Khoan nói đã này ! T ghép với ô thành tô này.

Bà Kiền nói ngay :

— Tô son điểm phấn, đánh lẫn ngãi nhơn.

Tôi tiếp :

— Chữ t ghép với chữ ơ là tơ.

Bà Kiển đọc :

— Ở chữ tơ. Rồi tơ rồi chỉ gỡ xong. Rồi đầu có lược. Rồi tấm lòng khó phân.

Tôi chỉ cho bà Kiển đọc chữ m.

Nhìn chữ m, bà nói rõ từng tiếng :

— Chẳng lờ mờ giấy tờ minh bạch.

Đến chữ n bà nói :

— Chi rứa bạn nờ ! Trăng đã mờ, sông đã cạn !

* * *

Cứ như vậy, học mỗi chữ bà đọc một câu. Nếu bảo bà đọc thêm, bà cũng có để đọc. Những câu đó lấy ở những câu hát, câu hò, câu bài chòi, câu vè, câu đố.

Tôi và thằng Cù Lao dần dần hóa thích. Gặp những câu vui, tôi bảo bà cứ đọc tiếp. Bà đọc có bài dài đến trăm câu. Chỉ về vè bà đã thuộc hàng trăm bài. Có bài trong đó hiện lên đủ các loài vật. Bà Kiển đọc liền một hơi : Ru ra ru riêng, con kiển giữ nhà, con gà bươi bếp, con rệp thắp hương, con lươn búi tóc, nòng nọc cầm chèo, con mèo tát nước, con vạc đi ăn, chó vằn đi chợ, mua mật mua mỡ, về cho kiển ăn... Bà Kiển biết đủ loại vè : vè con cuốc, vè chữ phu, vè về các thứ hoa, thứ quả, thứ cá, thứ chim, vè nói láo, vè hát bội, vè thằng nhác, vè cúp tóc, vè xin sưu, vè đám ma, vè sinh con, vè nói về đủ loại nghề nghiệp... Ở mỗi chữ mỗi câu hiện lên đủ thứ cây cối chim muông, nhiều loại tôi từng gặp. Mỗi câu làm sống lại những công việc tơ tằm, làm hiện lên cánh đồng, bãi dâu. Tất cả đều rõ ràng, chân thật, có lúc nhịp nhàng như tiếng võng ru, có lúc mát mẻ như gió nồm lúc xế.

Mỗi khi học xong, tôi và thằng Cù Lao bắt bà hát một vài bài cho vui.

Bà Kiến hỏi :

— Bài chi !

— Bài hổ hụi hay một bài vè. Vè thằng Lía hay vè Thông Tầm cũng được.

Tôi và thằng Cù Lao rất mê vè thằng Lía. Thằng Lía mồ côi cha, rất yêu mẹ. Không ai thuê làm. Lía phải đi xin ăn để nuôi mẹ. Lía bắt trộm vịt về cho mẹ ăn để mẹ khỏi bị đói. Sau, Lía vào rừng tụ tập lâu la, đi ăn cướp kẻ giàu để đem cho kẻ nghèo, chống lại với vua quan. Tôi thích những đoạn vè tả Lía bị chó đuổi phải rúc bụi. Lía bắt chước con cá lóc tập nhảy, tập mãi nhảy phóc qua được nhà cao. Lúc bị bao vây cũng nhờ nhảy giỏi mà thoát được.

Những hiểu biết của bà Kiến như mạch nước ngầm khi đã khai thông cứ thao thao chảy mãi. Chú Năm Mùi cũng công nhận những câu hát câu hò của bà Kiến có thể chất thành bịch thành bồ. Chú biết được nhiều câu hát hay cũng nhờ bà Kiến.

Có ai hỏi vì sao bà Kiến nhớ được nhiều như vậy. Bà nói : nhớ nhiều là vì đói. Khi bụng đói thì chữ nghĩa vào bụng không bị cơm canh lấp mất. Chữ nào vào bụng còn nguyên chữ ấy.

8

Nuôi chó để giữ trộm, nhưng sau ngày cướp chính quyền, trộm cắp bỗng nhiên biến mất. Đứa bẻ bí, bắt gà không còn rình mò ở các bờ bụi. Những bợm chính cống, từng khoét tường, từng dắt trâu đều bỏ nghề. Những tay tổ sư ăn trộm, như ông Nguyên ở làng trên, nổi danh vì những mưu trí dùng để thoát thân, cũng đã bỏ nghề. Ông nói trước kia vì gặp thời loạn, ông lấy của nhà giàu ở những huyện khác đem giúp kẻ nghèo. Nay

nước đã thịnh trị không thể trộm cắp nữa. Ban đêm không còn những bóng thập thò, những tiếng cắt rào, đào ngạch, hoặc tiếng la làng đuổi trộm. Lũ Vàng, Vện chỉ còn biết sủa gió, sủa trăng, sủa cho sướng miệng rồi khoanh tròn nằm ngủ. Ban ngày, chúng rảnh rỗi chơi vật lộn. Một con vờ ngã xuống, con khác xông đến ngoạm cổ. Con nằm dưới giả vờ rên rỉ : đau quá ! đau quá ! Nó xòe bốn chân ra chống đỡ rồi vùng lên vụt chạy. Con kia đuổi theo tung bụi mịt mù. Không có việc làm, con Mốc nhà chị Bốn Linh xông ra ngoạm cổ gà trống làm gà xuýt chết. Bọn Vện, Vàng hóa vô dụng. Ông Hai Dĩ được nhiều người gọi đến để đổi chó. Thịt chó hóa rẻ. Người mua hóa đông. Ông Hai Dĩ không chỉ mất hết mùi hôi thối, mà còn thấy dễ gần gũi.

* * *

Ông Hai Dĩ tìm được một con chó rất vừa ý để khao đội tự vệ. Đó là một con chó lông đen tuyền. Chó đen ăn nên thuốc. Nó lại là chó tơ. Xương nhỏ thịt mềm. Muốn có một con chó để xẻ thịt, công việc rất dễ dàng. Ông Hai chỉ đem đến một chó con để đổi lấy chó lớn. Nếu chủ nhà muốn thay chó, thì nhận lấy chó con, đưa nó đến trước ông Táo bắt nó lạy bốn lạy, xin cho nó nhập vào nhà. Sau đó, ông Hai phải trả một đồng xu. Trả làm phép vậy thôi. Trả như vậy để tỏ với chó sắp bị xẻ thịt là chủ nhà đã bán nó vì quá cần tiền, chứ không phải vì rẻ rúng, thấy nó vô dụng. Nó phải hi sinh cho chủ và đã chết trong danh dự. Vậy là xong. Đằng này muốn bắt được con chó đen để thết đội tự vệ, ông Hai phải năn nỉ, phải bỏ ra một đồng bạc, phải đổi một chó con cũng màu đen.

Ông Hai Dĩ nói :

— Chó này ngon lắm ! Các anh không còn chê trách chỗ mô được !

Sự sung sướng được khao đội tự vệ làm ông Hai tưởng mình đang lo những việc quân lương của binh sĩ :

— Mình có lo cho quân lính ăn no thì mới đánh giặc giỏi.

Ông trổ hết tài nấu nướng, cỗ làm sao cho món xào nấu được ngon nhất.

* * *

Thằng Cù Lao rút đôi quang và chiếc đòn gánh. Ông Hai Dĩ chồng ba nồi thịt lên nhau đặt vào một đầu quang. Đầu quang bên kia đặt một rổ bún, với chén bát, và các thứ gia vị. Thằng Cù Lao quảy gánh. Ông Hai xách chiếu. Tôi xách niêu nước chè cùng ra chòm đa Lý để... khao quân.

Tôi và thằng Cù Lao đi theo để tranh thủ dạy cho ông Hai học. Theo chú Năm Mùi, ông Hai Dĩ là chân chạy, phải tranh thủ lúc ông rảnh tay, có thể vừa đi vừa học. Đó là một cách làm tôi rất thích.

Chúng tôi vượt qua cánh đồng. Chòm đa Lý đã hiện ra trước mặt. Nắng sớm làm mỗi cành đa như thắp lên sáng rực. Xa xa tiếng cười nói của đội tự vệ ồn ào. Thằng Cù Lao đặt gánh dưới một gốc đa. Tôi nói với ông Hai :

— Tự vệ còn đang luyện tập. Học đi đã ông Hai.

Tuy nói vậy, nhưng tôi đã vụt chạy đến chỗ đám đông khi nào không biết. Anh Bồn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành mới về làng, tất cả đội tự vệ nòng cốt đều có mặt. Có cả ông Nguyên giỏi võ đang đi qua đi lại, vẻ quắc thước như tôi thường thấy. Người nào mình mẩy cũng dính đầy đất vì những keo vật quyết liệt vừa mới xảy ra. Anh Bồn Linh cặp mắt vẫn còn nảy lửa. Anh thét :

— Bác Nguyên đã chỉ cho ta những thế võ rất lợi hại. Đến đây chúng ta hãy tạm nghỉ. Và kìa, ông Hai đã đến ! Xin mời bác Nguyên cùng chúng tôi dự buổi khao quân của ông Hai.

— Thịt chó hả ?

— Dạ, một con cầy ! Tôi được tin ông Hai đã tìm một con cầy thật ngon để đãi đội tự vệ. Ông Hai khác trước nhiều lắm !

Ông Hai Dĩ vừa đến nghe anh Bồn Linh nói, nổi ho khẹc khẹc. Đội tự vệ ăn được thịt chó đã làm ông rất vui sướng.

Ông Nguyên ngước lên nói :

— Phải chớ ! « Thời loạn » cực chẳng đã phải làm việc loạn. Nay « thời trị », nam nhi phải lo đến nợ nước. Cách mạng sáng làu làu. Ông Hai biết giúp vào « việc quân » việc nước là phải

9

Thằng Cù Lao như một con thoi, chạy qua chạy lại đơm bún, múc thịt. Ông Nguyên ngước lên hỏi :

— Chú tiểu đồng này coi bộ siêng năng. Con trai của ông Hai đó hả ?

Chú Năm Mùi trả lời :

— Chú ở ngoài Cù lao Chàm mới về! Cha mẹ để chú ở ngoài đó. Nhưng bà con lại ở làng này. Nay được cử đi dạy bình dân. Chú đang dạy cho ông Hai Dĩ học chữ.

Ông Nguyên cười :

— Ở thôn trên họ cũng mời tôi đi học, nhưng thầy dạy cũng là con nít. Học trò cũng là con nít. Mình đến học, coi kỳ quá!

Mọi người cười ồ. Chú Năm Mùi nói :

— Vậy mời bác xuống thôn đây học với bà con cho vui. Chúng tôi sắp mở một lớp đặc biệt. Thầy dạy là người lớn. Học trò toàn là bậc cha chú râu ria cả. Thầy dạy, xin giới thiệu với bác là anh Bảy Hoành ngồi đây. Anh từng thi đỗ ở tận xứ

Lục tỉnh, Sài Gòn. Đỗ đạt ở xứ Lục tỉnh Sài Gòn không phải dễ đâu ! Anh Bảy mang về đây cả một tủ sách, đủ cả đông tây kim cổ. Lực học của anh Bảy cử nhân tiến sĩ không bì kịp.

— Tôi cứ ngài ngại.

— Vậy ngại làm sao ?

— Vì cái tính của tôi nó chướng chướng. Đã là thầy của tôi thì cái gì cũng phải hơn tôi mới được. Trước đây, tôi tìm thầy học võ, các vị đó cũng phải giỏi văn. Nay tôi tìm thầy học văn, thầy đó cũng phải giỏi võ. Văn võ phải song toàn, tôi mới chịu tôn lên làm thầy được. Giỏi văn mà dở võ, tôi cứ ngại.

Anh Bốn Linh phân giải :

— Như vậy về phần văn anh Bảy đã xứng mặt làm thầy. Bác chỉ còn ngại về phần võ. Thế thì hai vị nên gặp nhau một keo coi thử. Hễ anh Bảy đánh ngã được bác, bác phải tôn anh Bảy làm thầy, chịu cắp vở đến đây học tập.

Anh Bốn Linh nói xong, nhìn sang anh Bảy như để hỏi ý kiến.

Anh Bảy vẻ khiêm tốn :

— Quả thật tôi không dám. Nhưng cũng để học thêm vài thế võ của bác Nguyên, tôi xin nhận.

Bác Nguyên hơi cau mày :

— Khi nãy tôi vật liền bốn keo, còn sức đâu nữa ?

Chú Năm Mùi tiếp liền theo :

— Những thế võ của bác biến hóa vô cùng. Tài nghệ thật xuất chúng. Có vật thêm mười keo cũng không ai thắng nổi đâu. Lỡ có bị thua thì lại được học. Chữ nghĩa của Cách mạng đưa về, cái hay biết mấy mà kể !

Ông Nguyên hạ thấp giọng :

— Cũng được.

* * *

Mọi người đã nghỉ được một lúc. Ông Nguyên đứng dậy cởi phăng áo, xắn quần đến bẹn. Người ông vặn vẹo, trông như một gốc sắn, chân tay cuồn cuộn những bắp thịt giống như những dây chạc. Hai tay ông vẫn bỏ thõng thoải mái. Ông nói :

— Xin mời.

Anh Bảy nói :

— Dạ ! Xin chớ để thù oán lại cho con cháu ngày sau.

— Tôi cũng biết xử sự !

Anh Bảy Hoành từ hôm về Hòa Phước không chỉ nổi danh về chiếc va li sách mà còn nổi danh về những ngón võ. Anh Bảy văn võ kiêm toàn. Những ngọn võ Bình Xuyên anh học được ở Lục tỉnh đã làm cho cả đội tự vệ bái phục. Anh Bảy vung hai nắm đấm thét to một tiếng; anh đã xốc vào người ông Nguyên. Tôi tưởng có hổ vồ cũng không nhanh đến thế. Hai người đã siết chặt nhau, siết chặt như muốn đứt. Có tiếng ông Nguyên đang thở khò khè, có tiếng nấc to. Ông Nguyên như bị đứt hơi. Hai người cứ siết nhau, bốn chân như bốn gốc tre ra sức choãi. Đột ngột, hai người ngã uỵch xuống đất, như cây đổ. Ông Nguyên bị nằm dưới, chân tay bị khóa chặt. Anh Bảy nằm bên trên nhưng chân tay cũng bị siết chặt không kém. Cả hai cố tìm cách nới những gọng kìm đang kẹp họ lại. Anh Bảy lại thở khò khè. Một cánh tay của ông Nguyên đang quấn quanh cổ họng của anh Bảy. Anh Bảy đang bị nghẹt thở. Ông Nguyên đã quay được vai, đã tì được cùi chỏ xuống đất. Với một sức mạnh phi thường, ông bật cong người, một chân nới được gọng kìm, quơ chân tìm chỗ nông, cố trỗi dậy. Anh Bảy cố đè người lên ông Nguyên. Một tay ông Nguyên đã vớ được cổ họng anh Bảy, vừa siết cổ họng của anh Bảy, vừa lấy thêm điểm tựa, bật dậy mạnh hơn. Anh Bảy nói ú ớ không ra lời. Tiếng thở yêu dần. Tiếng ông Nguyên hỏi :

— Thua chưa ?

Hỏi xong, ông thả tay đứng dậy. Anh Bảy bị một vệt lằn ngang cổ. Tai bên phải toạc máu.

Ông Nguyên hổn hển :

— Xin cứ tôn anh Bảy làm thầy, xin xuống đây học !

10

Tôi và thằng Cù Lao tắm xong cho trâu Bĩnh, trời xẩm tối. Trên bãi dâu, mọi người đã nghỉ việc, gọi nhau về nhà. Phải về sớm một tí. Còn phải nấu cơm ăn để kịp đi học. Ở các xóm, tiếng gàu chạm vào thành giếng nghe lanh canh. Tiếng nồi niêu bát đĩa bị lật nghe xủng xoảng. Tiếng phèng la vang động. Giờ tựu lớp đã đến. Chị Ba, chị Bốn ăn xong, chưa kịp rửa bát, xách chiếc rổ đậy lên mâm, thắp cây đèn chai, gọi nhau đi học. Tôi và thằng Cù Lao sẽ đến dự lễ khai giảng lớp đặc biệt. Chúng tôi vừa được chú Năm Mùi để bạt làm « trợ giảng » cho lớp đặc biệt. Vừa bước ra sân, một ngọn đèn đã trôi dọc theo bờ rào nhà bác Úc. Có tiếng gọi :

— Ba ơi ! Mau lên !

Ngọn đèn chị Ba trôi nhanh ra ngõ. Hai ngọn đèn gặp nhau cùng cất cao, nhập lại, tách ra, nhún nhảy trôi ra con đường làng. Ra đến đầu làng, ngọn đèn chị Ba và chị Bảy nhập vào nhiều ngọn đèn khác trôi dọc con đường cái. Trong đình, trong miễu, nhiều ngọn đèn tụ lại như những sao lốm đốm. Tiếng cười nói vọng ra. Tôi và thằng Cù Lao cứ rảo bước. Một ngọn đèn trong hẻm trôi ra. Có tiếng kêu hoảng hốt :

— Ối ! Làm tôi hết hồn ! Ai đó ?

Tôi nhận ra đó là bà Bảy Đệ. Chú Năm Mùi cho biết tối nay bà Bảy cũng đến dự khai giảng lớp đặc biệt. Trước đây, bà bảo không biết học để làm gì. Chữ nghĩa không thể làm no bụng.

Chỉ có một cái làm được tất cả. Đó là tiền. Bà cóp nhặt từng đồng, xâu thành xâu, đựng thành tĩn. Thỉnh thoảng, bà đưa ra đếm. Những đồng hào óng ánh reo vui. Nhưng có đứa độc mồm bảo bà có nhiều tiền nhưng lại u mê, bà có nhiều tiền nhưng chết đi không mang theo được. Nay thấy mọi người đi học, bà mới chịu đi. Bà Bảy đi chậm. Tôi và thằng Cù Lao vượt lên trước. Một ngọn đèn sáng lóa từ phía đồng bay ra, lao vun vút. Chúng tôi nhận ra đó là ngọn đèn của ông Nguyên. Trước đây, ông đi đêm không cần đèn. Trước đây, người lớn hay truyền nhau những tài xuất quỷ nhập thần của ông Nguyên, những việc ông giúp đỡ bà con lúc gặp túng thiếu, làm tôi rất nể. Tôi và thằng Cù Lao rượt theo cây đèn lồng của ông Nguyên. Tôi nói :

— Chà, cây đèn lồng của bác sáng quá !

Ông Nguyên quát :

— Con nít nhà ai ? Khen làm chi ?

* * *

Tất cả những ngọn đèn lồng từ trên xuống, từ dưới lên đều chảy dồn vào chợ. Lớp học là cái điếm canh được nới rộng ra. Ba ngọn đèn lồng treo giữa lớp đang tỏa sáng. Mọi người đã có mặt. Ông Nguyên đã giữ lời hứa. Chú Năm Mùi, anh Bốn Linh ăn mặc chỉnh tề. Ông Hai Dĩ, bà Kiến lần lượt kéo đến. Anh Bảy Hoành đang kể chuyện kháng chiến Nam Bộ cho ông Nguyên nghe. Chợt anh Bốn Linh đứng lên tuyên bố lễ khai giảng. Anh long trọng tuyên bố lý do, cảm ơn mọi người, nói lên ý nghĩa phong trào đánh giặc dốt trong ba thằng giặc cần đánh đuổi ngay. Anh nhấn mạnh đánh giặc dốt là một trận đánh vô cùng gay go ác liệt. Đó cũng là một ân huệ cực kỳ to lớn của Cách mạng. Hiện nay, cả nước có hàng triệu người không kể

lớn bé đang dùi mài học tập. Hòa Phước là đất thanh danh văn vật, không thể lơ là trong việc diệt dốt. Nói xong, anh Bốn Linh vỗ tay. Mọi người vỗ tay theo. Anh bước xuống.

Đến lượt thầy Lê Tảo nói về sự mầu nhiệm của học vấn. Con người ta « hễ ở bầu thì tròn, ở ống thì dài ». Học vấn như cái « ống thiên lý xa soi nghìn lối ». Mọi người phải biết dòm vào cái ống thiên lý để nhìn ra bốn bể năm châu, để mở mày mở mặt với thiên hạ. Thầy Lê Tảo nói xong, đến lượt chú Năm Mùi bước lên. Chú đưa ra những gương học tập đáng làm bà con phải suy nghĩ. Chú mời ông Hai Dĩ và bà Kiến lên bảng viết những chữ đã học. Bà Kiến viết một chữ *Kiến* nguệch ngoạc. Ông Hai Dĩ viết một chữ *Dĩ* như gà bới. Cả lớp hồi hộp ngồi nhìn. Khi hai người viết xong, cả lớp nổi cười, nổi ho loạn xị. Bà Kiến nổi khóc. Chó xung quanh chợ sủa toáng lên một hồi. Chú Năm Mùi phải đợi một chốc mới giới thiệu thầy giáo mới của lớp. Theo lời chú Năm Mùi, đó là anh Bảy Hoành, là một người đã đi chu du khắp thiên hạ, đã từng sống ở Lục tỉnh, Sài Gòn văn minh, từng đọc một kho sách đông tây kim cổ, một người văn võ toàn tài, chỉ có Lục Vân Tiên mới bì kịp. Hòa Phước đã có một vị thầy như vậy, nếu không mở một lớp đặc biệt để cô bác học hành chữ nghĩa của Cách mạng thì cũng chẳng khác gì như đã tìm thấy một cục vàng lại cứ bỏ lơ không thèm nhặt. Lớp đặc biệt lại còn có hai cán bộ giúp việc : đó là chú Cù Lao và chú Nguyễn Văn Cục. Chú Cù Lao từng vượt biển về làng, ra Đà Nẵng học, đã tốt nghiệp bảng vàng danh yết. Nguyễn Văn Cục có nhiều kinh nghiệm, từng dạy cho bà Kiến với ông Hai Dĩ học tập giỏi. Hai cán bộ này sẽ giúp các thím các bác nhắc lại những chữ bị quên, kiêm việc quét dọn trụ sở, lau dọn bàn ghế. Nếu cô bác người nào có cái đèn bị mờ thì cứ giao cho họ thay bấc khêu ngọn. Nói xong, chú Năm Mùi mời thầy Bảy bắt đầu dạy.

Anh Bảy Hoành đứng phắt dậy, giở chiếc mũ phớt đang đội trên đầu, vứt mạnh xuống ghế nói như sấm động. Anh Bảy cho

biết là ở xứ Lục tỉnh, tất cả già trẻ, lớn bé, gái trai đều bắt phải học hết. Sau ngày cướp chính quyền, vẻn vẹn chỉ trong ba tháng mà tất cả đều biết đọc biết viết. Những ông già, bà già đều đỗ đạt hết. Vì sao vậy ? Vì ở xứ Dầu Dây hễ nói là làm. Dân xứ đó hiểu sự lý rõ ràng, hiểu mình bị nô lệ chỉ vì dốt. Nói đến đây, anh Bảy Hoành thu nắm đấm nện một đấm thẳng cánh vào cây cột làm mái nhà rúng lên. Anh thét to :

— Quyết trừ loài giặc dốt !

Anh Bảy đứng chống nẹ quắc mắt nhìn quanh, gõ vào bảng đen buộc trên vách, nói tiếp :

— Tôi chỉ dạy cho bả con hai chữ. Học xong hai chữ này thì mọi sự đều biết tuốt. Đây, tôi viết chữ t, tôi viết thêm chữ ư. Hai chữ này ghép lại thành chữ tư, thêm cái chấm dưới đít, thành chữ tự. Đây, tôi viết thêm một chữ nữa là chữ d, một chữ nữa là chữ o. Chữ d ghép với chữ ô thành chữ do. Đó là hai chữ tự do.

Ông Nguyên nổi cười rất to. Mọi người cười theo. Tất cả đều cho chú Năm Mùi nói đúng. Anh Bảy Hoành học giỏi nên dạy học trò cũng giỏi quá !

II

Bà Kiến viết chữ « Kiến » và ông Hai Dĩ viết chữ « Dĩ » trong buổi khai giảng đã làm cho lỗ mũi của tôi phồng to.

Tôi nói với thằng Cù Lao :

— Phen này chúng mình phải cho bà Kiến và ông Hai Dĩ thành tài mới sướng !

Nhưng thằng Cù Lao đánh cốc vào trán :

— Chà ! Tại cái đầu này ! Lại quên mất !

— Quên gì ?

— Anh Bốn và chú Năm dặn đi dặn lại, thế vẫn cứ quên ! Chúng ta phải nói chuyện thời sự. Phải làm cho bà Kiến hiểu biết thêm, làm cho bà Kiến và ông Hai Dĩ nhìn xa thấy rộng. Phải mở rộng ra, không bị giam hãm !

Theo chị Ba, có làm như vậy mới gọi là chiến sĩ diệt dốt. Tôi hơi lúng túng :

— Thế làm thế nào bây giờ ? Ngoài Đà Nẵng, Cù Lao được huấn luyện. Có gì truyền lại không ?

— Tôi chỉ lo dọn dẹp bàn ghế, nhưng lúc rảnh được ngồi nghe. Tôi có ghi chép. Đã sẵn quyển sổ, ta đọc chuyện thời sự.

— Phải đưa chuyện thế giới ra trước để cho oai !

Tôi và thằng Cù Lao đến ngay nhà bà Kiến.

Tôi tranh nói trước :

— Bà Kiến ơi ! Bà còn phải học thời sự thế giới, thời sự trong nước để nhìn xa thấy rộng, để mở rộng ra.

Thằng Cù Lao giở vở đọc liền một hồi :

— Thế giới chia hai phe. Phe dân chủ, phe phát xít. Phe phát xít gồm ba tên đầu sỏ. Đó là thằng Đức, Ý, Nhật. Đứng đầu là thằng Hít-le. Phe dân chủ đứng đầu có Liên xô. Liên xô là thành trì của Cách mạng thế giới. Bọn phát xít là bọn độc tài khát máu. Chúng giết sạch, đốt sạch. Chúng có lò thiêu người, thiêu nghìn người trong nháy mắt. Bọn phát xít Đức đem quân chiếm Ba Lan, Đan Mạch. Bọn Pháp xây chiến lũy. Nhưng phát xít Đức vượt như chơi, chiếm nước Pháp trong hai tuần lễ. Chúng chiếm Ba Lan, Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ. Chúng huy động hàng ngàn máy bay, hàng vạn xe tăng và đại bác tiến công Nga Xô-viết. Lúc đầu, quân đội Nga là Hồng quân giả vờ rút lui. Bọn phát xít Đức rượt theo. Hồng quân nhử chúng đến chỗ đồng không mông quạnh, ép chúng vào gọng kìm, tiêu diệt phát xít Đức không còn một mống. Bọn phát xít lúc đầu cũng

thắng. Ở ta, phát xít Nhật hất cẳng Pháp. Nhưng một khi bọn đầu sỏ Hít-le đã bị tiêu diệt thì bọn đàn em lẻ Ý và Nhật cũng phải thua. Hồng quân tiêu diệt phát xít Nhật ở Quan Đông. Tất cả bè lũ phát xít trên thế giới phải đầu hàng. Như vậy là quân Đồng minh đã thắng trận. Họ chia nhau đi tước vũ khí bọn phát xít còn sót ở các nước. Quân đội Anh được Đồng minh phân công tước vũ khí của Nhật từ Đà Nẵng trở vào. Quân Tưởng Giới Thạch được phân công tước vũ khí của Nhật từ Đà Nẵng trở ra. Bọn chúng xảo quyệt muốn chiếm lấy nước ta. Quân lính của Tưởng Giới Thạch vào nước ta mang theo bọn Việt Nam quốc dân đảng và bọn Việt Cách. Chúng tìm mọi cách lật đổ chính quyền ta và cố lập một chính phủ bù nhìn. Bọn Tàu Tưởng bùng beo đến đóng ở Đà Nẵng...

Thằng Cù Lao đọc tiếp :

— Chính quyền ta vừa thành lập. Nhân dân ta gặp nạn đói. Quân đội ta còn thiếu súng ống đạn dược. Bọn Pháp lăm le muốn đặt ách thống trị. Tàu chiến của chúng đang trên đường đến Đông Dương. Tướng tá của chúng như tên Đác-giăng-li-ơ, tên Lơ-kơ-lét, toàn là cáo già cả. Chúng gây cho ta muôn nghìn rắc rối. Tên Tưởng Giới Thạch đã ra lệnh cho bộ hạ đưa quân sang nước ta để tiêu diệt cộng sản.

Tôi vô cùng sung sướng. Thằng Cù Lao biết nhiều thì tôi là bạn của nó cũng được cái thơm lây. Chỉ bốn tháng ở Đá Nẵng mà trí óc của nó như cái « ống thiên lý xa soi nghìn lối ». Nó biết cả chuyện Tây, chuyện Tàu, chuyện năm châu bốn bể. Toàn là những chuyện to lớn.

Tôi hỏi bà Kiến :

— Nghe những chuyện vậy, có thích không ?

Bà Kiến ngập ngừng :

— Thích ! Nhưng nó rắc rối như... tơ vò. Bà không hiểu ra làm sao ? Có phải ngoài cửa ải có giặc đem quân về đánh triều

đình. Triều đình có hai phe trung nịnh không ? Đồng Kim Lân phải phò bà phi chạy trốn. Bọn gian nịnh tiếm ngôi, sau bị lấy đầu.

Tôi nói như quát :

— Đó là chuyện cũ trong tuồng hát. Nay là hai phe, chớ không phải triều đình.

Thú thật, tôi nghe cũng rắc rối. Tôi chưa hiểu chữ « quốc tế », chữ « đồng minh » nghĩa là gì. Vật gì ở quá xa thường khó thấy. Tôi và thằng Cù Lao bàn nhau phải bắt đầu bằng những chuyện gần gần cái đã. Chú Năm Mùi đã bảo : muốn đến xa phải qua cái gần. Phải bắt đầu kể cho bà Kiến nghe những chuyện ở huyện, ở tỉnh, sau đó nói những chuyện ở Đà Nẵng, rồi đến những chuyện xa hơn ở Nam Bộ, ở Sài Gòn, bà mới nghe được. Như vậy, tôi phải kể trước. Tôi sẽ nói cho bà Kiến biết chuyện kháng chiến ở Nam Bộ. Vì vấn đề đó tôi nắm rất kỹ. Tôi dọn giọng bắt đầu kể :

— Bà nghe đây này ! Hiện nay, bọn Pháp đánh ta ở Nam Bộ. Quân Pháp có quân Anh, quân Nhật giúp đỡ đang đánh chỗ Sài Gòn. Chúng cố đánh ra. Ta đánh lại rất ác liệt.

Đến đây, tôi dừng lại như bị cụt hứng. Tôi cố nhớ thêm một vài chuyện nữa nhưng không được. Không ngờ vốn hiểu biết của tôi đã cạn. Chuyện thời sự của tôi cụt ngủn.

Bà Kiến nói :

— Bà còn nghe nói bọn Pháp bắn vào nhà thờ, chúng lại vu cho ta bắn. Ta phải mộ quân vào giúp cho Nam Bộ. Những đoàn quân Nam tiến trùng trùng điệp điệp. Ở mình, anh Long, anh Lực nhập ngũ cũng để Nam tiến, lấy đầu quân Pháp.

Thì ra chuyện Nam Bộ kháng chiến bà Kiến biết nhiều hơn tôi.

Thằng Cù Lao bày kế tôi nói những chuyện ở huyện, ở tỉnh.

Tôi tìm mãi, không biết chuyện gì ở trên huyện, trên tỉnh. Chẳng nghe nói ai đánh ta, hoặc ta đánh ai. Chỉ biết trong các

cuộc mít tinh các đồng chí cấp trên về kêu gọi tòng quân đi đánh giặc, phải gây quỹ nuôi quân, phải tổ chức đội dân quân tự vệ, phải thi đua tiêu diệt giặc dốt, giặc đói. Bà Kiến đều biết hết.

Thằng Cù Lao khuyến khích :

— Nói những việc Cục đã làm lúc tôi đi vắng. Đó cũng là những thời sự gần nhất.

Tôi nói với bà Kiến :

— Việc gần nhất của tôi là việc chăn con trâu Bĩnh, việc tỉa ngô, việc trồng khoai, để tăng gia sản xuất. Tôi lo việc dọn dẹp bàn ghế ở lớp bình dân, khêu những ngọn đèn lù mù ở lớp. Tôi đưa giấy mời họp. Vì phải chạy cho nhanh nên đã đạp phải gai. Tôi giúp chị Ba thu gạo nuôi quân, tôi đã làm cái lu đựng gạo bị vỡ. Tôi vác tre để dựng trạm y tế, tôi được khen vác tre giỏi. Việc học vè bầu cử Quốc hội, tôi không thuộc. Việc kẻ những khẩu hiệu cho các cuộc biểu tình tôi làm rất mau. Anh Bốn Linh chỉ hô một tiếng là mọi người đều răm rắp. Việc đánh phèng la để gọi mọi người đi học, đi đào giếng là tôi thích nhất. Tiếng phèng la : Phèng, phèng, phèng ! Thế là mọi người tập họp đi mít tinh, đi nghe cấp trên về phổ biến các chính sách. Hễ có mít tinh là tôi chen đi trước. Tôi xin được vác cờ. Tôi vung quả đấm mạnh nhất và hô những khẩu hiệu to nhất. Tiếng hô của tôi có thể nghe đến tận bên kia sông. Vài hôm sau, cổ của tôi vẫn còn khản đặc. Việc gì anh Bốn hoặc chú Năm Mùi giao cũng đều hỏa tốc. Có việc chồng chéo lên nhau. Tôi vừa dắt trâu Bĩnh ra khỏi chuồng thì ông Bảy Hóa lại hiện ra, ngăn lại. Ông Bảy khăn áo chỉnh tề, tay cầm cái trống con, thấy tôi, ông reo lên khoan khoái :

— Gặp chú đây rồi, may quá ! Chạy ngay vào đình vác cây cờ ra đây, mau lên !

— Để làm gì ông Bảy ? Tôi còn phải cho trâu đi uống nước đây.

— Kệ nó ! Việc này là việc dân việc nước, quan trọng lắm. Mau lên !

Tôi chạy đi vác cờ. Ông Bảy lại dặn :

— Khi gặp ông chủ tịch huyện thì tao gióng trống, mày xổ cờ.

Thì ra ông Bảy Hóa đi đón vị chủ tịch huyện. Chúng tôi ra đến đầu làng lại gặp anh Bốn Linh. Anh Bốn ách lại, bắt dẹp hết cờ trống, vì nay có còn quan huyện nữa đâu !

Bà Kiến nghe xong, mỉm cười :

— Những việc đó bà nghe rồi. Cục không nói cũng biết !

Tôi bàn với thằng Cù Lao phải kể những chuyện ở xa hơn, ở cách Hòa Phước vài ba mươi cây số.

Thằng Cù Lao kể cho bà nghe những chuyện Đà Nẵng không gần không xa :

Tôi ra Đà Nẵng ở một ngôi nhà đồ sộ có bốn tầng, rộng thênh thang. Tôi theo anh Sáu bước lên những bậc đá bằng cẩm thạch, rồi đi dọc những hàng niên rất cao, có không biết bao nhiêu cửa chớp. Anh Sáu dừng lại mở cửa. Một căn phòng vô cùng lộng lẫy hiện ra. Tôi lóa mắt. Sàn bóng như gương. Dưới sàn lại còn trải thảm. Giữa phòng là một chiếc giường to có nệm, bọc vải trắng toát. Một giường nhỏ hơn bọc toàn nhung xanh. Mỗi giường có hai chiếc gối bọc lụa óng ánh, thêu hoa. Một chiếc gối đầu, một chiếc gác chân. Dọc tường, nào rèm, nào tủ, nào gương to ! Một anh Sáu bước vào phòng, gương chiếu bốn bên, thấy có bốn anh Sáu. Có đến hai chục phòng như vậy. Mỗi phòng « chưng diện » một cách : phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách lớn, phòng khách nhỏ, phòng trẻ con, phòng đọc sách, phòng giải lao, phòng nào cũng vô cùng sang trọng. Bàn ghế giường tủ đều bóng lộn. Cốc chén toàn bằng thủy tinh. Mâm đĩa mạ vàng mạ bạc.

Tôi hỏi :

— Nhà gì mà sang trọng thế ?

— Đó là dinh lão sứ, còn gọi là tòa thị chính. Nay ta dùng tầng trên để ở, tầng dưới để làm trụ sở của Ủy ban Đà Nẵng.

Thằng Cù Lao kể tiếp :

— Một tên thực dân Pháp như thằng sứ không chỉ có một ngôi nhà ở Đà Nẵng mà còn có nhà ở Bà Nà, còn gọi là biệt thự. Nó còn nhiều biệt thự khác ở Bạch Mã, Đà Lạt. Mùa hè, chúng lên những nơi đó để cho mát. Muốn có gió biển, chúng đã có biệt thự ở Hà Thân, ở Nha Trang, ở cửa Thuận. Ở lớp huấn luyện, một hôm, anh Sáu nói : « Hòa Phước là làng tôi ở. Ở đó có một bà già tên là bà Kiến. Bà ở trong một cái lều. Lều không có cột, chỉ làm bằng hai mái tranh ghép lại. Muốn vào lều phải quì xuống, bò bốn chân. Nhà cửa của bọn xâm lược cao bao nhiêu thì nhà bà Kiến thấp bấy nhiêu. Nhà cửa của bọn xâm lược thênh thang bao nhiêu thì nhà của bà Kiến chật chội bấy nhiêu. Nhà cửa của bọn chúng lộng lẫy bao nhiêu thì nhà bà Kiến rách nát bấy nhiêu. Bọn xâm lược có hàng ngàn đồ dùng bằng vàng bạc, gấm vóc, bằng thủy tinh thì bà Kiến chỉ có một bộ áo rách và một con dao cùn. Nếu ta xếp lại bên nhau cái lều của bà Kiến và ngôi nhà này của tên sứ thì sẽ thấy một sự thật rất mỉa mai. Dân ta có hàng triệu người như bà Kiến. Cách mạng bắt bọn chúng phải đem trả lại đồ đạc sang trọng đó lại cho họ ». Anh Sáu nói tiếp : « Năm đói, bà Kiến ở làng tôi mò ra Đà Nẵng tìm bà con để nương nhờ. Phố xá đông người, bà đi loanh quanh luẩn quẩn, đi lạc xuống Trẹm gần dinh lão sứ. Bọn lính pô-lít (1) bắt được, hỏi thẻ thuế thân. Bà không có thẻ. Chúng bắt bà nộp thằng cò. Thằng cò cho tống giam. Nhà giam của bọn xâm lược rất đặc biệt. Nhà giam không có cửa, chỉ có những lỗ thông hơi trên cao. Người bị giam tưởng như bị nằm trong một hang sâu hôi thối đầy rận rệp. Bắt được bao nhiêu người chúng đều vứt vào đó, đông bao nhiêu cũng mặc kệ. Người chết vì nghẹt thở, vì nóng bức ».

Thằng Cù Lao quay sang hỏi bà Kiến :

— Có đúng vậy không bà ?

---

(1) Lính cảnh sát.

Bà Kiến thút thít :

— Năm đó, người đói cứ ùa vào Đà Nẵng kiếm ăn. Bọn Tây dồn lại trong nhà đá. Một số chưa chết chúng cũng chôn luôn. Một số còn sống chúng sức lý trưởng phải nhận đem về làng, để khỏi phải chôn cất.

Thằng Cù Lao kể tiếp :

— Hôm đó, anh Sáu còn nói : « Lịch sử đã cho phép chúng ta ngày nay so sánh được những việc như vậy. Người còn sống như chúng ta phải nhớ lấy những việc đó. Cách mạng đã cho phép bà Kiến đến Đà Nẵng không bị bắt bớ. Chúng ta có thể mời bà đến dinh lão sứ ở chơi vài hôm !

Bà Kiến hỏi :

— Vậy chỗ đó đã là của ta rồi hả ?

Tôi nói :

— Nhà lão sứ nay là nhà của mình rồi. Thằng Cù Lao được vào ở. Nó sướng lắm !

Thằng Cù Lao cười :

— Nghe không sướng vì không quen. Tôi leo lên giường. Cái giường cứ nhún nhảy như sóng dồi. Tôi nằm im không dám lăn qua lăn lại. Ngủ trên bãi cát sướng hơn, cứ lăn tròn đến đâu cũng được. Cái nệm nghe như lửa đốt. Cái giường tre của mình thế mà mát. Anh Sáu còn bảo tôi phải rúc vào một cái buồng trắng toát. Anh vặn cái bông sen, nước tưới lòa xòa. Anh bảo tôi phải tắm. Tôi lặn ngụp đã quen. Tắm vậy rất khó chịu. Tắm xong, phải mặc bộ đồ mới. Áo phải bỏ vào quần, phải cài hết cúc. Nhìn vào gương thấy mình như một thằng nào lạ hoắc !

Tôi hỏi :

— Diện sang làm vậy, thế Cù Lao làm được chức tước gì ?

— Ban đêm, làm anh học trò. Ban ngày, làm tổ viên của tổ tiếp liệu, trực thuộc Phòng quản trị. Phòng quản trị đặt dưới sự chỉ huy của văn phòng. Tôi làm nhiều việc rất quan trọng.

Ở đó khách khứa suốt ngày. Có khi phải tiếp cả khách bên Tây, bên Mỹ nữa. Một lần gặp cả bọn Mỹ, hai thằng Mỹ đóng lon quan tư. Chúng đến Đà Nẵng lấy cớ đi tìm xác chết của Mỹ bị Nhật giết đâu trên Tây Nguyên. Chúng đến bằng máy bay, nhờ chính quyền Đà Nẵng giúp đỡ đi tìm xác chết. Ta tiếp chúng ở tòa thị chính.

Thằng Cù Lao chỉ vào một chiếc chum vỡ của bà Kiến :

— Cái bụng của chúng to ơi là to ! Còn hơn cái chum kia kìa ! Khi ngồi vào bàn ăn, tôi phải chạy đến kéo ghế, cái bụng mới đưa vào được. Ta đãi đằng sang trọng quá ! Đủ hết của ngon vật lạ. Đủ loại xào nấu đặc kín cả một bàn dài. Rượu có đến ba thứ. Hai đứa gặm hết một con gà quay, ăn hết bát xào, bát mọc, bát thịt bê non, bát cá. Tôi tưởng đã để đũa, ai ngờ chúng cầm thìa ăn món bún tàu. Chúng dừng một lát uống hết cốc rượu. Hoa quả bánh trái vừa đưa lên, chúng ăn cam, ăn bánh. Ăn suốt hai giờ liền !

Tôi hỏi :

— Thế Cù Lao có được ngồi ăn không ?

— Làm gì ! Tôi làm phụ hầu bàn. Một thằng vừa ăn vừa gật gật nói vài tiếng Mỹ. Anh phiên dịch cho biết là nó khen món ăn Việt Nam rất ngon. Chúng cũng rất mê phong cảnh đẹp đẽ của Việt Nam. Cái màu xanh Việt Nam khắp địa cầu không đâu bì kịp. Cũng vì mê cảnh đẹp nên nó có chương trình đi thăm những thắng cảnh ở mỏ vàng Bông Miêu, ở mỏ than Nông Sơn, ở mỏ kẽm Đức Bổ, xem chỗ chứa xăng ở Liên Chiểu. Chúng là bọn do thám. Các chú lo việc đón tiếp bọn Mỹ hôm đó đều phục cái sức ăn của bọn do thám Mỹ. Một chú đùa với anh Sáu : « Do thám Mỹ có một dạ dày khá to. Sức ăn của chúng một bữa, ta ăn đến mười hôm » Anh Sáu vui miệng, nói luôn : « Ở làng tôi có một bà, tên là bà Kiến. Với một nải chuối hai mươi quả, bà có thể sống trong mười hôm. Tài ăn ít của bà thật là lớn. Một bữa ăn của gia đình một tên công sứ trước đây, bà Kiến

có thể sống trong một năm. Vừa rồi ta có hai triệu người chết đói. Bọn trẻ con khi chết đói cứ đen sẫm lại. Cách mạng đến không kịp... Nửa triệu trẻ em đã chết đói... ».

Tôi hỏi bà Kiến :

— Có thật bà ăn mỗi ngày hai quả chuối không bà ?

Bà Kiến lại thút thít.

Tôi nói :

— Thút thít cái gì ? Bà sẽ được mời ra tòa thị chính, được các anh đãi tiệc, được nằm giường lò xo, được đi uốn tóc, được xức dầu thơm, thút thít gì nữa !

Với ông Hai Dĩ cũng phải nói các việc như trên, để làm cho trí óc của ông như cái « ống thiên lý xa soi nghìn lối », như thầy Lê Tảo nói. Tôi kể cho ông nghe chuyện kháng chiến Nam Bộ. Thằng Cù Lao kể những chuyện ngoài Đà Nẵng, chuyện nó băm thịt, nấu xáo, đi bán bún. Nó còn nói ông Hai Dĩ nghe về bọn quân của Tưởng Giới Thạch.

Thằng Cù Lao kể :

— Tôi ra Đà Nẵng học được cách chặt xương, băm thịt. Băm thịt được cả hai tay.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Thế Cù Lao được ở nhà bốn tầng, được nằm giường tây. Vậy sao lại bị giáng chức đi băm thịt, chặt xương ?

— Độ sau này anh Sáu ban ngày ở tòa thị chính, nhưng ban đêm phải rút đi ngủ nơi khác. Cán bộ phải đề phòng. Vào ra phải cẩn thận.

Ông Hai Dĩ hỏi :

— Mình thắng rồi mà !

— Bọn lính Tưởng Giới Thạch theo lệnh của Đồng Minh kéo sang Việt Nam, lấy cớ là để giải giáp quân đội Nhật. Chúng có đến mười tám vạn, lại còn có nhiều tay sai. Ta chưa đánh được. Ở Đà Nẵng, chúng chiếm các đồn trại, cầm đại đao với dùi cui

đứng chặn các ngã ba. Buổi tối, tôi và anh Sáu phải về ngủ nhà ông bà Dần. Chỗ này kín đáo hơn. Ông Dần bán một gánh bún bò, bà Dần cũng bán một gánh bún bò. Bà Dần mời khách giỏi, bán một lúc đã hết hàng. Ông Dần tiếng rao rè rè, tính chậm chạp, hàng thường bị ế. Bà chẳng trách gì ông, vì biết ông tốt bụng. Nhưng một hôm ông bà đã to tiếng. Và bà đã nện ông một đá. Bà biết thế võ.

Ông Hai sửng sốt :

— Đàn bà sao dám nện đàn ông một đá ?

— Cũng tại bọn lính Tưởng Giới Thạch.

Thằng Cù Lao kể cho ông Hai Dĩ nghe bọn lính của Tưởng Giới Thạch đứa nào cũng vàng vọt, cũng bủng beo. Chúng làm cho tất cả những gánh bún gánh mì đều khiếp sợ ! Thấy chúng từ đằng xa phải lo chạy tránh. Ông Dần vì chậm chạp nên chúng đã sà đến. Chúng đưa ra một xếp bạc, ra hiệu cho ông Dần phải múc bún xáo. Ông Dần múc năm bát cho năm thằng. Loáng một cái, năm bát bún đã hết. Lại năm bát khác đặt lên mâm. Năm bát hết trong nháy mắt. Lại đến chầu thứ ba, chầu thứ tư, chầu thứ năm, chầu thứ sáu, chầu thứ bảy. Bọn lính của Tưởng Giới Thạch không biết nhai. Chúng chỉ biết nuốt tuồn tuột. Ba mươi lăm bát bún đã vào bụng của chúng trong vòng vài mươi phút.

Đến đây, thằng Cù Lao mỉm cười :

— Ruột của bọn lính Tưởng to không kém ruột của bọn do thám Mỹ. Nhưng bọn này ăn mau quá. Ăn xong, chúng đứng dậy. Ông Dần chìa tay hỏi tiền. Năm thằng rút đại đao vung loáng loáng. Ông Dần khiếp quá. Nhưng bỗng hai đứa trợn trừng mắt, lảo đảo rồi ngã quay lơ. Đồng bào xung quanh kêu la : « Chết rồi ! Có án mạng rồi ! ».

Nghe có án mạng, ông Dần hoảng quá, quảy gánh bỏ chạy, bỏ lại cả chén bát. Vốn liếng đi đời. Việc đó làm cho bà Dần cứ nhăn nhó. Ông bà to tiếng. Bà cho ông một đá ngã tênh hênh.

Những ngày nghỉ, ông Dần nhờ tôi đi gác. Tôi đứng gác ở ngã ba đường. Hễ thấy lính Tưởng, tôi báo ngay ông Dần biết để ông kịp dọn gánh bỏ chạy. Sau đó, tôi còn giúp ông làm bún xáo. Ông Dần dạy tôi băm thịt, chặt xương. Nghề làm bún xáo tôi hóa thạo.

KHÁCH ĐẾN

I

Suốt năm 1946 đều là mùa xuân. Mùa xuân như kéo dài đến tháng mười. Mùa mía đường đã qua. Tôi chưa thấy mía nào ngọt bằng mía năm đó. Đến mùa tơ tằm. Tôi chưa thấy sợi tơ nào mượt bằng sợi tơ năm đó. Ngô nướng có một vị ngọt khác thường. Chưa năm nào sung chín lại ngon đến thế ! Tôi và thằng Cù Lao ăn đầy bụng không thấy xót ruột. Tôi đi dọc con đường làng. Đường đầy tiếng chim. Tiếng bồ chao vang lừng. Tiếng bồ các âm áp. Mỗi khi chiền chiện nổi hát, tôi tưởng có nghìn tiếng chuông ngân vang. Và thật kỳ diệu ! Núi Cà Tang, núi Phước Tường bỗng sáng quắc. Sông Thu Bồn hóa long lanh. Bãi bói, bãi dâu hóa xanh rì. Cây sung đầu làng càng óng mượt. Cây cỏ dọc đường như rưng lên, reo vui, trò chuyện. Còn đường làng trước đây cứ mỗi ngày mỗi ngắn lại theo bộ giò của tôi mỗi ngày một dài ra. Lúc còn níu áo mẹ theo vào chợ chiều, con đường làng xa xôi như dài đến xứ... Tây Trúc. Con đường ngắn dần, cho đến năm 1946 nó bỗng dài ra thênh thang đến vô tận. Tôi đi dọc đường gặp toàn những nụ cười thân mến. Chuyện ném đất đá vào đầu ông Hai Dĩ bỗng hóa xa xôi thành chuyện cổ thời trước. Trong làng, những đứa láo xược nhất không còn gọi tôi bằng thằng, « thằng Cục chăn trâu, bị một cục u trên trán ». Ông thợ mộc ngoài vạn không còn hỏi tôi có thấy đứa nào giấu chơi

chiếc đục. Ông còn mời tôi uống bát nước chè. Tôi và thằng Cù Lao được cả ông Tư Trai mời nếm món mắm ngon của Đà Nẵng.

— Này Cục, này Cù Lao ! Ngồi lại đây ăn thử cho biết... ! Đây là thứ mắm dãnh của ông Biện Thành ở Đà Nẵng gửi biếu !

Tôi bỏ thói vật lộn, chọc chó và đi rông. Tôi làm gì cũng có ý có tứ. Trước khi ra sông tắm, tôi cởi phăng hết quần áo, nói thét tướng :

— Hãy theo ta !

Tôi nhảy tòm xuống sông. Thằng Cù Lao và bọn chăn trâu nhảy tòm theo. Chúng tôi chơi trò dìm nước. Đứa này cố dìm đầu đứa kia xuống nước. Chơi rất ác ! Đè nhau đến ngạt thở, phải lạy mới chịu tha. Không dễ gì bị chết chìm ! Từ ngày thằng Cù Lao về Hòa Phước, đứa nào bơi lội cũng giỏi. Sau này, chúng tôi không tắm vậy nữa. Tôi và thằng Cù Lao mặc cả quần xuống tắm. Nếu phải cởi quần, hai đứa phải chạy ra xa, đi khom khom rồi đột ngột phóng xuống nước. Tôi cúi sấp về phía trước, đưa lưng cho thằng Cù Lao kỳ cọ. Tôi bắt nó kỳ nách, kỳ hông cho đến hết mùi khét của trâu mới thôi. Tôi bắt thằng Cù Lao đưa lưng cho tôi kỳ. Tôi vừa kỳ vừa nghĩ. Thằng Cù Lao càng giãy giụa tôi càng kỳ khỏe, kỳ cho đến lúc da nó đỏ lên mới buông nó ra. Thằng Cù Lao bắt chước người lớn uống nước chè đặc. Nó uống cạn bát, chép miệng gật gù :

— Chà ! Ngon quá !

Tôi bắt chước người lớn ăn cay, nói lớn, nhổ thật xa, vỗ vai tụi nhỏ, sai chúng làm việc này việc nọ. Tôi nói với mẹ nên bán quách con trâu Bĩnh, vì người lớn có ai đi chăn trâu đâu ! Nghề chăn trâu chẳng nên danh nên giá gì. Tất cả bọn chăn trâu dù siêng năng đến mấy, cũng bị gọi bằng thằng, bằng bọn, bằng tụi, bằng lũ. Có đứa chăn trâu nào được gọi bằng « thầy chăn trâu » đâu !

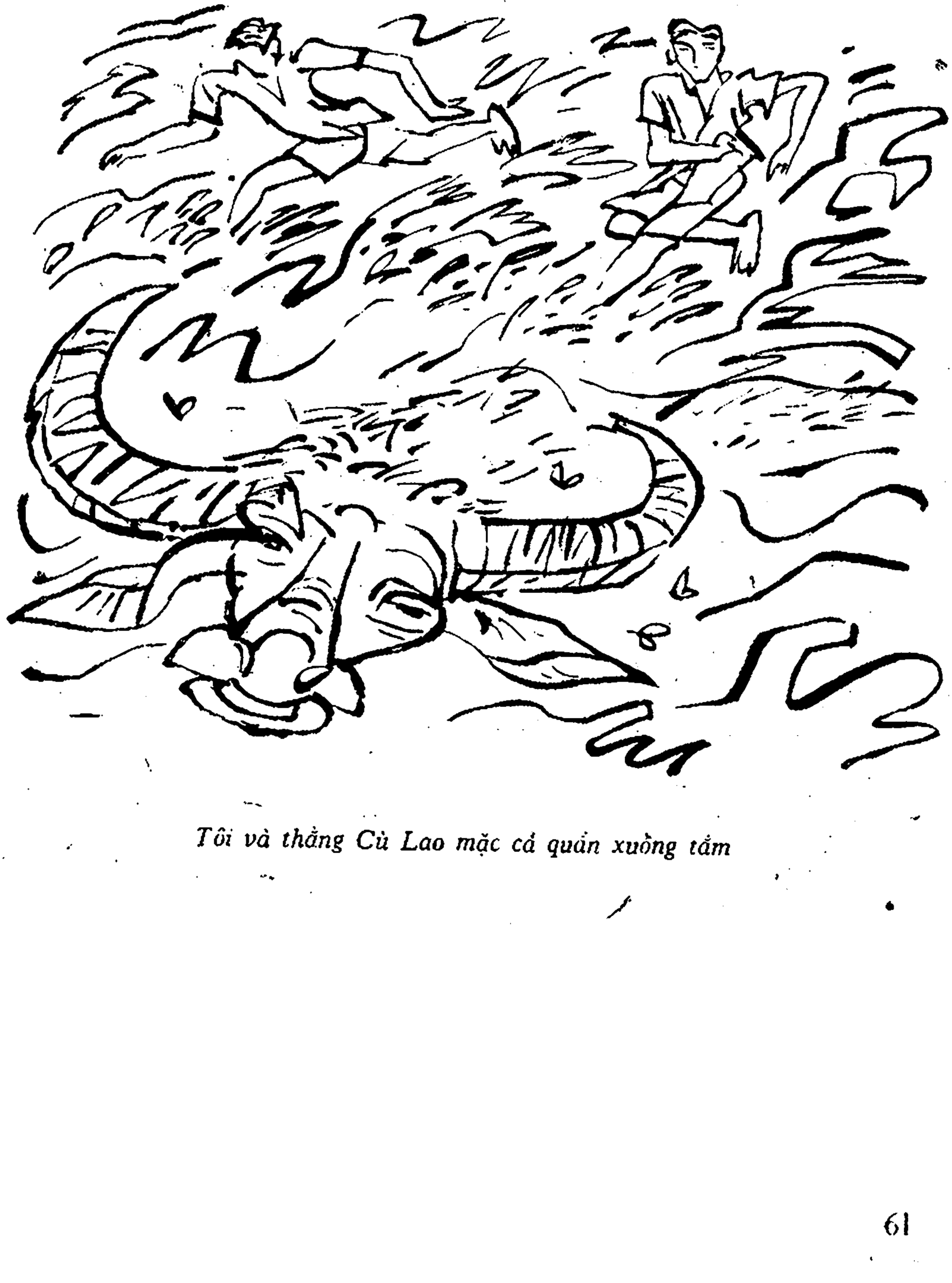

Tôi và thằng Cù Lao mặc cả quần xuồng tắm

Chuyện bán trâu đến tai ông Tư Đàm. Ông Tư Đàm nói khi nhỏ có đi chăn trâu. Lúc đầu, người ta gọi ông bằng thằng chăn trâu. Sau, giữ trâu tài quá, ông được gọi là thầy chăn trâu :

— Tao từng giữ một con trâu không biết đi là gì ! Nó chỉ biết chạy. Hễ ra khỏi chuồng, nó nghếch mõm nhìn trời rồi vụt chạy. Chạy bậy cho sướng thế thôi, chẳng để làm gì cả. Một lần bị húc vào gốc cây, gãy mất một sừng. Nó vụt qua bãi dâu, phóng qua sông, vượt làng xóm, phóng lên tới núi. Nó chạy từ núi này qua núi nọ. Vừa chạy vừa cất bộ hậu. Tao bị ném lên cao rồi bị rơi, lúc rơi xuống lưng, lúc rơi xuống hông. Nhưng tao bíu chặt, mặc sức cho nó phóng ! Đùng một cái, một con hổ nhảy ra ! Một con hổ to hơn con trâu. Mày ơi ! Con hổ đứng chắn trước mặt, nanh vuốt xòe ra. Trâu đứng trụ lại, sừng chĩa ra phía trước. Hổ nhìn thấy tao ngồi trên lưng trâu. Tao cũng nhìn thấy hổ. Hổ thấy tao, nó trợn mắt, nhe răng, liếm mép. Tao chỉ mong hổ đừng nghĩ đến một việc. Việc đó ngay đến bây giờ tao cũng không dám nói ra. Bỗng con trâu của tao nó nhảy chồm lên. Tao cũng bị vứt lên cao ! Nam mô Phật ! Tao đã níu được một cành cây. Tao hoàn hồn leo lên cây, ngồi nhìn xuống. Hổ ngoạm một miếng vào cổ trâu. Trâu cắm chiếc sừng còn lại vào cổ hổ, ép chặt hổ vào vách đá. Hổ gào rống. Chúng mày không biết hổ gào rống như thế nào. Đất đá cũng phải bay hết. Nhưng may cho hổ, nó rút khỏi sừng trâu và cúp đuôi bỏ chạy. Trâu của tao đứng dậy. Nhưng vì mệt quá, nó quỵ xuống, nằm một ngày. Sau nhiều chuyến chạy bậy, trâu mệt quá, chỉ thích đi. Và tốt nhất là đi cày. Nó cày giỏi, ai cũng thương. Tao đã dạy một con trâu chạy rông thành một con trâu cày giỏi — Tao được gọi bằng thầy.

— Trâu nó chạy mãi, mình ngồi trên lưng không nghe đói sao chú ? — Tôi hỏi.

Ông Tư Đàm vẫn nghiêm trang :

— Ngày trước, ai nấu cơm cũng gói vài bát vào mo cau đem treo lên cây. Trâu cứ việc phóng. Tao ngồi trên lưng trâu, khi nghe đói cứ việc giật những cơm đó mà ăn.

Tôi biết ông Tư Đàm nói láo có sách. Nhưng câu chuyện ông kể làm cho chúng tôi như sống nửa hư nửa thực. Đứa nào cũng thích nghe, cũng nằn nì ông kể thêm vài chuyện. Thằng Cù Lao cho đó là những chuyện có thực. Vì ngày trước trâu ở rừng. Rừng có nhiều hổ. Trâu đuổi hổ hoặc hổ đuổi trâu... Trâu nào ở rừng cũng phải tập chạy giỏi mới sống được.

Ông Tư Đàm cho ra nhiều chuyện nói láo. Tài kể chuyện nói láo của ông nở rộ. Bà Kiến mở kho hò vè ca dao. Ông Hai Dĩ nổi ê a câu hát nam hát khách trong các lớp tuồng hát bội.

Ai cũng dễ chan hòa, cũng dễ cởi mở. Ai cũng muốn nói những điều mình biết để mọi người nghe, cũng nói toạc ra những ý nghĩ trước đây không nói ra được. Ông Kiểm Lài dám to tiếng chửi lão phó tổng đã đánh ông. Thầy Lê Tảo tự do ngâm nga những bài thơ yêu nước. Bác Úc đọc lại những hịch cần vương và khoe với mọi người mình đã từng tham gia phong trào xin sưu thuế, đã chứa cán bộ Việt Minh. Ông Tư Trai rất tiếc là trước đây có cán bộ mời ông vào Việt Minh, nhưng ông cứ trù trừ. Nếu không thì sau ngày cướp chính quyền ông đã được bầu là chủ tịch xã. Anh Bảy Hoành kể lại những việc hết sức lố bịch của bọn chủ Pháp ở Sài Gòn. Những chuyện bậy bạ của bọn chúng ai nghe cũng phải cười đến tức bụng. Ai cũng hóa biết nhiều, cũng giỏi. Tất cả những gì bị dồn lại, bị ép lại nay được mở ra, được phơi ra, không cần phải giữ mồm giữ miệng như trước. Nhiều việc xấu xa của bọn hào lý, người lớn nói hết ngay trước mặt bọn trẻ. Tôi và thằng Cù Lao nghe hết, mỗi người tính nết như thế nào, tôi đều biết hết.

2

Ánh sáng trong veo cho đến tháng mười. Núi Trường Định, hòn Cà Tang vẫn xanh, vẫn rời rợi. Đến thu có vài hạt mưa bay. Đến tháng mười có gió heo may, có mây mù. Mưa lại đổ. Con sông Thu Bồn lại phềnh ra, đổi màu xanh ra màu vàng. Nhưng chỉ hơn một tháng con sông trở xanh leo lẻo. Vạn Hòa Phước trở lại trong veo, thấy được từng hòn sỏi dưới đáy nước. Bến vạn càng ngày càng vui. Thuyền qua lại đông hơn. Đến giữa mùa đông, một chiếc thuyền mành hai buồm cập bến Hòa Phước. Một cán bộ bước xuống bến, đi thẳng vào làng, trao cho anh Bồn Linh một bức thư của anh Sáu ở Đà Nẵng gửi. Thư viết :

Chú Bốn,

Đà Nẵng phải chuẩn bị mọi việc sẵn sàng. Bên tư pháp đưa về gửi tạm Hòa Phước bốn chiếc rương. Nhờ chú sắp xếp để cất giấu cho chu đáo. Chú có thể tạm cất bốn chiếc rương trong miếu Bà Tằm rồi khóa cửa miếu lại.

Ký : NGUYỄN VĂN SÁU

Tái bút : Ngoài nầy có bác sĩ Thụ muốn đưa bà vợ và cô con gái là Tuyết Hạnh về Hòa Phước tạm một thời gian. Đi trước như vậy để được yên ổn. Nhân tiện nhờ chú tìm nhà và sắp xếp chỗ ở cho họ, Bà Thụ gốc cũng người làng mình, như chú đã biết.

Người đưa thư cho biết bốn chiếc rương đã cập bến Hòa Phước. Anh Bồn cho ngay một số người đưa rương vào làng để cất giữ. Anh Bồn Linh theo người đưa thư ra bến. Bốn chiếc rương lớn bằng kẽm chiếm trọn cả một khoang thuyền. Rương nào cũng được khóa kỹ. Anh Bồn về nhà gọi chú Năm Mùi, đi hạ tre làm một đôi quang mới. Anh Bồn gọi ông Kiểm Lài, ông Hai Dĩ và đội tự vệ đưa bốn chiếc rương lên bờ. Bốn rương kẽm sắp thành hàng một dãy sáng nhoáng. Trên mỗi chiếc rương đều có ghi bốn chữ T. A quân sự. Nét chữ gân guốc. Chữ T đứng

thằng. Chữ A đứng chạng hai chân đầy khí phách. Tuy không nói ra nhưng tất cả đều nghĩ đó là những rương vũ khí. Tôi và thằng Cù Lao đoán chữ T.A là loại vũ khí mới. Từ cổ chí kim, Hòa Phước chưa hề tiếp những vị khách lạ như vậy ! Bốn chiếc rương kềm từ bến sông tiến vào làng uy nghi như bốn cỗ pháo tiến vào trận địa.

* * *

Thằng Cù Lao rất toại nguyện được giữ kho vũ khí T.A quân sự. Giữ vũ khí cũng là công tác quân sự. Cha nó vào công tác trong quân giới, là công tác quân sự, được đi đây đi đó khắp nơi tìm các loại kim khí đặc biệt. Thằng Cù Lao lúc ở Đà Nẵng được đi tiễn đoàn quân Nam tiến. Đoàn vệ quốc quân rầm rập bước vào sân ga. Một lá cờ đỏ sao vàng tiến trước. Lá cờ tung bay trong gió giữa muôn nghìn tiếng hoan hô như sấm động. Nó chỉ ước mơ được Nam tiến hoặc được làm công tác quân sự. Nay được chỉ định đi tuần tra kho vũ khí ở miếu Bà Tắm thì còn gì thích bằng !

Mỗi lúc chiều xuống, khi bóng tối từ chòm sung bò ra, khi bọn gà mái ở đầu hè cõng con đi ngủ, trước khi đến lớp bình dân, tôi và thằng Cù Lao tranh thủ đi « tuần tra » một vòng vào miếu. Sau khi những ngọn đèn từ các lớp học tỏa ra, chúng tôi lại « tuần tra » một vòng vào miếu. Thằng Cù Lao nắm tay tôi cùng bước lò dò như đang rúc vào cái hang sâu thẳm. Ngôi miếu nằm giữa những cây to. Bóng tối đen đặc, ngửa bàn tay không thấy. Chợt thằng Cù Lao nói rất khẽ: Đến rồi ! Nó đẩy cửa miếu, kéo tôi bước qua ngạch cửa. Chúng tôi sờ soạng rồi ngồi ngay trên rương. Tôi muốn ho, nhưng thằng Cù Lao bóp tay tôi, bảo phải im. Tiếng gió huýt dài. Cả chòm sung xào xạc. Có tiếng sột soạt trên nóc miếu như tiếng chân đang đi. Chợt một loạt tiếng « tắc, kè » khô khốc, nổ sát bên tai. Tôi giật bắn người. Thằng Cù Lao thì thầm bảo tôi phải bấm tay. Nó đã bày cho tôi

hễ khi nào sợ thì phải bấm ngón tay cái vào đầu ngón tay trỏ. Làm như vậy cái sợ mất hết. Thằng Cù Lao đập mạnh vào chiếc rương ; con tắc kè bỏ chạy, nghe sột soạt.

*
* *

Ban ngày, thỉnh thoảng thằng Cù Lao cũng đi tuần tra chỗ cây sung. Đó là một chòm đa cao, to, mọc từ đời nào tôi không biết. Ở đó, chim chóc từ sớm đến tối vui đùa. Chúng thổi đủ loại sáo và gảy đủ loại đàn. Cây sung lớn nhất vượt thẳng lên cao tỏa những cành to rất lớn.

Khi còn ở ngoài Cù Lao Chàm, cha thằng Cù Lao thường nhắc đến cây sung Hòa Phước. Cha nó cho biết trên cây sung có một cái hốc. Tôi dòm mãi vẫn không thấy. Thằng Cù Lao gạ :

— Này Cục ! Tôi là một, Cục nữa là hai, chỉ hai đứa mình biết. Chúng mình trèo lên chỗ cái hốc. Ngồi trong đó sẽ nhìn được khắp bãi dâu, thấy tận cuối làng, thấy qua làng Cù Bàn. Kẻ gian từ đằng xa, mình đã thấy được.

Tôi hùa theo :

— Khi đã trấn giữ trên cái hốc thì kho vũ khí sẽ không ai cướp được. Cứ để bọn Việt gian vào miếu, bất giác ta nổi la làng. Cả Hòa Phước ập đến trói chúng lại. Khi lập được thành tích như vậy, cấp trên sẽ phát cho mỗi đứa một súng lục.

Nhưng khi nhìn lại thấy cây sung trơn tuột, lại thằng tắp tôi hỏi :

— Sao leo lên được ?

— Khó gì ! Tôi ở ngoài đảo, có nơi chỉ có biển với vách đá. Vách đá dựng đứng trên biển sâu. Có chỗ nào dựng thang để leo được đâu ? Bọn chim yến hay làm tổ trên những vách đá cheo leo như vậy. Tổ yến ăn bổ lắm. Người gỡ tổ yến có chịu thua đâu. Họ bơi thuyền đến chỗ vách đá có tổ yến. Yến làm tổ

trong một cái hốc. Họ đứng dưới thuyền tay cầm một dây dài, đầu dây có buộc một cây cọc. Họ vứt cây cọc lên vách. Dây bị mắc vào hốc. Họ đu lấy dây, trèo lên gỡ được tổ yến. Ta cũng làm vậy.

Tôi à lên sung sướng !

* * *

Nhà tôi có nhiều loại dây, nhưng dây nào cũng đang cột, đang treo, đang cần thiết. Nếu gỡ những dây giàn bếp, tất cả những nồi niêu bát đĩa sẽ đổ ào xuống. Con trâu Bĩnh có một cái dây mũi khá chắc. Nhưng mất dây mũi nó sẽ bỏ chạy. Ở nhà anh Bốn Linh có sợi dây treo áo quần bên trên có cột một cái nón để ngăn lũ chuột bò xuống cắn quần áo, nhưng xem không chắc. Dây cột gàu múc nước là loại dây bở mỏng manh. Ông Bảy Hóa có một cái dây lưng làm bằng cả một khổ thao rất dài. Ông quấn đến hai vòng quanh lưng, buộc hai mối thả xuống thành một đùm lá tọa xòe đến gối. Mượn được cái dây đó thì tuyệt vời. Tôi cứ nhìn nhưng không dám hỏi mượn, vì mượn một cái nón một cái khăn thì thấy dễ, tự nhiên khi nghĩ đến mượn một cái thắt lưng lại thấy khó nói. Tôi cứ nhìn vào chỗ lỗ rốn của ông Bảy làm ông phải chú ý. Tôi chỉ nói xa nói gần về sự cần thiết phải có một chiếc dây lưng như vậy. Ông Bảy ngạc nhiên cho con nít ăn nói tầm bậy. Thằng Cù Lao đến chợ tìm mua hoặc đổi cả áo để lấy một sợi dây dừa, nhưng chẳng thấy dây dừa đâu cả.

Tôi bàn nên tháo cái dây treo cần xay lúa. Thằng Cù Lao chưa tháo xong thì chị Ba tôi hiện ra trước cửa. Chị Ba bắt phải cột lại cần xay. Chị xúc lúa đổ vào cối bắt tôi và thằng Cù Lao phải xay. Sau đó, anh Bốn Linh cũng biết việc tôi tìm dây. Ông Bảy Hóa còn bảo tôi và thằng Cù Lao cả gan muốn mượn cả dây lưng của ông. Thằng Cù Lao thú thật nó muốn trèo lên cây sung tìm cái hốc. Nó sẽ đặt trạm gác canh trên đó. Anh Bốn Linh

không cho phép trèo như vậy. Nhỡ bị ngã sẽ gãy họng. Theo anh Bốn Linh, những rương kẽm trong miếu Bà Tằm chỉ chứa toàn giấy. Đó là những hồ sơ ở sở mật thám Pháp ta bắt được. Nó chứa nhiều tài liệu mật của bọn địch, cả những hồ sơ của Tòa án quân sự của ta. Chữ « T.A quân sự » có nghĩa là Tòa án quân sự.

Anh Bốn hứa sẽ hỏi chú Năm Mùi về cái hốc đó. Hôm cướp chính quyền, chú đã leo lên cây sung để treo lá cờ đỏ sao vàng. Chú Năm rèn những cọc sắt đóng vào cây sung, làm thành nấc thang để leo lên. Chú đóng từng cây cọc, cứ leo đến đâu, chú đóng cọc đến đó. Loáng thoáng chú Năm có nói trên cây sung có một cái hốc khá to, người lớn rúc vào ngồi được.

Anh Bốn Linh được, thư anh Sáu nhờ tìm nhà cho bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh ở Đà Nẵng về ở. Anh Bốn Linh cần đi nhắc lại, cuối cùng anh chọn nhà tôi. Nhà tôi tuy bằng tranh nhưng xây về hướng đông có nhiều cửa sổ. Gió và ánh sáng là hai cái bác sĩ rất cần. Một bà đốc với một ông đốc tờ về ở nhà quê, phải là chuyện vừa đâu. Cả nhà trên sẽ dành cho bà đốc Thụ và cô gái. Chị Ba xuống ngủ nhà dưới. Tôi sang nhà anh Bốn Linh ngủ với thằng Cù Lao. Tôi và thằng Cù Lao được xếp vào loại chân chạy. Bà đốc có nhờ gì, chúng tôi sẽ chạy. Một vài người ở Hòa Phước mắc bệnh lễ bái không lành có ra Đà Nẵng nhờ bà đốc nói một tiếng, lấy cớ là người làng, ông cho cái toa mua vài thứ thuốc. Khi về lại làng, họ đều trầm trồ : Bà đốc và cô con gái sướng chi sướng lạ ! Đời trước, ông bà có dầy công tu nhân tích đức thì con cháu mới được cái sướng như vậy ! Mọi việc bà đốc chẳng thèm động đến cái móng tay.

Bước đi một bước đã có thằng xe. Đi chợ đã có con hầu xách rổ. Ngồi ăn có con hầu đứng quạt. Mẹ đeo kiềng vàng, vòng vàng, mặc toàn gấm vóc. Cô gái mặc toàn tơ lục, uốn tóc quăn, cầm, kỳ, thi, họa đều giỏi.

Mẹ tôi nghe bà đốc Thụ và cô Tuyết Hạnh sắp về Hòa Phước, chép miệng :

— Nghĩ mà thương bà đốc và cô Tuyết Hạnh ! Lại một phen chịu cái gian nan. Xứ mình khổ quá !

Tôi thường đi xem hát tuồng ở chợ Quảng Huề, tưởng tượng ra có một bà phi và nàng công chúa sắp chạy lạc đến Hòa Phước. Bà đốc và chị Tuyết Hạnh rực rỡ gấm vóc lụa là, một thị tỳ đẩy chiếc xe loan. Sau xe loan có vài ba thị tỳ khác theo hầu. Cô nào cũng lộng lẫy. Một cô cầm quạt, quạt khe khẽ cho bà phi. Một cô mang tráp trầu, một cô cầm chiếc đèn lồng. Chốc chốc bà phi than thân trách phận. Cô hầu an ủi, kể lể con người ta ở đời có lúc thịnh lúc suy. Bà phi chớ quá buồn phiền, mà hại đến vóc ngọc. Nhất định có ngày bọn gian nịnh sẽ bị bêu đầu. Cả đoàn vừa đi vừa than vãn. Chợt xe loan dừng lại ở đầu làng Hòa Phước. Cả đoàn người tiến vào nhà tôi. Các cô thị tỳ phải đỡ bà đốc bước xuống, chạy lấy nước cho bà rửa chân. Tiếng sai bảo của bà đốc ỏng ẹo vang lên :

— Con hầu đâu ? Đem cho bà miếng trầu !

Tức thì tiếng trả lời cũng ỏng ẹo không kém :

— Thưa bàà, có con đây ạạ !...

Có những người khách như vậy, nghĩ cũng rất quý.

Chị Ba giục :

— Cục và Cù Lao rút hết những áo quần móc trên kia, đem ra sông giặt hết cho chị.

Chị giảng giải :

— Những bác sĩ ăn ở rất sạch sẽ. Sờ đến cái gì là phải rửa tay. Không chỉ rửa bằng nước mà còn rửa bằng cồn. Mình ăn

ở dơ dáy, họ không chịu được, phải bỏ đi nơi khác, thanh danh mình sẽ mất hết. Được bác sĩ về ở nhà mình, thiên hạ ngó vô, mình cũng sướng !

Chị Ba nói xong, bước ngay lên giường rút hết chiếu chăn quần áo trên sào. Tôi và thằng Cù Lao vác tất cả đặt lên lưng trâu Bĩnh, bắt nó thồ ra sông. Chúng tôi hết đập lại vò, lại ngửi. Chưa có một cuộc tổng vệ sinh nào lại kỹ đến vậy !

* * *

Ở vạn Hòa Phước về, tôi đi thẳng vào nhà bà Kiền để dạy học. Có tiếng chị Ba nói loáng thoáng ngoài ngõ. Bà đốc đã đến. Tôi chạy về nhà. Nhà vắng. Trước sân chỉ có hai người đàn bà mặc bộ bà ba đen xoàng xĩnh như các bà bán mắm đang ngồi nói chuyện với mẹ. Có lẽ họ đến bán mắm. Tôi hỏi :

— Bà đốc Thụ và chị con gái đâu mẹ ?

Mẹ tôi không trả lời, mỉm cười nói với hai người kia :

— Nó là thằng thứ bốn của tôi đó. Đi làm « việc dân việc nước » suốt ngày. Hai chân chạy lia lịa. Cứ thấy đó rồi mất đó...

Mẹ quay sang tôi :

— Cô đốc Thụ đó, cô Tuyết Hạnh kia. Không biết hả ?

Tôi tưng hửng. Vì rõ ràng hai người này không có gì giống với những bà phi trong rạp hát tuồng cả. Họ chẳng có gấm vóc, chẳng thấy có vòng vàng. Một người là một bà đứng tuổi, có cặp mắt thâm quầng. Cô gái vào khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, gầy nhom xanh xao như người bị đói. Bà đốc hỏi về tôi. Tôi được bao nhiêu tuổi mà đã « đài đương » được việc nước việc non tối ngày. Bà ca ngợi bọn trẻ con ở nhà quê, chỉ tí xíu mà cái gì cũng giỏi. Học cũng giỏi, làm cũng giỏi, công tác cũng giỏi. Đã như vậy lại còn biết kính trên nhường dưới, biết chịu

Trước sân chỉ có hai người đàn bà... ngồi nói chuyện với nhau

thương chịu khó giúp đỡ mọi người. Con nít nhà quê không như con nít thành phố, lười biếng, vô lễ, mê chơi, đêm nào cũng đi xem xi-nê-ma, thích ăn diện. Bọn cọn nít ở phố, ở Hàn, « không bằng cái móng tay » của bọn con nít nhà quê.

Bà đốc nhìn thẳng vào tôi như muốn tìm trong mắt tôi có một hạt bụi nào không, nói chậm rãi :

— Tôi mà có được một đứa như nó, thì sướng biết mấy !

Mẹ nói :

— Ở đây nhất qui, nhì ma, thứ ba là bọn chăn trâu đó ! Chúng thách nhau vật lộn. Vài bữa hai đứa này lại bị một cục u trên đầu. Lại còn bơi tuốt qua bên kia sông, tôi sợ quá !

Chị Tuyết Hạnh nhìn tôi, mắt mở rộng :

— Bơi được qua sông, giỏi quá lè !

Mẹ tôi nói tiếp :

— Vừa rồi được cử đi dạy bình dân học vụ, dạy bà Kiến và ông Hai Dĩ.

Chị Tuyết Hạnh đầy vẻ thán phục :

— Nhỏ vậy mà đã chiến sĩ bình dân học vụ rồi !

Bà đốc giơ hai bàn tay trắng bệch với những ngón tay nhỏ như muốt đũa nói như than thở :

— Tôi chân yếu tay mềm, chẳng làm ra được lúa gạo ! Chỉ biết ăn nhờ ! Vậy chú phải nhịn phần cơm cho cô, nghe !

Tôi lúng búng chẳng biết nói câu gì. Chị Ba ở trong nhà bước ra mách giúp :

— Trả lời đi : Trả lời như thế này : chỉ thêm vài đôi đũa chứ có tốn kém gì đâu. Chỉ sợ ở đây toàn cơm ngô với tương mắm, cô ăn không được !

Chị Ba mới làm cán bộ mấy tháng mà việc đối đáp giỏi quá.

4

Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh suốt ngày cặm cụi may vá. Chị Tuyết Hạnh lấy ra một cái hộp tróc sơn đựng nhiều đồ ónganh. Thìa, nĩa, con dao sáng quắc, cái kéo tí xíu, cái pin, con dao díp có đến bốn lưỡi, cán màu gạch. Chị soạn một chiếc túi chứa toàn lọ, đựng đủ các thứ thuốc. Chị cho biết các thứ thuốc đó chữa đủ các bệnh đau đầu, đau mắt, đau bụng, đau chân, nhức tay. Cơ thể người ta có bộ phận gì thì chị sẵn sàng có thứ thuốc để chữa các bộ phận đó. May vá xong, chị Tuyết Hạnh làm việc khác. Chị làm việc không ngớt, quét tước, dọn dẹp, giặt giũ, xách nước, nấu cơm, làm lia lịa còn nhanh nhẹn hơn chị Ba. Chị lên chợ mua đàn dây dừa, cây đèn dầu, hành, tiêu, gạo mắm. Mua cả chiếu, than đun, tự tay nách về. Chị nấu cơm ghế thêm khoai ăn với cá và mắm. Mâm cơm chẳng có món bồ câu hầm, món chè đậu xanh như người ta đồn. Chị Tuyết Hạnh ăn một cách ngon lành, ăn một lèo ba bát. Bà đốc Thụ thú thật về Hòa Phước tự nhiên ăn không biết no. Hòa Phước có nhiều chất ô-xi như ông đốc cho biết. Bà đến mua thịt chó ở nhà ông Hai Dĩ đem về xào nấu trước mặt mọi người. Mẹ tôi không hiểu vì sao một bà phong lưu như bà đốc lại ăn thịt chó ! Bà đốc còn cho thịt chó rất quý. Trẻ con ăn nhiều thịt chó tránh được bệnh còi xương. Người lớn ăn nhiều thịt chó sẽ tăng hồng huyết cầu, không cần dùng thuốc an thần, thuốc trợ tim gì nữa. Một bà đốc vợ ông đốc tờ nói thì ai cũng tin. Những người bị nôn oẹ vì mùi thịt chó không bị nôn oẹ nữa. Chị Ba, chị Bảy thấy ăn thịt chó là việc bình thường. Ông Hai Dĩ càng mất mùi hôi thối, ai cũng ngồi gần được. Thằng Cù Lao mua giúp thịt chó đưa về. Bà đốc làm những món xào nấu ngon lành. Bà để phần cho tôi và thằng Cù Lao một đĩa lớn. Ăn nhiều càng thấy khỏe. Có lẽ số hồng cầu đã tăng lên, vì việc gì chúng tôi cũng làm nhanh thoăn thoắt.

Mẹ tôi bảo không mấy khi cô Tuyết Hạnh về chơi, đừng để cô nhúng tay vào những việc mệt nhọc. Nhưng chị Tuyết Hạnh lại rất thú vị khi được xay lúa, giã gạo, cuốc đất, như được hát múa vậy. Chị lấy đôi vò lớn, gánh một lèo bốn gánh nước đổ đầy vại. Làm xong, trông chị rất thú vị. Mẹ tôi sợ chị bị ngất, ngăn không cho làm. Chị bảo chị nghe khỏe ra, ăn ngon miệng, ngủ thẳng giấc. Tôi đi đâu chị cũng xin đi theo để « học » cho biết. Chị theo sang nhà bà Kiến để học dạy bình dân học vụ. Bà Kiến rất thích, vì chị Tuyết Hạnh ăn nói dễ nghe. Thỉnh thoảng, chị còn hát khe khẽ cho bà nghe một vài bài. Tôi mách với chị là thằng Cù Lao có miếng trói rất lợi hại. Có được miếng võ đó trong tay thì ai có khỏe mấy cũng sẽ bị đánh bẹp. Chị xin nguyện làm người học trò nhỏ để được học lại miếng trói. Chị Tuyết Hạnh rút ra một gói nhỏ có hình vẽ một người đàn bà, cổ đeo đầy cườm, miệng cười tủm tỉm. Chị cầm gói đưa cho tôi và thằng Cù Lao ngửi. Đó là một miếng xà phòng thơm. Chị lấy ra để tặng hai đồng chí nông dân Cù Lao và Cục. Tôi và thằng Cù Lao ra sông tắm thật sạch, sau đó mới « xức » xà phòng thơm. Bọn chăn trâu trong làng cũng được tôi cho xức xà phòng thơm, sau khi tắm rửa thật sạch !

Chị Tuyết Hạnh về Hòa Phước mười hôm đã được cử làm chiến sĩ diệt dốt. Chị dạy bà Kiến, ông Hai Dĩ khi thằng Cù Lao bận việc khác. Chị được cử làm trợ giảng cho lớp đặc biệt. Hòa Phước lại thêm một cô giáo học giỏi, không kém tiến sĩ cử nhân ngày trước.

Chị Tuyết Hạnh về Hòa Phước mang theo một kho hiểu biết. Chị giỏi lịch sử, địa lý, giỏi tiếng Tây, biết cả đàn hát. Chị kể thao thao bất tuyệt những chuyện phim. Những phim đó ai thủ vai nào. Chị thuộc như cháo tên những đào kép như Sác-lơ Gắp, đào Cát-bô. Dưới trần đời này, Sác-lơ Gắp, Cát-bô là sự tuyệt diệu của tuyệt diệu. Chị có nhiều chuyện mê ly, kỳ quặc. Chuyện một con bọ dừa bằng vàng có ba chấm đen trên lưng.

Một tướng cướp đã bắt được một con bọ dừa như vậy, bỗng hóa sáng suốt. Tướng cướp đó tìm ra được một kho châu báu, chứa đến ba nghìn lạng vàng, một nghìn hạt kim cương và năm nghìn ngọc bích... Nếu không có con gà trống của bà Kiến nhắc đêm đã khuya, thì tôi và thằng Cù Lao đã thức đến sáng để nghe những chuyện giật gân của chị. Những chuyện kể của chị Tuyết Hạnh đã làm chúng tôi có lúc bị dậy trễ.

Một hôm, tôi mở bừng mắt thấy trời đã sáng trắng. Sau mùa mưa lụt, trời ban mai ở Hòa Phước càng cao, càng trong xanh, như ai vừa chùi quét. Cỏ cây mượt mà. Con sông Thu Bồn chuyển màu đất sang màu xanh biếc. Dưới nhà chị Ba đang xay thóc. Chị Tuyết Hạnh học giấn sàng. Con trâu Bĩnh đang khua sừng lách cách. Con mèo mướp ngồi trên giàn kêu meo meo. Bọn gà mẹ đang tục tục gọi con. Chợt mẹ tôi gọi chị Ba :

— Để im nghe thử !

Có tiếng nổ ! Tiếng nổ từng loạt vang từ xa, nghe mờ mờ nhưng rất vang dội ! Tiếng nổ kéo dài từng loạt, không ngớt !

Mẹ tôi nghểnh tai :

— Tiếng súng, chúng mày ạ !

Tôi nói :

— Họ đốt pháo đó !

Tôi nói vừa dứt thì một tiếng nổ vang rền. Chó trong xóm nổi sủa. Đàn chim sẻ trên cây mít tung bay !

— Tiếng chi to quá ! — Mẹ tôi nói, vẻ lo lắng.— Đúng là tiếng nổ phía Đà Nẵng. Tiểu đoàn 17 của cha mày cũng ở phía đó. Cứ nghe đùng, đoàng !

Mẹ giục tôi và thằng Cù Lao chạy sang nhà anh Bồn Linh hỏi tin tức. Anh Bồn Linh không có ở nhà. Chị Bồn cho biết là anh đã đi đâu, có lẽ đi tập tự vệ ở chòm đa Lý. Tôi và thằng

Cù Lao chạy vào chòm đa Lý. Đội tự vệ đang họp ở đó. Ông Bảy Hóa đứng gác. Thấy tôi và thằng Cù Lao từ xa, ông quát :

— Dừng lại !

Tôi gọi :

— Chúng tôi đây ông Bảy !

— Không được vào.

Ông Bảy tay cầm kiếm bước từng bước oai nghiêm, ra hiệu bảo phải đi nơi khác.

Tôi hỏi :

— Có anh Bồn Linh ở đây chớ ông Bảy ?

— Không biết.

— Ông Bảy có nghe nổ không ?

— Không nghe.

Tôi nói to :

— Lỗ tai ông bị điếc rồi. Nổ dữ lắm. Đó... nghe chưa. Pháo đùng đó !

Cặp mắt ông Bảy đảo lia đảo lịa, báo hiệu cơn sấm sét sắp nổ :

— Mày dám nói vậy hả ? Mày bảo tao điếc hả ? Mày tưởng tao ngốc hả ? Tiếng súng của bọn Pháp ở Đà Nẵng đang đánh ta.. Chỉ có thằng ngu mới không biết. Có thứ pháo nào lại kinh thiên động địa làm vậy ? Hử ? Hả ?

Tôi và thằng Cù Lao chạy về nhà. Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh đứng trước cửa. Tôi nói ngay :

— Ta và Pháp đánh nhau ở Đà Nẵng rồi !

Bà đốc Thụ giật thót. Mặt mày của bà dần dần biến sắc. Chân mày của bà nhíu lại, lỗ mũi đầy nếp nhăn. Bà quay sang chị Tuyết Hạnh rít lên :

— Đáng đời chưa ! Đáng đời thằng ba mày chưa ! Tao đã bảo thằng ba mày một cũng phải đi, hai cũng phải đi. Cứ trù trừ. Rủi tên bay đạn lạc...

Nói xong, bà thụp ngồi xuống, nước mắt chảy quanh. Tôi hiểu bà đốc đang trách ông đốc không chịu đi tản cư trước.

Chị Tuyết Hạnh quàng tay vào vai bà an ủi :

— Không hề chi đâu ! Pháp không dám bắt bác sĩ đâu ! Nội chiều nay, ba con sẽ có ở đây cho mà coi.

* * *

Chị Tuyết Hạnh đã đoán đúng. Chiều hôm đó, ông đốc Thụ đã hiện ra trước sân nhà tôi. Khác hẳn với bà đốc, ông đốc ngắn và tròn như một hạt mít, đỏ như quả bồ quân. Mặt mày ông đốc đang bốc lửa. Mồ hôi mồ kê nhễ nhại, ông dựng chiếc xe đạp chất đầy bao bị, rút chiếc khăn lau phắt lia lịa.

Bà đốc tiếp ông đốc bằng một tiếng rít mừng rỡ. Hàng xóm nghe có ông đốc Thụ ở Đà Nẵng về, kéo đến để hỏi thăm « không biết cái gì cứ nổ dữ quá ». Ông đốc giương to mắt thả một tiếng « á » ! Rồi vừa thở, vừa khịt, lúc lúc khoát tay, nhún vai, ông đốc kêu lên : Dữ quá ! Kinh khủng quá ! Á ! Ta đánh ! Ôi ! Ta chiếm nhà máy điện. Dọc đường quốc lộ, cây hạ ngổn ngang ! Mìn nổ ! Á ! Cầu Cẩm Lệ rơi tõm xuống sông. Á ! Đạn bay vèo vèo, tôi suýt bỏ mạng ! Tôi bỏ ô tô, đi xe đạp loanh quanh lẹo quẹo ! Á ! Đùng đoàng ! Dữ lắm !...

Những tràng liên thanh của ông đốc đang nổ thì bà đốc chợt kêu lên hoảng hốt :

— Ấy chết ! Đã ăn chi chưa ?

Bà đốc chạy vụt xuống nhà bếp. Chị Tuyết Hạnh chạy theo. Bà đốc vẫy tay gọi chị Ba và thằng Cù Lao chạy xuống. Có tiếng

gà đập cánh. Lửa bếp bập bùng. Chi trong chốc lát con gà mái tơ của chị Ba đã nằm trong đĩa, sạch lông, vàng óng, thơm ngát, nhắm mắt sẵn sàng mừng ông đốc thoát vòng lửa đạn.

* * *

Chị Tuyết Hạnh không chỉ giỏi tiếng Tây, giỏi đàn, giỏi hát, biết nhiều chuyện phim, có một kho chuyện tướng cướp, chuyện mắt thần giật gân và rùng rợn, mà còn giỏi ngâm thơ nữa. Chị ngâm giọng Huế, nghe du dương uyển chuyển. Khi chị ngâm lên, tôi và thằng Cù Lao như bay lơ lửng. Thầy Lê Tảo được bổ sung vào đội tuyên truyền, tài làm thợ của thầy nở rộ. Thầy Lê Tảo cho ra lò những bài mới toanh. Việc « nhuận sắc » đã có anh Bốn Linh, chú Năm Mùi. Đưa lên « trình diễn » đã có nữ nghệ sĩ Tuyết Hạnh. Thơ của thầy Lê Tảo được truyền tụng khắp Hòa Phước. Chị Tuyết Hạnh ngâm bài « Nhớ xưa » của thầy :

Nhớ xưa có mặt thằng Tây
Sưu cao thuế nặng đọa đày tấm thân
Chồng trốn sưu, chúng bắt vợ
Con trốn thuế, chúng bắt cha
Chặt đầu, lóc thịt, lột da
Gông cùm, xiềng xích, nhà pha, lao tù
Những năm đen tối mịt mù
Chỉ còn một cách diệt kẻ thù xâm lăng.

Ngâm đến lần thứ năm mọi người cứ thích. Thấy vậy, thầy Lê Tảo phóng bút cho ra nhiều sáng tác cho phụ nữ, thanh niên.

Chị Ba chép thơ thầy Lê Tảo làm cho giới phụ nữ để nhờ chị Tuyết Hạnh ngâm :

Nước biển Đông đời nào lại hết mặn
Rừng Trà Linh ai đẵn cho hết cây
Anh mà đi với thằng Tây
Em đành phải dứt hết dây nghĩa tình.

Thơ thầy Lê Tảo được chị Tuyết Hạnh ngâm hóa tuyệt vời. Chị Tuyết Hạnh vừa ngâm vừa làm điệu bộ. Giọng chị lên bổng xuống trầm như tức giận, hờn dỗi, người nghe phải mê ly. Đến những chữ « dứt nghĩa tình » chị làm điệu bộ như cầm rựa chặt dứt khoát, đến chữ « nghĩa tình », chị ra vẻ bùn rủn. Nữ nghệ sĩ Tuyết Hạnh được cả Hòa Phước khen nức nở.

5

Vạn Hòa Phước bỗng hóa rộn rịp. Đò Hòa Phước càng đông khách. Hòa Phước nằm giữa ngã tư sông. Vạn Hòa Phước là một đầu mối lên các ngõ nguồn. Ở Hòa Phước, khi giặc tràn đến cũng rộng đường rút lui. Vào sâu các ngõ, nguồn đất vẫn rộng và phì nhiêu. Trên đó còn có những đường núi ăn thông vào các tỉnh phía nam. Ở Hòa Phước, có thuyền từ Cửa Đại, Hội An lên, từ Đà Nẵng chở người tản cư đến. Nhiều thuyền trông đường bệ, có đến bốn buồm. Thuyền hạ buồm ghé bến Hòa Phước rồi vội vã giương buồm ra đi. Trong số thuyền qua lại có một chiếc ghe bầu khá to, mui phẳng, khi đến Hòa Phước, bác lái hỏi to vào bờ :

— Có phải Hòa Phước đây không ?

— Phải rồi !

Bác lái thuyền quay bánh lái. Chiếc ghe bầu tròn trĩnh bệ vệ vào bến. Chiếc ghe bầu chở nhiều thùng gỗ. Thùng nào cũng đóng kín. Trên ghe còn chất bàn ghế, giường tủ, bao bì. Từ

trong thuyền lần lượt chui ra như không bao giờ hết một đám trẻ lóc nhóc. Có một đứa tuổi trạc thằng Cù Lao. Một ông già vừa rúc ra, vừa quát tháo. Tiếp theo sau là hai người đàn bà, tay bế trẻ em. Một bà già xương xẩu rúc ra sau rốt. Tất cả đứng chen chúc trên mui. Ông già vừa quát lũ trẻ vừa chuyển bao bị thúng mủng cho bác lái thuyền để đưa xuống bến. Những thùng gỗ được chuyền dần xuống đất. Bọn chăn trâu gọi nhau kéo đến dòm ngó. Chúng hít hít đánh hơi, chỉ trỏ những thùng gỗ :

— Mắm ! Mắm, chúng bay ơi !

Ông già nói với đám con cháu :

— Phải ngồi đợi đây. Tao vào làng gặp bác Tư Trai cái đã !

Nói xong, ông già đi thẳng vào xóm.

* * *

Ông Tư Trai ở cạnh nhà tôi có một chú em ra làm ăn ở ngoài Đà Nẵng. Chú em đó quen thân với ông Biện Thành làm nghề buôn mắm chợ Cồn ngoài Đà Nẵng. Vì vậy, ông Biện Thành và ông Tư Trai quen nhau. Lúc Đà Nẵng nổ súng, ông Biện Thành tản cư về Hòa Phước, ông không muốn « mắm muối » của mình rơi vào tay giặc Pháp. « Đem bán rẻ cho đồng bào còn được cái ơn ».

Ông Tư Trai gặp ông Biện Thành cười khà khà :

— Ông dọn về đây là phải lắm ! Hòa Phước người đông như kiến, mấy mắm bán cho đủ !

Ông Biện tỏ vẻ lo ngại :

— Bị lũ cháu đông quá ! Sợ không đủ chỗ ở !

— Lo gì ! « Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm ». Cứ hạ những bó bã mía của tôi xuống, lấy chiếu trải lên. Nằm vậy êm như nhung đó !

Ông Biện Thành và ông Tư Trai cùng dắt nhau ra vạn. Ông Biện Thành chỉ vào lũ trẻ xuýt xoát tuổi nhau, bảo đứa này là cháu ngoại, đứa kia là cháu nội, có đến mười lăm đứa. Bọn nhỏ léo nhéo đòi ẵm, đòi dắt. Ông Biện Thành vung chiếc dù chỉ vào mặt chúng :

— Đã có chân là phải đi ! Không bẻ bống gì cả ! Mày đứa lớn xách được cái gì thì phải xách. Thằng Sơn Hải dẫn đi. Theo đường kia, nghe chưa !

Lệnh vừa hạ xuống, bọn trẻ con ùa đến nhặt bao bị đội lên đầu đeo lên vai. Thằng Cù Lao chạy đến phía trước :

— Đi theo tôi đây !

Bọn trẻ con đi theo một hàng dọc, gọi kêu rất ầm ĩ. Khách đồ bộ xuống Hòa Phước lần này ồn ào, nhí nhố, khác hẳn lần bốn chiếc rương kẽm về lần trước.

Ông Tư Trai nhìn lên thấy mặt trời đã rúc vào chòm sung. Việc vận chuyển đồ đạc của ông Biện Thành phải làm gấp. Ông chạy gặp chú Năm Mùi. Chú Năm chạy rút ông Bảy Hóa, ông Kiểm Lài, ông Hai Dĩ... Tất cả phải ra ngay ngoài vạn mang theo quang gánh để đưa đồ đạc của đồng bào chạy giặc vào xóm.

* * *

Nhà ông Tư Trai bỗng hóa giàu có, chật ních đồ đạc. Gian giữa thêm ba chiếc tủ, một bộ bàn với bốn chiếc ghế láng bóng. Giường thêm đến bốn chiếc. Không phải loại gãy chân mọt đục, mà toàn loại gỗ tốt rất nặng. Nồi niêu, ấm tích, chén bát, bao bị thôi thì đầy nhà. Đặc biệt còn có một chiếc đồng hồ khá to treo trên vách. Mặt đồng hồ to bằng cái sàng có hai kim. Mười hai con số rải thành một vòng tròn. Dưới mặt đồng hồ có một hộp kính có quả lắc bằng nắm tay cứ lập lánh. Tiếng tích tắc vang

đều đều. Chốc chốc tiếng đồng hồ nổi lên rột rẹt. Tiếp theo là những tiếng « kính coong » nghe êm như ru. Chỉ đếm tiếng « kính coong » cũng biết là mấy giờ.

Mỗi khi đồng hồ « kính coong » là ông Biện Thành kêu toáng lên, tiếng to gấp mười lần tiếng đồng hồ :

— Đã một giờ rồi ! Phải lo cho bọn trẻ con ăn trước đi !

— Đã hai giờ rồi ! Con Bảy phải xuống chợ xem thử...

Chiếc đồng hồ như ra lệnh bằng tiếng « kính coong », ông Biện Thành truyền đạt lệnh đó bằng lời nói cho đám con cháu.

Thằng Cù Lao là người vinh dự được vác cái đồng hồ đó về nhà. Tôi là người được đưa bốn chiếc đinh cho ông Biện Thành đóng để treo đồng hồ lên vách. Bọn trẻ trong làng kéo nhau đến xem cái đồng hồ « kính coong » của ông Biện. Chúng còn được ngắm những bức truyền thần rất đẹp của ông Biện nữa. Một bức vẽ chân dung ông bà Biện Thành. Ông Biện oai phong lẫm liệt, mặc bộ đồ tây có thắt cà vạt, mang kính trắng, đội mũ phớt, đeo đồng hồ, tay cầm một chiếc gậy có ngù như sẵn sàng vung gậy nện vào kẻ khác. Bà Biện đứng sát bên cạnh ông Biện, cổ đeo đầy cườm, tay đeo đầy xuyến. Hai ông bà đều sang trọng, phong lưu. Ông Biện Thành trong bức họa khác hẳn với ông Biện Thành đi tản cư cục mịch, mặc một bộ đồ cộc đen. Bà Biện Thành trong tranh trẻ trung, đài các, càng khác hẳn với bà Biện Thành xương xẩu hốc hác, người đầy góc cạnh. Trong những khung gỗ khác còn nhiều bức ảnh chụp toàn những người ăn mặc sang trọng. Người cầm trong tay quyển sách dày cộp, người xách một chiếc đàn. Các cô đều tha thướt. Có cô đứng bên bờ hồ mắt nhìn một vành trăng, một cánh chim tung bay. Ông Biện Thành thấy thằng Cù Lao đang ngắm nghía, chỉ vào các bức tranh :

— Đó ! Chú muốn lấy cái nào thì cứ lấy.

* * *

Ông Biện Thành không giống một ông già nào ở Hòa Phước. Người ông thấp, to ngang, nhưng rất nhanh nhẹn. Giọng nói rắn chắc. Ông hay quấn trên đầu một chiếc khăn lông to. Những ông lái ghe bầu thường có một chiếc khăn như vậy. Ông không bao giờ ngồi yên. Hết đi lên nhà trên, lại xuống nhà dưới, đi ra đi vào xem xét, chỉ trỏ, ra lệnh cho đám con cháu làm việc này việc khác. Ông không chịu người khác làm một việc gì chưa vừa ý. Chiếu chăn cần trải thật ngay ngắn, đồ đạc cần móc lên cao. Tất cả những vật gì cần gói, cần đậy ông đều có ý kiến.

Ông xuống nhà bếp bắt phải đặt lại ông táo, bày vẽ cách thái thịt, cách nấu nướng. Vì loại cá biển ở Hòa Phước là loại cá hấp chứ không phải loại cá tươi. Loại thịt bán ở Hòa Phước là loại thịt đã luộc chín. Cách nấu nướng phải khác. Ông đến ngay nhà ông Hai Dĩ mua thịt chó. Ông Hai Dĩ đổi thịt để lấy mắm ngon. Ông đến thăm bà đốc Thụ, học cách nấu thịt chó của bà đốc. Ông tự cho mình gặp số sướng, về nhà quê lại được ăn thịt chó. Ông Biện rất vui được chỉ huy cả toán trẻ con. Ông chỉ đứa này làm cái này. Ông hô đứa kia làm việc nọ. Có đứa nào làm gì sai trái, đứa kia đã dọa ngay : Tao về mách với ông, ông sẽ cho mày biết !

Ông Biện Thành nói:

— Chỉ vắng mặt tôi vài giờ là tất cả đều nát bét. Tụi con nít sẽ rối tung như mớ bòng bong !

Trong đám cháu của ông Biện có Sơn Hải là đứa lớn nhất. Nó xuýt xoát tuổi tôi, có đôi má tròn, cổ tay cổ chân đều tròn. Những ngày đầu về Hòa Phước nó lầm lì, ít nói.

Tôi hỏi :

— Ngoài Đà Nẵng có gì lạ không ?

Nó trả lời gọn lỏn :

— Không.

Thằng Sơn Hải đứng chạng chân, vỡn ngực...

— Có đèn điện, nhà lầu, ô tô?

— Có.

— Có tòa thị chính bốn tầng ?

— Có.

— Thế có thấy bọn Tàu Tưởng và lính lê dương không ?

— Có gì lạ đâu ?

Nó ít nói được vài ngày. Sau đó nó nói nhiều, còn hơn cả tôi. Đến ngày thứ ba tôi được biết Sơn Hải là một tay võ sĩ, giỏi về môn quyền Anh và môn ném tạ. Về Hòa Phước, Sơn Hải cũng có mang theo một quả tạ. Thằng Sơn Hải đứng chạng chân, ưỡn ngực, thót bụng, méo mồm, lên gân, co hai cánh tay bảo thằng Cù Lao bóp vào vai, vào bụng, xem những bắp thịt ở đó đã cứng chưa ? Nó phải tập luyện để sau này trở thành một võ sĩ loại nặng đo ván bất kỳ võ sĩ nào khác. Như vậy, nó sẽ được đứng trên võ đài giữa tiếng hoan hô như sấm. Thằng Cù Lao bảo nó đi cho một thảo quyền Anh để xem thử. Sơn Hải cãi lại :

— Thảo quyền Anh là gì ? Không ai nói vậy. Phải nói đánh bốc hay bốc-xê. Võ sĩ đánh bốc là bốc-xơ. Này, mình bốc-xê cho mà coi.

Nó nhảy ra đứng thẳng người, quắc mắt thu quả đấm. Nó phóng tay trái thẳng về phía trước ngang tầm mắt. Tay mặt thu sát bên tai rồi vụt nhảy. Vừa nhảy vừa ném tay đấm về đằng trước. Cách đánh bốc của nó trông hùng dũng, rất lạ mắt.

Tôi hỏi :

— Thế Sơn Hải đã bốc-xê với ai chưa ?

— Ít thôi. Mình có ông chú nhiều lần lên « rin »[1] đánh hai « rươn »[2] liên tiếp.

---

(1) Vũ đài.

(2) Hiệp đánh.

— Có khi nào Sơn Hải bị cục u hay bị gãy răng không ?

— Còn nguyên cả. Bốc-xê dễ bị sái quai hàm. Quai hàm với răng vẫn còn đây này ! — Sơn Hải nhe răng cho tôi thấy.

Tôi và thằng Cù Lao bàn nhau thử dùng miếng trói của anh Long để chọi lại cách đánh bốc của Sơn Hải. Cách đánh bốc khác với cách đi quyền nhiều quá. Thằng Sơn Hải khi bốc-xê thì cứ đấm lia đấm lịa. Thằng Cù Lao khi đi quyền phải đứng trụ. Một đằng thì phải tìm sơ hở. Một đằng thì nhảy nhót lung tung. Hai cách đấu khác nhau một trời một vực. Rất khó biết được bên nào thắng bên nào bại. Thằng Cù Lao đứng trụ một lúc, thằng Sơn Hải nhảy nhót một lúc, hai đứa nổi cười ! Tôi làm trọng tài không hiểu luật lệ đánh bốc như thế nào, cho phép hai bên được hòa, để một bên khỏi sái quai hàm, một bên khỏi gãy cánh tay và tuyên bố cuộc đấu võ chấm dứt.

*
* *

Ông Biện Thành vừa vào đến sân, bọn cháu nội, ngoại của ông đã ùa ra. Nhiều đứa ôm chặt chân ông, kêu lên :

— Đói quá ! Đói quá !

Tất cả lật áo đưa bụng cho ông Biện Thành xem :

— Đã xẹp đây này !

Ông Biện Thành nghiêm nét mặt :

— Đang chạy giặc, có phải như lúc ở nhà đâu !

Ông Biện cho mười lăm cháu nội ngoại của ông là mười lăm miệng cá mập. Chúng nuốt đá cũng tiêu được, nhưng không làm ra nửa đồng xu. Chỉ vài tháng nữa tiền bán hai mươi thùng mắm của ông sẽ tiêu tan.

Vừa về Hòa Phước, ông Biện Thành đã nói cho ông Tư Trai biết kế hoạch làm ăn :

— Tôi phải mua một chiếc thuyền nhỏ. Bắt thằng Sơn Hải bỏ theo thuyền. Tôi cứ lên xuống sông Thu Bồn, đem mắm ở biển đưa lên nguồn bán. Tôi lại đưa mít chuối hoa quả trên nguồn chở xuống biển bán. Cứ làm khỏng khảnh vậy mà nhiều lời.

Nhưng đùng một cái, bọn Pháp cho tàu bắn phá ngoài biển. Thuyền chài không đi khỏi. Không còn ai muối mắm nữa. Các chú con ông Biện Thành viết thư cho biết nghề mắm ở Nam Ô, Cửa Đại, ở Hội An đều phải nghỉ hết. Ông Biện cứ loay hoay, chưa tìm ra kế sinh nhai. Việc đó phải lo gấp. Thêm những cái mệt.

Bọn cháu của ông Biện Thành thấy cái gì cũng để mũi vào. Gặp cái gì cũng sờ mó, làm vướng chân vướng cẳng mọi người. Càng rỗi rãi, chúng càng nghịch phá.

Lại hết mùa đông. Ngoài đồng mía đã già. Nhà ông Tư Trai làm nghề mía đường, một trăm thứ phải soạn ra. Các thùng gỗ lớn, nhỏ phải bày ra để niền lại, xảm lại. Những cỗ che to tướng, phải xeo ra, tiện lại. Cái mông che phải ba bốn đèo xeo mới nhúc nhích. Những chảo gang, những gáo bầu, vợt sắt phải lấy xuống. Bọn cháu ông Biện Thành kéo đến sờ mó.

Ông thợ tiện trợn mắt, quát thật sự :

— Đi ngay chỗ khác. Trở vào là trói lại ngay.

Bọn Sơn Hải kéo nhau ra đàng đi nghễu nghện xuống đến chợ, dòm ngó. Chúng nhặt sỏi vứt vào bụi tre, đuổi lũ quạ. Thằng Sơn Hải còn ra sông, gạ bọn chăn trâu đi ném tạ. Không hiểu sao tạ lại ném trúng vào chân bọn nhỏ. Có đứa đi cà nhắc đến kiện với mẹ nó. Sơn Hải bị mẹ nó rút đũa bếp quất vào mông. Sơn Hải bỏ chạy, sau đó trốn biệt. Thằng Cù Lao biết nó rúc vào giữa cây rơm nhà anh Bốn Linh. Đến bữa ăn, Sơn Hải không về. Thằng Cù Lao chỉ cho mẹ Sơn Hải biết nó ngồi trong cây rơm. Mẹ nó đến dỗ :

— Thôi về đi con, về ăn cơm kẻo đói bụng !

Nó ở trong cây rơm nói ra :

— Không về đâu. Phen này phải chết cho rành !

— Mẹ để phần cho mày một đĩa thịt chó !

— Thịt chó cũng không về đâu.

Mẹ nó tảu đi nơi khác, vẫy gọi thằng Cù Lao, nhờ thằng Cù Lao dỗ cho nó rúc ra.

Thằng Cù Lao đứng trước cây rơm nói vào :

— Mẹ mày về rồi ! Bây giờ rúc ra được đó.

Thằng Sơn Hải nhảy vụt ra. Tôi và thằng Cù Lao chạy đến gỡ những rơm rác dính trên người nó. Thằng Sơn Hải mò về nhà lấy cơm ra ăn. Ăn xong, nó chạy tìm thằng Cù Lao. Thằng Cù Lao đi vắng. Nó chạy tìm tôi. Tôi phải đi chặt cây dâu. Nó lại quay ra sông. Bọn chăn trâu đều vắng. Ai cũng đang làm việc. Không ai rảnh để trò chuyện với nó được.

6

Ở Hòa Phước có nghề trồng dâu để tằm, nghề kéo thao, nghề dệt vải, nghề làm ruộng. Nhưng tất cả đều không hợp với ông Biện Thành. Chú Năm Mùi, phụ trách việc tản cư, bàn với ông Biện nên theo nghề nấu đường. Nhà ông Tư Trai sẵn có lò đường, tốt nhất nên làm nghề đường, « Có chí làm nầy » như tổ tiên đã dạy. Chú Năm Mùi nói :

— Bác Tư Trai đã bỏ vốn dựng được lò đường, thì bác Biện Thành phải bỏ vốn ra mua mía. Bác Tư Trai coi ngó việc làm đường, bác Biện Thành chở đường đi bán các chợ. Tiền lời lãi chia đôi. Như vậy tiền bạc phân minh. Không bên nào thiệt hơn, hơn thiệt gì cả !

Hai ông già nghe đã lọt tai. Chú Năm Mùi nói thêm :

— Sau này yên ổn, việc làm ăn của hai bác sẽ mở ra. Đường của Hòa Phước chất lên thuyền chạy ra Đà Nẵng. Mắm của Đà Nẵng chất lên thuyền đưa về Hòa Phước. Thuyền đường, thuyền mắm cứ qua lại, lại qua ! Công ty Biện Thành — Tư Trai càng ngày càng phát đạt. Từ sông Thu Bồn ra đến Đà Nẵng phải đặt thêm nhiều đại lý. Lúc đó, tôi chỉ xin một chân thư ký.

Ông Tư Trai cười xòa :

— Thiệt có lý ! Ông chung làm đường, thề lại hay đó !

Ông Biện Thành sẽ ở lại Hòa Phước chung làm đường với ông Tư Trai. Cái vui ở Hòa Phước như gấp bội. Tôi và thằng Cù Lao cồ cho trâu Bĩnh ăn thật no để nó kéo che ép mía. Mỗi ngày nó kéo đến hai lần. Tiền công được trả gấp đôi. Điều quan trọng là gặp được hai lần thằng Sơn Hải. Sẽ có cơ hội học môn ném tạ với môn quyền Anh. Sẽ cùng nhau tìm bắt con bọ dừa có ba chầm đen trên lưng để tìm ra một kho châu báu. Nhưng bất ngờ Sơn Hải được ông Tư Trai phân công đi giữ mía ngoài đám. Nó phải quét dọn rác mía, dồn ngọn mía, dồn củi mía chất thành đống. Ở lò đường, nó được ông thợ cả bảo lấy nước muối xoa bát để rót đường. Nó giữ việc rải bã mía ra phơi, quản bã mía thành nùi để đun lò. Sơn Hải còn được cạy đường. Nó cạy không vỡ. Sơn Hải hóa thích làm việc, quên cả quyền Anh. Nó không còn bị xua đuổi, lại được đối xử ngang hàng với các bác thợ, được cùng ngồi ăn một mâm, được nói những chuyện muối mắm, chuyện đi khơi, chuyện đánh bắc. Sơn Hải còn lập được một thành tích khá lớn. Đó là việc đập gốc mía để đun bếp. Chặt mía xong, gốc mía phải cuốc lên. Tôi bày cho Sơn Hải dùng vồ nện tới tấp vào gốc mía, đất bị tơi ra, còn lại gốc mía. Sơn Hải nhặt bỏ vào giỏ mang về nhà đổ thành một đống cao. Mẹ Sơn Hải phải phục. Bọn em nó cũng phục, không còn nhắc chuyện nó rúc vào cây rơm. Uy tín của Sơn Hải càng tăng. Cả chị Tuyết Hạnh cũng hỏi nó việc đi đập gốc mía.

NGƯỜI ĐI

I

Tiếng đồn giặc đã đánh chiếm Túy Loan !

Người tản cư càng đông. Có người gánh gồng, bồng bề vượt hai mươi cây số đường đồng, dừng lại ở Hòa Phước. Chú Năm Mùi đưa đồng bào về ở nhà anh Bồn Linh, chị Bảy Cọ... Bà Kiến hỏi chú Năm :

— Không biết tôi ăn ở có điều chi mà không được đón tiếp ai cả ?

Chú Năm nói :

— Cái nhà bà chỉ bằng cái bụm tay, nhốt đồng bào sao được !

Bà con hỏi nhau :

— Không biết giặc đánh đến đâu, mà người tản cư về đông đã dữ !

Đột ngột, một máy bay bay dọc sông Thu Bồn bắn tạch, tạch ! Ông Kiểm Lài đang làm đồng vứt cuốc bỏ chạy. Ông nói máy bay bay ngay trên đầu ông. Nó chĩa súng vào đầu ông, nã tạch, tạch ! Ông chạy. Máy bay vẫn đuổi theo. Bí quá, ông phải rúc vào bụi. Ông Kiểm Lài đoán giặc dọn đường để tiến công Hòa

Phước. Ông đưa gặp bà Kiểm tránh sang bên kia sông. Tình hình vẫn yên ổn. Ông Kiểm lại phải đưa bà Kiểm về lại Hòa Phước.

Mọi người cười :

— Máy bay đang tìm ông ! Thầy ông về nó sẽ quay lại ! Phải ngồi luôn trong nhà. Ra ngoài là chết với máy bay đó !

Ông Kiểm cười ngượng nghịu.

Tiếng súng cứ đùng đoàng vang từ phía Đà Nẵng. Lệ thường, cứ vào lúc nhá nhem, một loạt súng máy lại rột roạt. Dân Hòa Phước cười nói :

— Lại bị sôi ruột !

Nhiều tin trái ngược. Giặc chưa vào Túy Loan. Có người ở Túy Loan nói rõ như vậy. Địch chiếm Túy Loan, đó chỉ là tin của bọn Việt gian. Giặc vẫn còn ở ngoài Phước Tường. Phải bốn tháng mới đến được Phước Tường, đến Hòa Phước không phải dễ. Cứ lo cày cuốc làm ăn không cần đi đâu chi cho mệt.

Nhưng có một việc đã làm cho cả Hòa Phước bàn tán và rục rịch đi tản cư. Đó là việc dời bốn chiếc rương kẽm T.A quân sự. Bốn chiếc rương đựng toàn những tài liệu quan trọng. Nó phải được cất giấu nơi an toàn. Nơi an toàn đó trước đây là Hòa Phước. Nay phải dời rương đi. Như vậy có nghĩa là Hòa Phước không còn an toàn nữa. Chiến sự có thể tràn đến. Nhìn bốn chiếc rương từ miếu Bà Tằm ra đi, chị Ba buột mồm nói với mẹ tôi :

— Giặc đang dòm ngó Hòa Phước ! Liệu cũng phải tìm nơi mô... lo trước vẫn hơn chớ mẹ !

Lên nguồn là đắc sách nhất ! Ông Kiểm Lài nói :

— Phen này phải rúc núi. Đã rúc núi thì địch có tài trời cũng không mò theo được !

Bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh thuê thuyền dượng Hương Thư lên Trung Phước. Trung Phước đất rộng người đông, vui không kém Hòa Phước. Ông Biện Thành cũng nhắm hướng Trung Phước.

Mẹ tôi cố nhớ lại những cô dì, những chú bác ở rải từ Hòa Phước lên các ngõ nguồn. Có người xa lâu quá hầu đã bị quên. Bỗng dưng tên tuổi được nhắc lại. Có người ở xứ Ghềnh Ngô, có người ở chỗ Thác Cá, chỗ Am Mây, chỗ Động Khói... Toàn những tên gợi nên những cảnh suối sâu, đèo cao, âm u, mù mịt, những nơi sơn cùng thủy tận, khỉ ho cò gáy. Những bà dì theo chồng lên trên đó rồi biệt vô âm tín. Những ông bác đi làm ăn rồi lấy vợ đẻ con trên đó. Có những ông bác ông chú giành đất với anh em, ẩu đả với bà con, kiện làng rồi bỏ đi hoặc đánh lý trưởng, gây án mạng rúc vào rừng rồi trốn biệt. Nghe nói có người lên đó hóa thành tướng cướp, hóa du côn càng hung hãn. Sau Cách mạng, có ngnời mò về thăm làng, thấy họ khiêm tốn, hòa nhã, gọi dạ, bảo vâng, chẳng thấy hung hãn gì cả.

Mẹ tôi bấm đầu ngón tay :

— Có dì Cửu Phan ở Phú Đa nè ! Có dì Năm Chi ở Bến Dầu nè ! Có dì Hương Thư ở Dùi Chiêng nè ! Có chú Tư Một ở Động Khói nè ! Chú Tư dữ hơn cọp...

Nghe đi tản cư là tôi và thằng Cù Lao rất thích. Lên các xứ đó tha hồ săn hổ.

Mẹ tôi lên cả một danh sách. Có đến mười người. Suy đi nghĩ lại, mẹ tôi thấy nên lên Phú Đa cái đã. Phú Đa gần hơn, lại có dì Cửu Phan. Dì Cửu không là dì ruột nhưng thân với mẹ lúc bé. Ông Cửu Phan có nhà ngói. Anh Bồn Linh tán thành đi Phú Đa. Không thể đi quá xa. Thỉnh thoảng phải lộn về thu hạt lúa, củ khoai để nuôi lỗ miệng.. Chú Năm Mùi bảo phải có người lên hỏi trước. Phải gặp dì Cửu cái đã. Việc đó có thể giao cho tôi và thằng Cù Lao. Vì cũng chẳng có gì khó ! Tôi và thằng Cù Lao phải đi sứ một chuyến. Có làm mới biết, mới giỏi lên được.

Nay mai có thuyền dượng Hương Thư đi Trung Phước. Bọn tôi có thể quá giang xuống bến Phú Đa vào nhà dì. Nhất định sẽ được dì đãi gà vịt !

* * *

Thuyền của dượng Hương Thư nhổ sào vào lúc mờ sáng. Đất trời rực rỡ như dệt bằng những tơ vàng. Thuyền quay lái, tôi nghe thoát mọi sự trói buộc. Con trâu Bĩnh không còn làm phiền nữa. Tôi ra đi với một trọng trách sẽ «thương thuyết» với dì Cửu Phan về việc tản cư cho các gia đình cán bộ. Thuyền lướt hăm hở được một lúc, rồi lại chậm dần. Gió ngã. Buồm rung phành phạch. Thuyền tròng trành. Tôi và thằng Cù Lao phải ngồi co ro. Thuyền chở nhiều đồ của các gia đình tản cư nên chật ních. Gặp chỗ cạn phải quay lái, tìm một lạch sâu hơn. Thằng Cù Lao rút sào chống giúp. Thuyền bò rất chậm. Tôi đang nghĩ nên quẳng hết đồ đạc lên bờ, rồi cứ việc nai lưng ra gánh. Làm vậy đi nhanh hơn. Nghĩ vậy nhưng không dám nói ra.

Thuyền dượng Hương Thư vừa đi vừa ngủ gật, mãi đến chiều xế mới đến Phú Đa. Tôi và thằng Cù Lao đỗ xuống bến Phú Đa, hỏi thăm vào nhà dì Cửu Phan. Phú Đa không có bãi ngô, bãi dâu. Chỉ thấy ruộng lúa. Một con đường đất đỏ quạch đưa đến nhà dì. Chúng tôi dừng trước một ngôi nhà gạch. Nhà dì mốc meo như ngôi đình làng. Một con chó già gầy nhom nhảy xổ ra sủa. Một người đàn ông đang dồn lúa vào nong, hỏi sau làn bụi mịt mù :

— Các chú nhỏ có việc chi ?

Tôi hỏi bà Cửu Phan.

Người đó quay vào trong nhà gọi to :

— Bà Cửu ơi ! Có bọn con nít hỏi.

Một bà già nhăn nheo bước ra.

— Ai hỏi ?

Tôi bước đến, hai tay đặt lên rốn :

— Tôi xin hỏi bà Cửu Phan.

— Cửu Phan là tôi đây.

Bà cụ trả lời xong, gọi với vào bên trong :

— Bà Hai ơi ! Con nít hỏi bà.

Lại một bà già khác hiện ra. Bà này cũng không kém nhăn nheo hơn bà trước :

— Có ai hỏi tôi ?

— Tôi hỏi bà Cửu Phan.

— Cửu Phan là tôi đây.

Bà nào cũng xưng mình là bà Cửu Phan. Tôi không thể tưởng dì tôi lại nhăn nheo đến như vậy. Lúc bé có lần tôi gặp dì. Tôi nhớ loáng thoáng, dì như cô con gái. Không lẽ dì tôi đã thành bà già. Có một tiếng ho. Một ông già hiện ra. Ông già có vẻ quắc thước, khạc nhổ om sòm. Hai bà già nói với ông già có hai đứa con nít đến hỏi bà Cửu Phan. Ông già hỏi tôi :

— Các chú ở đâu ?

— Thưa, ở Hòa Phước.

— Con ai ?

Tôi khai :

— Thưa, con của Nguyễn Văn Khương. Cha tôi còn tên là Côn. Sinh con đầu lòng đặt tên là Côn. Người làng còn gọi cha tôi là anh Côn. Mẹ tôi tên là Có. Đó là tên quai nôi. Tên ký giấy là Lê Thị Trang.

— Chú bà con với bà Cửu nhà này như thế nào ?

Tôi cố nhớ những buổi nói chuyện của mẹ :

- - Xưa kia, ông cố ngoại của tôi sinh được hai người con trai. Người thứ nhất đẻ ra ông ngoại tôi. Ông ngoại tôi đẻ ra mẹ tôi. Người con thứ hai đẻ ra một ông con trai. Ông đó đẻ ra cha dì Cửu Phan.

— Còn tên hai chú ?

— Tôi tên là Cục họ Nguyễn lót chữ Văn. Nguyễn Văn Cục là tôi.

Tôi chỉ vào thằng Cù Lao :

— Còn thằng này cũng là họ Nguyễn, bà con với tôi về phía nội. Nó tên là Lao lót chữ Cù. Nó ở xứ Cù lao Chàm dưới biển đông, mới về làng sau Cách mạng. Cha nó nhận công tác trong quân giới, phải gởi nó ở với anh Bốn Linh.

Tôi đánh bạo nói tiếp :

— Dì tôi còn trẻ, xinh đẹp chứ không phải già khú đế như những bà kia !

Ông già đang cau có thoáng mỉm cười :

— Biết rồi !

Nói xong, ông già biến mất. Một chốc sau, một người đàn bà đầu bù tóc rối, chân tay dính đầy cám lợn hiện ra trước cửa. Tôi không thể đoán người đó bao nhiêu tuổi. Có thể là ba mươi hoặc bốn, năm mươi tuổi. Người đó mở to mắt :

— Con chị Tư Trang đó hả ?

— Dạ, tôi !

Người đàn bà bước đến một bước, ngồi xuống, lặng im một lúc. Tôi biết đó là dì Cửu. Dì nhìn tôi rồi cúi xuống. Khi ngước lên nước mắt dì chảy quanh rồi tràn ra. Dì cố nén không để tiếng khóc bật ra, nói ấm ức không rõ lời. Dì hỏi về mẹ tôi. Dì trách mình đã lâu lắm không về thăm mẹ. Dì thút thít, tủi thân vì cái số cực của mình. Suốt ngày, dì phải quần quật không đi đâu được nửa bước.

Tôi thưa với dì tất cả những việc mẹ tôi và anh Bồn Linh đã dặn. Dì hỏi bao giờ mẹ lên. Dì sẽ dành nhà trên cho mà ở. Ngoài vườn còn có một căn nhà bỏ trống. Gia đình chú Năm Mùi và anh Bồn Linh ở đó rất tiện.

Tôi theo dì ra sau nhà bếp. Chuồng lợn xếp thành dãy dài. Lợn nái có đến năm con. Con nào cũng gầy nhom, da nhăn như mặc chiếc áo quá rộng. Chúng vừa đi vừa ịt ịt kéo theo sau một đàn con đen trũi, đuôi cứ ngúc ngoắc. Nhà sau ngập ngụa rác rưởi và phân lợn, khác hẳn phía trước, rộng rãi và phong quang. Sân trước láng bóng, giữa sân có hòn non bộ. Vài con chim sẻ hạ xuống sân rồi lại bay vù lên cây bưởi. Hàng chè tàu thẳng tắp chạy từ ngõ đến sân được xén cắt rất ngay ngắn. Tôi và thằng Cù Lao ngắm nghía hòn non bộ. Chợt có tiếng kêu la ở phía nhà dưới.

Thằng Cù Lao kéo tôi chạy vào. Dì tôi và bà già Hai đỏ biến thành hai sư tử lông lá dựng đứng chực vồ lấy nhau. Bà già xùi bọt mép nhảy xổ đến trước mặt dì :

— Đây tao không có chiếu giường !

Dì tôi mặt đỏ lửa gầm lên :

— Phải có.

— Đây không tiếp !

— Tôi cứ tiếp.

— Nhà này là nhà của tôi !

— Nhà này cũng là nhà của tôi.

Dì tôi nghiến răng rít từng tiếng một :

— Con này về đây có, đủ, cheo, cưới. Chẳng, khác, gì, các người. Lớn nhỏ nay như nhau cả. Bình quyền, bình đẳng rồi ! Không còn bắt, nạt, ai được ! Hãy coi chừng ! Con, này, vạch mặt, cho mà coi.

Bà già cặp mắt trợn trừng :

— Mày vạch mặt ai hở con kia ? Phận lẽ mọn phải biết phận lẽ mọn. Mày vạch mặt ai hả ?

Bà già xông đến, chộp lấy đầu tóc dì tôi. Dì tôi cũng chộp lấy cổ bà già. Hai sư tử đã vồ nhau quần nhau, còn khỏe hơn tôi và bọn chăn trâu đánh vật. Bà già kêu thất thanh :

— Ông Cửu ơi ! Ông Cửu ơi ! Con này nó giết tôi rồi !! Ông cưng nó, để nó giết tôi rồi !

Thằng Cù Lao xông vào ôm chặt bà già kéo ra. Tôi bắt chước xông vào ôm chặt tay dì kéo ra nơi khác. Ông già lại hiện ra, tay vung chiếc roi mây. Ông quắc mắt, dặng hắng một tiếng to chưa từng thấy. Ông vung roi quất vun vút. Những ngọn roi như vậy phải toạc máu da, rút từng thớ thịt. Tôi khiếp vía nép sát vào một bên. Nhưng rất lạ ! Ông không quất vào ai cả mà chỉ quất vào cây cột và cũng rất lạ ! Cặp sư tử trở lại lặng im, ngoan ngoãn, thôi không nhảy nhót gào thét nữa. Họ buông nhau ra và rút lui mỗi người một ngả. Cơn bão táp bỗng chốc lại tan. Chỉ còn ông Cửu đứng dằn từng tiếng :

— Không biết giữ thể thống gì cả, mình cũng là cán bộ. Người ta ngó vô, còn ăn nói ra làm sao hử ?

* * *

Tôi và thằng Cù Lao đón đò xuôi về Hòa Phước bụng cứ lo lo vì mọi việc không rõ ra sao cả ! Dì bảo tản cư lên. Bà già lại chống lại. Ông Cửu Phan chưa có ý kiến. Mẹ tôi nghe rất hoang mang. Chị Ba càng hoang mang hơn nữa. Chị cho chuyến đi của chúng tôi đã hoàn toàn thất bại. Tôi giỏi láo lếu với con nít trong làng. Khi ra thiên hạ thì tôi rụt cổ. Chỉ cần thưa lại một lời với ông Cửu, cũng không làm được. Chỉ còn một cách là không nên tản cư lên nhà dì. Mẹ tôi thở ra :

— Tội nghiệp cho dì ! Cũng do cái số phận ! Mình dọn đến đó dì càng thêm khổ.

Gặp chú Năm Mùi. Chú đánh giá khác hẳn chị Ba. Chú cho chuyến đi của tôi và thằng Cù Lao đã có những thành công hết sức xuất sắc. Người khác không làm được chu đáo như vậy. Chỉ trong hai ngày, tôi và thằng Cù Lao đã lên được Phú Đa, đã biết rõ nhà dì, biết mẹ và chị Ba có thể ở nhà trên, biết có một ngôi nhà bỏ trống, biết sân trước rất rộng, biết được trong chuồng có bao nhiêu lợn. Tài giỏi hơn nữa là chúng tôi còn nắm được tình hình bên trong của gia đình ông Cửu, tính nết của hai bà, địa vị của ông Cửu. Ông Cửu là người có đầy đủ uy lực trong gia đình. Chỉ mới ra oai, quất roi vào cột mà các bà vợ đã kinh hoàng phải chịu phép, rút lui một cách lặng lẽ. Như vậy ông Cửu nói gì là các bà phải nghe theo hết. Dì tôi còn trẻ. Vợ trẻ được chồng cưng, xưa nay đều vậy. Đã cưng vợ thì phải nghe theo vợ. Dì Cửu phải được ông Cửu nghe theo. Dì Cửu đã thuận cho ở thì ông Cửu phải thuận. Ông Cửu đã thuận thì có bà trời cũng không cãi lại được !

Chú Năm Mùi bảo phải thu xếp nhanh đồ đạc để đi tản cư. Cả gia đình ông Cửu Phan đang sẵn sàng đón tiếp.

2

Mẹ tôi, chị Ba, chị Bốn Linh và thím Năm Mùi đi Phú Đa trước. Tất cả đồ đạc trong nhà, quanh hè, ngoài sân, ngoài chuồng trâu, chuồng gà, ở xó bếp đều được xốc lên lấy ra, cái gì mang đi, cái gì bỏ lại, giấu ở đâu, vứt chỗ nào. Chị Ba rút sào, lấy hết chiếu chăn quần áo xếp lại. Tôi rúc vào các xó xỉnh lôi ra những hũ mắm, vại cà, chai nước, kéo ra một thùng gỗ chứa

toàn những đồ đã bi gỉ, bị sứt, bị long. Những đồ đó vào nhà lối lúc nào, bị thải ra khi nào, không nhớ nữa. Tất cả đầy bụi, đầy mốc, đã bị lãng quên. Nay được tôi lôi ra, xem lại. Có thứ đã từng được một thời nâng niu quí trọng. Tôi tìm thấy một chiếc ấm tích bằng sứ hình quả bí. Màu sứ trong như ngọc, vẽ hoa và chim, màu óng ánh. Tôi giơ cao chiếc ấm. Cả nhà trầm trồ :

— Ồ ! Cái ấm, cái ấm !

Có lẽ chiếc ấm này đã từng là niềm tự hào của một gia đình giàu có. Sau đó, chiếc ấm bị sứt một tí ở đầu vòi đã rơi vào gia đình tôi, giữa những ấm đất, chén đất như một vị vua bị phế truất, nhưng vẫn còn giữ được sự trọng vọng, vì đã từng có một cuộc sống huy hoàng. Mẹ tôi bảo phải để tất cả lại, chỉ mang theo mấy con dao, một lưỡi búa và đanh. Nong, nia, cày, cuốc, thùng mùng, giường ghế, giỏ, trạc, tất cả những đồ dùng làm tằm đều phải bỏ lại. Những đồ mang đi được xếp lại, xâu lại, gộp lại, được cột, được siết, được nhét vào bị vào bầu. Chó Vàng tưởng có đám giỗ ngoắc đuôi sủa gâu gâu. Chị Ba ôm nó chép miệng :

— Tội nghiệp cho mày ! Thôi mày phải ở lại với ông Hai Dĩ ! Cũng vì thằng giặc ! Mày sẽ hóa kiếp làm người, không làm kiếp chó nữa !

Con trâu Bình hóa khó xử. Cả nhà đều muốn nó đi theo, nhưng không biết đi bằng cách gì ? Chú Năm Mùi mách nước với chị Ba :

— Phải tính như thế này mới xong việc : mày và mẹ mày phải đi trước. Đi bằng thuyền. Thằng Cu Lao và thằng Cục ở lại dây vài hôm. Hai đứa sẽ đưa con trâu Bình đi bộ lên sau. Tao sẽ nói với ông Hai Dĩ nhờ ông đi theo. Có người lớn đi theo mới được.

Chú Năm quay sang phía tôi :

— Còn mày, ngày mai phải dậy sớm, chú cháu ta cùng đi Phú Đa cái chơi, coi quán xá trên đó có món gì khá !

* * *

Tôi nằm đang mơ mơ màng màng, bỗng có tiếng gọi :

— Cục ! Cục ! Dậy đi !

Tôi mở choàng mắt. Chú Năm đã đứng bên cạnh.

Tôi nói ú ớ :

— Trời chưa sáng mà !

— Ối ! Để sáng mới ra khỏi nhà thì còn ra cái gì nữa. Đi sớm mới thích.

Tôi rướn mình ngáp to, bẻ ngón tay rắc rắc cổ ngồi dậy. Chung quanh còn tối om. Tôi theo chú Năm Mùi ra vạn Hòa Phước gọi dượng Hương Thư dậy, nhờ lấy xuồng đưa qua sông. Xuồng cập bến, chú Năm xắn quần nhảy xuống trước. Tôi nhảy theo sau. Chú Năm reo lên :

— Ối dào ! Gió mát quá ! Chỉ một chốc là chú cháu mình đến Phú Đa.

Nói xong, chú Năm rảo bước. Tôi không hiểu chú Năm đang đi hay đang chạy. Vì tôi cứ phải chạy mới theo kịp :

— Đợi tôi với, chú Năm !

— Mày đi như rùa bò ! Đi mau cho nó quen. Cái gì cũng phải luyện mới giỏi được.

Tôi chạy được một lúc lại gọi :

— Mệt quá, đợi tôi, chú Năm ơi !

— Đi quen sẽ hết mệt.

Qua hết con đường bãi, chú Năm lại rúc vào xóm. Tôi vấp vào hàng rào. Chó nổi sủa. Người trong nhà tưởng có trộm nổi dặng hắng rất to. Trời dần sáng. Mặt trời ló ra rồi cao dần. Chú Năm càng bước nhanh. Tôi kêu lên :

— Không chạy được nữa đâu !

Chú Năm quay lại cười hì hì :

— Trâu tơ khi mới bắt ách, cũng giống như mày. Nó vùng lên, muốn vứt ách. Nhưng có luyện nó mới cày được. Phú Đa kia rồi. Ghé vào quán kiếm cái gì bỏ bụng cái đã !

Chú Năm ghé vào quán bên đường, ăn khoai, uống nước. Chú mở bọc lấy ra một chiếc áo dài đen mặc vào, cài cúc cẩn thận. Chú rút lược chải tóc, ung dung tìm vào nhà dì, xin gặp ông Cửu Phan. Dì tôi ra đón. Dì cho biết ông Cửu vừa bị cảm, bị tức sau lưng, không ngồi dậy được. Chú Năm nhờ dì tin cho ông Cửu biết có một ông thầy thuốc giỏi khoa châm cứu ở Hòa Phước vừa lên. Thầy châm cho vài huyệt, bệnh sẽ tiêu trừ. Môn gia truyền của thầy chỉ để cứu nhân độ thế, không lấy của ai một đồng kẽm.

Chú Năm được mời vào để châm cứu. Chú thắp nến soi qua soi lại vùng lưng của ông Cửu. Chú vuốt cột sống, dồn máu lại rồi rút kim chích. Vài giọt máu độc ứa ra. Chú Năm nặn máu. Chú chích liền bốn huyệt sau lưng. Quả là thần diệu ! Ông Cửu đã dần dần ngồi dậy được. Mọi người vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng, xem như đã gặp vị lương y tài giỏi vừa xuất thế. Cả nhà ông Cửu ai có bệnh gì đều xin chú Năm mách thuốc. Chú Năm sẵn sàng chỉ rõ các loại cây lá chữa đủ các bệnh, cả cách sao chế và liều lượng khi dùng. Ông Cửu rất sung sướng được đón những gia đình ở Hòa Phước tản cư lên. Trưa hôm đó, chú Năm được ông Cửu mời ở lại dùng cơm trưa. Bà Cả đã giết con gà mái béo nhất để đãi khách.

Chú Năm bàn với ông Cửu nên để cho đàn bà và trẻ con ở riêng ngoài nhà bò trông. Riêng đàn ông sẽ ở ngôi nhà trên của ông Cửu. Chú Năm còn nhờ ông tìm hộ một số nhà vào loại tin cậy để cho một số gia đình chạy giặc lên ở.

*
* *

Ông Hai Dĩ đến gặp tôi và thằng Cù Lao để đưa trâu Bĩnh lên Phú Đa.

Tôi dắt trâu Bĩnh ra khỏi chuồng, tuyên bố :

— Đi bộ cũng mệt. Đi ghe cũng mệt ! Lần này có trâu để cưỡi là sướng nhất ! Bọn mình ngồi hết lên lưng trâu, quất nó chạy. Một chặp lên đến Phú Đa ! Sướng chi là sướng !

Ông Hai hỏi :

— Cả ba người cũng cưỡi ? Sang sông rồi hãy hay !

Trâu Bĩnh theo đò lội qua sông. Lên đến đường cái, tôi nài ông Hai Dĩ leo lên trâu trước. Ông Hai leo lên ngồi chính giữa. Thằng Cù Lao ngồi phía trước. Tôi ngồi phía sau. Chỗ ngồi chật ních. Ba người phải quàng tay ôm lấy nhau. Tôi ngồi ngay trến hông. Chỗ đó có nhiều cục u, hai chân tôi không kẹp được vào lưng trâu. Mỗi khi trâu bước, tôi bị lắc tợn. Thằng Cù Lao ngồi phía trước bị chông chênh. Từ nhỏ đến lớn trâu Bình chỉ quen chở một người. Nó cứ bước chầm chậm. Tôi không dám ra roi vì sợ trâu bước nhanh, ba chúng tôi sẽ lộn tùng phèo xuống đất. Hóa ra có trâu để cưỡi cũng không phải sướng ! Chỉ có một cách là một hoặc hai người phải leo xuống. Ông Hai đòi leo xuống trước. Thằng Cù Lao cũng leo xuống. Chỉ còn một mình tôi ngồi lưng trâu. Tôi vung roi quất vun vút. Trâu Bĩnh nhảy chồm lên, bước từng bước một. Nó không biết nó đang chạy giặc. Từ hôm súng nổ, công việc cứ ùn lên. Ai cũng phải xẻ lỗ mũi

để thở... Hai chân phải chạy mới lo hết việc. Nhưng trâu Bĩnh cứ đủng đỉnh. Cách nhai trầu, cách quạt tai của nó cứ ung dung làm tôi phải sốt ruột. Một vài sáo sậu đang đậu trên cây đa thấy nó đi qua nổi kêu to. Con Bĩnh cứ bước đủng đỉnh như đang suy nghĩ một việc gì to lớn. Chợt nó dừng lại ghếch mõm nhìn ra sông. Và bất thình lình nó vùng sừng rồi vụt chạy ! Nó hất tôi xuống bên đường. Ông Hai Dĩ kêu lên hoảng hốt :

— Úy mẹ ơi ! Nó nhảy rồi !

Con Bĩnh như hóa điên hóa khùng chạy băng ra bờ sông, nhảy tòm xuống nước, bơi tuốt một mạch. Nó quay về bên kia sông. Bóng nó xa dần. Một chốc sau chỉ còn thấy cái mõm đen ngọ nguậy. Thằng Cù Lao đã cởi áo vứt lại cho tôi, nhảy tòm xuống sông, bơi theo nó. Tôi và ông Hai nhốn nháo quay tìm xuồng để trở lại bên kia sông. Chúng tôi lội khắp bãi dâu tìm trâu Bĩnh. Tìm mãi đến chiều tối nhưng chẳng thấy tung tích nó đâu cả. Chỉ còn một cách là quay về lại Hòa Phước. Bước vào ngõ, tôi đã thấy trâu Bĩnh nằm trong chuồng, đủng đỉnh nhai trầu, hai tai quạt quạt, tưởng như chẳng có việc gì xảy ra cả. Tôi định quất cho nó một trận.

Thằng Cù Lao ngăn lại. Thằng Cù Lao hỏi :

— Mày không biết giặc đến hả ?

Trâu Bĩnh nhếch mép nhìn thằng Cù Lao một cách buồn cười tưởng như nghe một việc lạ. Thằng Cù Lao ôm đầu nó. Nó thè lưỡi liếm để tỏ tình cảm, tôi quát :

— Thôi ! Đừng làm cái trò đó nữa. Phải đi tản cư. Giặc bắt được, chúng thịt ngay !

Chú Năm Mùi biết việc con trâu Bĩnh không chịu tản cư. Nó đã quen với chuồng cũ. Nhưng chú không thể nhượng bộ. Bằng mọi cách phải đưa nó đi. Chú Năm sẽ thân hành đi với nó. Đồng thời cũng để lên thăm thím Năm luôn thể.

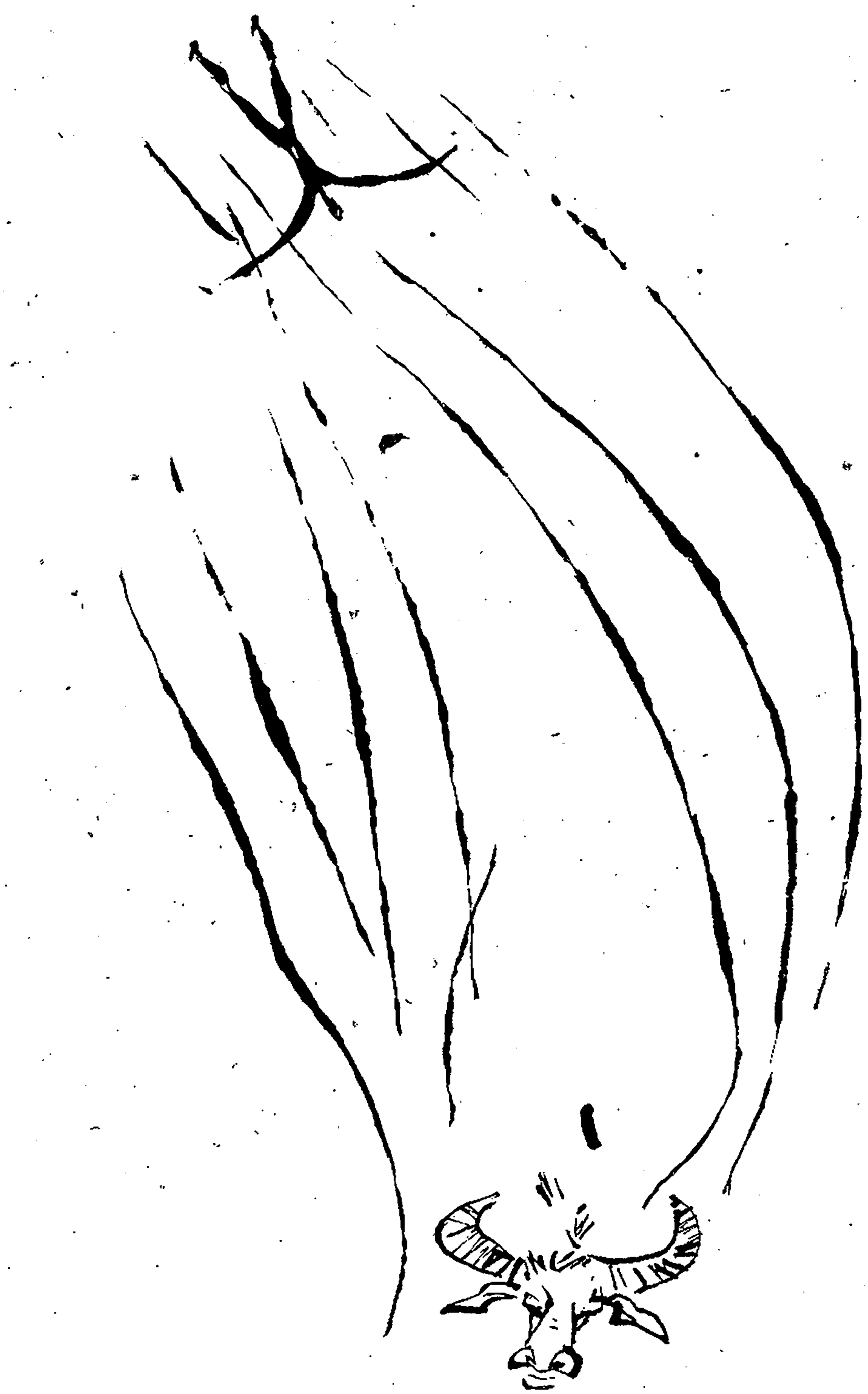

Thằng Cù Lao đã cởi áo vứt lại chọ tôi, nhảy tòm xuống sông, bơi theo trâu

3

Nhờ có sự cương quyết của chú Năm Mùi, trâu Bĩnh đã lên đến Phú Đa. Trước nhất, con Bĩnh phải chở theo trên lưng một bó cỏ và một giỏ ngô. Cỏ nó ăn để đi đàng. Ngô nó phải mang lên cho mẹ tôi để nấu. Thỉnh thoảng, chú cho nó dừng lại, bảo thằng Cù Lao rứt cỏ cho nó ăn no. Nhưng khi nó có vẻ nghĩ ngợi toan giở trò bậy bạ là chú quất thẳng cánh. Dây mũi chú nắm chặt trong tay. Biện pháp vừa gia ân vừa gia roi có kết quả tốt. Con Bĩnh chỉ còn cách phải bước lên phía trước, không còn thì giờ để nhớ những việc lông bông không tốt.

Chú Năm lên với trâu Bĩnh cũng để thăm tổ « phụ nữ » trên đó làm ăn ra sao. Chú Năm ở lại Phú Đa chỉ hai hôm mà mọi việc đã thay đổi tận gốc. Chú Năm điều đình với ông Cửu xin bốn thân cau bị ngã. Chú sai tôi và thằng Cù Lao cùng cưa, cùng đục làm thành giường, thành giát. Có làm việc đầu óc mới thông minh ra được, — chú nói. Chú lấy lá cau lót làm nệm. Chỉ với một cây tre, chú Năm làm cho mỗi gia đình những móc, những ống đựng đũa, đựng thìa, đựng cây kim sợi chỉ. Chú che chỗ tắm, căng dây phơi. Chú cần gì, ông Cửu Phan đưa ra một cách vui vẻ. Cái cưa, cái đục, nếu nhà không có, bà Cửu chạy sang hàng xóm mượn giúp. Chú Năm không chỉ có tiếng nói làm mát bụng mọi người, không chỉ đi bộ giỏi, đánh trâu giỏi, thuộc làu chuyện Lục Vân Tiên mà còn là một tay thợ lành nghề. Chú biến một lọ mực thành cây đèn dầu, biến cái chai thành cây đèn gió... Những tài đó của chú nở rộ khi đi sơ tán. Chú Năm mua những cây củi dài bằng ngón chân, chú đóng thành kệ, thành ghế trệt, thành chạn để bát, thành tủ để thức ăn. Chú Năm bảo :

— Hễ mình biết chú ý học tập thì cái gì cũng làm được. Cái gọi rằng khó chỉ vì mình chưa biết mà thôi.

* * *

Chú Năm ra chợ, lội quanh vùng Phú Đa một lúc. Khi trở về nhà, chú cho biết ở ngoài bến sông có bán loại cối xay ngô làm bằng đá xanh rất tốt. Chú phải mua một cái cối xay như vậy. Mẹ tôi, chị Bốn và thím Năm sẽ đi mua ngô hạt đem về phơi thật giòn, bỏ vào cối đá, xay nhỏ làm gạo ngô, gọi là nghề hàng xáo. Gạo ngô ở đâu cũng cần, có mấy bán cũng hết. Cứ lấy công làm lời, dư được hạt cám, hạt tấm càng tốt. Cái cối xay ngô bằng đá mở ra cách sinh sống cho ba gia đình. Chú Năm bảo chú đã trằn trọc mấy đêm mới tìm ra được cách làm ăn mới đó. Nghề xay ngô là hợp với các bà nhất.

Thằng Cù Lao hỏi :

— Thế nghề gì thì hợp với bọn tôi nhất ?

Chú Năm trả lời ngay :

— Hợp với các chú nhất ở đây có nghề đi lấy củi. Ở đây thiếu củi, phải đi lấy củi trong núi.

Thằng Cù Lao hỏi :

— Người ta bảo con trai phải nhập Vệ quốc đoàn kia chú !

— Mày nói tao nghe phải ! Nhưng phải đợi lệnh trên. Nay trên bảo gì ta phải làm cho đúng cái đã. Trên có lệnh phải làm việc tản cư, ta phải làm việc tản cư cho tốt. Nhất hô bá ứng mới thắng được giặc.

Tôi nói lơ lửng :

— Ở đây gần núi có nhiều cọp. Ta đi săn cọp lấy bộ xương làm rượu hổ cốt. Uống rượu hổ cốt sẽ khỏe như cọp.

Chú Năm cười :

— Ừ ! Cũng được ! Muốn săn được cọp trước tiên phải luyện cách đi rừng. Phải lội rừng cho giỏi cái đã. Đi lấy củi trong rừng cũng là cách tập luyện săn cọp đó.

* * *

Ở Phú Đa có một số đồng bào đi lấy củi để bán. Tôi và thằng Cù Lao mài lưỡi mác thật bén, chọn một chiếc đòn xóc thật cứng, chẻ những dây lạt thật dài. Có như vậy mới gánh được nhiều củi, bán được nhiều tiền.

Sao Mai chưa mọc, cả xóm đã hú hí gọi nhau đi lấy củi. Tôi và thằng Cù Lao vác đòn xóc, nách mo cơm, cùng theo vào núi Thạch Bàn để lấy củi. Trời còn tối. Sao trời như một đàn ong siêng năng tung đi bốn phương để tìm mật. Tôi bước thoăn thoắt trên bờ cỏ đẫm sương, lòng nghe mát rợi. Tôi sẽ lấy nhiều củi. Tôi sẽ bán củi lấy nhiều tiền. Mẹ sẽ dồn tiền thành xấp. Trước tiên, tôi phải mua một quả tạ giống như quả tạ của thằng Sơn Hải, mua một con ngựa, có lẽ nên mua một chiếc xe đạp, chưa dám nghĩ mua một chiếc ô tô. Uy tín của tôi trước mặt chị Ba sẽ lên ngang hàng với các đội viên tự vệ. Đi được một quãng, trời hé sáng. Những đồi thoai thoải hiện ra. Núi non dần dần bừng sáng, thấy rõ được cả những chỗ lồi lõm. Gió sớm từ núi thổi ra mang theo mọi thứ hương cây ngào ngạt.

Tôi hỏi một người cầm đòn xóc đi phía trước :

— Lấy củi chỗ mô hở chú ?

Chú đó quay lại chỉ về phía trước :

— Cũng đi lấy củi hả ? Kia kìa.

Đi được một chốc, tôi lại hỏi. Vẫn câu trả lời như trước :

— Kia kìa !

Những cánh đồi như dăng ra trước mặt để rồi khép lại sau lưng. Một con đường hẹp khúc khuỷu cứ lượn qua lượn lại quanh những đồi trọc. Mãi đến già nửa buổi mới đến một bãi hoang đầy bụi rậm. Người đi trước quay lại chỉ vào những bụi rậm :

— Muốn lấy củi cành thì kia kìa. Muốn có củi tầm còn phải đi xa.

Chúng tôi dừng lại, đặt đòn xóc xuống đất, rút mác ra chặt. Chúng tôi chọn những cây to bằng ngón chân. Chặt xong rong hết cành. Tôi và thằng Cù Lao bó thành bốn bó. Xong đâu đó, ngồi nghỉ một lúc, mở mo cơm ra ăn. Ăn xong, tôi cởi áo lót lên vai kê vai vào gánh. Tôi biết gánh gồng nhưng thường gánh bằng đôi gióng có bốn tao. Hai đầu gánh thòng xuống đất. Nay gánh bằng đòn xóc. Bó củi ngang vai cứ lúc lắc. Đường núi khúc khuỷu, khi tuột xuống, khi leo lên, gánh củi càng lắc tợn, càng siết tợn. Đến một lúc, vai nghe đau quá, tôi thả gánh kêu to :

— Đau quá ! Cù Lao ơi !

Thằng Cù Lao dừng lại :

— Đường khó đi quá ! Nặng quá !

Chúng tôi thả gánh, tháo lạt, bỏ bớt củi lại bên đường, tiếp tục gánh đi. Đi được một chốc, gánh củi nặng dần, lại lúc lắc. Chiếc đòn xóc lại siết vào cổ. Tôi lại kêu to :

— Nặng quá Cù Lao ơi !

Thằng Cù Lao lại thả gánh xuống, lại giúp tôi lấy bớt củi ra, làm bó nhẹ hơn. Đi được một quãng, tôi lại thầm mệt, gánh củi lại lắc, lại siết. Cái nắng ở vùng đồi núi như lửa quạt. Thằng Cù Lao cũng phải bớt củi đến ba lần. Về phần tôi, đi một quãng lại phải vứt bớt năm mười cành. Hai bó củi của tôi cứ teo dần. Ra đến Phú Đa, bó củi còn bằng bắp về. Ai gặp cũng cười to :

— Củi kiếc gì mà bằng cái ống thổi lửa vậy !

Mẹ và chị Ba cũng cười. Nhưng có một điều hay là tha củi về đến nhà, ăn xong, tôi đánh thẳng một giấc. Sáng hôm sau thức dậy, thấy gân cốt khỏe ra, chân tay rắn lại. Một thằng Cục khi đã đi củi có thể vật ngã mười thằng Cục trước khi đi củi. Tôi và thằng Cù Lao cứ ngày ngày đi rừng lấy củi. Gánh củi hóa nhẹ dần và to dần ra. Đường cũng hóa hết khúc khuỷu gập ghềnh. Củi đủ để đun, thỉnh thoảng còn bán được vài bó. Việc đi củi làm cho chị Ba phải chuyển cách nhìn đối với tôi. Có vài lúc chị nhìn tôi ngang hàng với trưởng thôn chứ không ít.

NƯỚC RÚT

I

Cả nhà không ai muốn bán trâu Bĩnh. Nhưng rốt cuộc cũng phải bán. Không phải vì cái đứng đa đứng đỉnh của nó phát triển đến mức khủng khiếp, mà vì trâu Bĩnh... không nuôi được chúng tôi nữa. Đi tản cư, nó hóa thành một con vật quá to lớn. Chỉ riêng cái ỏ, cũng mất mười tầm tranh trong lúc tranh tre rất thiếu. Cỏ lại hiếm. Mẹ tôi chịu bán giá rẻ nếu người ta mua đem về làm trâu cày mà không đem xẻ thịt. Chị Ba đã thút thít khi lão mua trâu dắt nó đi. Trâu Bĩnh rất khôn. Nó cứ trì lại không chịu bước, nghếch mõm nhìn về phía chị Ba. Lão mua trâu đã tính toán. Lão đem trâu Bĩnh xẻ thịt, bán thịt lấy lời. Chị Ba biết đó là thịt của trâu Bĩnh, đã chửi lão bán trâu. Nhưng thấy thịt ngon cũng mua một miếng về ăn. Tôi rất thương trâu Bĩnh, nhưng ăn thịt trâu Bĩnh vẫn thấy ngon. Bán xong trâu Bĩnh, đi đâu cũng không còn phải lo cho nó nữa.

Tôi và thằng Cù Lao ở Phú Đa đi Hòa Phước xem như đi chợ. Con đường hóa gần. Sau khi đã gánh được những bó củi từ núi ra thì chặng đường Hòa Phước — Phú Đa không còn nghĩa lý gì nữa. Mít ở Phú Đa giá rẻ. Tôi và thằng Cù Lao mang mít về cho anh Bồn, chú Năm. Mắm ở Hòa Phước rẻ hơn, chúng tôi cõng mắm lên cho thím Năm, cho chị Bồn. Chị Bồn dặn:

— Hai đứa nhớ nói với anh Bồn là chị Bồn bị nhức đầu, anh Bồn phải mua một ve dầu Nhị Thiên gửi lên, hoặc cao đơn hoàn tán. Chớ quên nghe chưa ?

Thím Năm dặn :

— Nói với chú Năm phải mua cho thím vài ang bắp hột với năm bảy lon đỗ nành để làm tương.

Chị Ba dặn :

— Mua cho mẹ một chai mắm nước. Tiền đây. Cột cho kỹ trong lưng quần.

Và cứ thế mỗi bà khi chợt chớ đến cái gì, lại dặn thêm vài ba việc. « À quên ! Còn cái này, nhớ... nhớ ». Tôi và thằng Cù Lao ra đi với hàng chục nhiệm vụ khác nhau, có bà Kiền cũng không nhớ hết. Lúc về đến Hòa Phước, hàng mắm, hiệu thuốc đều vắng tanh. Họ cũng tản cư hết cả. Anh Bồn Linh và chú Năm Mùi lại đi đâu mất. Hôm sau mới mò về, râu ria mọc dài ra trông hóa khác. Anh Bồn Linh vừa gặp tôi đã nói như ra lệnh :

— Hai đứa phải đi ngay Phú Đa. Bảo với con bà nội chiều mai phải có ở đây !

— Gì nôn vậy anh ?

— Lệnh khẩn cấp. Về để đi họp, để « chiến đấu » ! Lại còn một việc này nữa. Cha mày nhắn về cho tao bảo nói với mẹ mày là phải đưa gia đình tản cư lên Bến Dầu. Ở Phú Đa không xong. Mặt trận có thể đến Giao Thủy. Địch ở Giao Thủy sẽ nã đại bác lên tới Phú Đa. Cha mày nói phải. Ở Bến Dầu lại có nhiều dâu, có nghề tằm. Có dì Hương Chi của mày trên đó. Nên dời lên đó.

Chú Năm Mùi ở ngoài bước vào :

— Lên đó là phải. Tôi biết vợ chồng Hương Chi. Lòng họ rộng như biển. Ta nuôi tằm, Hương Chi cũng nuôi tằm. Tiện lắm.

Anh Bồn Linh ra dáng nghi ngợi :

— Chà ! Để rồi phải tin cho mẹ mày và mấy bà trên đó biết. Phải đi xa một chặng nữa. Lên Bến Dầu thì yên như bàn thạch, dưới này mới yên bụng được.

Anh Bồn Linh nói như với chính mình :

— Nay mai phải đi Phú Đa cái đã !

Chú Năm Mùi vẻ ngạc nhiên :

— Nay mai gì nữa ! Giặc đã đến bên lưng. Chần chừ đâu được anh Bồn ! Phải tính gấp đi chứ. Nên làm như thế này mới kịp : thằng Cù Lao và thằng Cục phải đi ngay lên Phú Đa. Một là để tin cho chị Ba ró biết phải về gấp để họp. Hai là nói cho mẹ thằng Cục biết ý của cha nó là phải tản cư lên Bến Dầu. Sau đó, hai đứa ở Phú Đa cứ đi thẳng lên Bến Dầu. Phải tin trước cho dì Năm Chi nó biết để dì nó kịp lo liệu. Ta giữ trước được chỗ. Mọi việc phải sẵn sàng, vẫn hơn !

Chú Năm Mùi nhìn sang tôi, sờ vào râu mép :

— Gì chứ đi Bến Dầu, thằng Cục và thằng Cù Lao coi như đi chơi ! Lần trước đi Phú Đa khó khăn biết bao nhiêu, còn làm được. Lần này chắc chắn chúng coi như không.

Chú Năm Mùi đã khen chúng tôi đến vậy, làm sao có thể không đi Bến Dầu !

Anh Bồn Linh cho cách sắp xếp của chú Năm Mùi rất phải.

Chú Năm Mùi nhìn ra ngoài trời :

— Hai chú ăn rồi phải đi ngay.

Tôi ngần ngại :

— Trời xế rồi chú !

— Đi đêm đã được rồi, sợ gì trời xế ! Lần này có bịt mắt Cục cũng đi được Phú Đa. Đi ngay cho nó kịp.

Ăn xong vài ba miếng, thằng Củ Lao xách nón ra đò. Tôi xách nón chạy theo. Tôi và thằng Củ Lao đi hỏa tốc về đến Phú Đa vào lúc đỏ đèn, ập vào nhà như một cơn bão. Tôi nổ súng ngay :

— Gấp lắm ! Gấp lắm ! Giặc đã đến bên lưng, đến Túy Loan rồi. Nội chiều mai chị Ba phải có mặt ở Hòa Phước để đi... chiến đấu. Lệnh khẩn cấp, không được trễ !

Tin giặc đến Túy Loan đã đánh động cả nhà. Giặc còn ở Phước Tường, có nghĩa là giặc còn ở đâu rất xa, còn ở đâu trên núi. Nay giặc tiến đến Túy Loan, ai cũng tưởng giặc đã sát bên nách. Vì Túy Loan có chợ, có đò, tên Túy Loan nghe rất quen thuộc. Trong lúc cả nhà đi hỏi lại có thật địch đã đến Túy Loan không thì tôi thả thêm một lựu đạn, sức nổ không kém. Là cha tôi có nhắn về bảo tất cả phải tản cư ngay lên Bến Dầu. Vì địch sẽ nã đại bác lên Phú Đa. Đã là đạn đại bác thì tất cả đều tan hoang. Chỉ có ở Bến Dầu thì mới yên được. Như vậy, cha tôi, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi và cả tôi mới yên tâm được ! Phải lên ngay nhà dì Năm Chi. Dì dượng lòng rộng như biển. Chị Ba, sáng sớm xuống Hòa Phước. Còn tôi và thằng Củ Lao phải lên ngay Bến Dầu để... « đi sứ » lên chỗ dì Năm Chi điều đình chỗ ở.

Những tin của tôi đã làm mọi người bật dậy. Ai cũng muốn hỏi thêm việc này việc nọ. Cả nhà xôn xao bàn tán.

* * *

Tôi và thằng Củ Lao quá giang thuyền chở mắm lên nguồn để đi Bến Dầu. Thuyền bò dọc sông được một lúc rồi phải cắm sào nghỉ một lúc, trước khi vượt dãy Phường Rạnh, có lắm ghềnh lắm thác. Con sông Thu Bồn ở đoạn trên này tính nết khắc hẳn. Nó không phải khoan thai, hiền lành như tôi thường thấy ở Hòa Phước. Nó vung vẩy, nhảy nhót, chốc chốc, chơi trò nhào lộn. Những con sóng lực lưỡng quật thẳng cánh vào vách những ngọn núi cao sừng sững đang nhìn lặng thinh. Chúng nhảy chồm

lên tung bọt, gào rống rồi kéo nhau vụt chạy như ngựa tề. Cảnh tượng như ở một thế giới nào lạ. Sông Thu Bồn tả xung hữu đột ra khỏi Phường Rạnh mới thở phào, xả hơi, bước những bước khoan thai, lượn giữa những ngàn dâu và bãi dâu xanh xuống Hòa Phước, dang đôi tay ôm vào lòng thơm đất Gò Nổi. Tôi và thằng Cù Lao xuống Bến Dầu vào lúc giữa chiều. Chúng tôi vốc nước sông uống thỏa thích. Nước ngọt như nước mía. Bến Dầu tuy ở giữa núi nhưng bãi dâu cũng khá rộng. Tôi hỏi thăm vào nhà dì Năm Chi. Đường vào xóm là một lối mòn, cỏ ngập đến gối. Nhà dì giống như một tổ chim đặt giữa khoảng um tùm cây cối. Một hàng rào vây quanh dày có đến một sải tay, đủ loại cây có gai nhọn. Một con đường nhỏ quanh queo trong vườn dẫn đến một sân đất. Nhà trên, nhà dưới toàn bằng tranh. Vách nhà ghép bằng tre tấm kiên cố. Chum vại, nồi niêu, cày bừa, quang gánh nằm lăn lóc dưới gốc mít, gốc chuối, gốc ổi mọc chen chúc lộn xộn. Một chó vện mắt lim dim nằm gác mõm lên lưỡi cuốc, bật dậy nổi sủa. Một bà trạc bốn mươi tuổi, khỏe mạnh, hồng hào, tay cầm chiếc đũa bếp chạy ra. Tôi đoán đó là dì Năm Chi. Hai đứa bé nhỏ tí xíu từ trong nhà chạy vụt theo níu chân mẹ, nhìn tôi và thằng Cù Lao lầm lét. Người đàn bà huơ chiếc đũa bếp để xua chó. Chó cứ sủa. Dì nhặt hòn đất ném. Tôi bước đến, vòng tay thưa :

— Thưa dì, chúng tôi ở Hòa Phước lên.

— Chớ các em con ai ?

— Tôi là con Tư Trang. Thằng này con ông Hai Tuân, bà con với tôi về phía nội.

Hai tiếng Tư Trang như có mãnh lực làm dì sững sờ một lúc. Dì ú ớ rồi mới kêu lên :

— Trời ơi ! Con chị Tư Trang đây hở ! Chớ cháu lên đây bao giờ ?

— Dạ, mới lên !

Dì bước đến ngồi thụp xuống đất, kéo tôi lại gần. Dì nhìn sát vào mặt, lại đẩy tôi ra để nhìn cho rõ hơn, lại kéo tôi lại gần. Sau ba lần đẩy ra kéo vào như vậy, dì nói :

— Con của Tư Trang giống mẹ như tạc !

Dì buông tôi ra, gọi to :

— Chúng bay ơi ! Vào hết đây tao bảo !

Từ quanh nhà một lũ trẻ ùa vào. Có đến sáu đứa. Đứa nào mặt mày cũng nhem nhuốc, mũi dãi thò lò. Thấy tôi, chúng dừng lại. Dì nói :

— Anh của chúng mày đó !

Chúng đứng thành một hàng, mắt tròn vo nhìn tôi từ đầu đến chân. Hết nhìn tôi lại nhìn thằng Cù Lạo. Chợt một đứa vụt chạy, vừa chạy vừa nhại lại dì : Anh, anh của chúng mày đó ! Nhại xong, nổi cười toe toét. Tất cả bắt chước nhại lại, rồi bỏ chạy tán loạn. Tôi đi ngay vào vấn đề. Tôi thưa với dì việc mẹ cùng chị Bốn và thím Năm Mùi muốn tản cư lên trên này. Sự vui sướng của dì tràn ra khắp mặt, khắp mũi. Dì hể hả, nói rối rít :

— Phải rồi ! Đúng rồi ! Tránh giặc phải lên đây. Đúng rồi ! Lên đây cho có chị có em. Phải rồi ! Nói với mẹ là dì bảo phải lên ngay. Dì nhường chỗ cho mẹ ở. Nhà trên đó ! Nhà dưới đó ! Ở mấy cho hết. Đám cạn cũng có. Đám sâu cũng có. Trâu heo cũng có. Trên này làm ăn dễ lắm.

Chợt sực nhớ đến mẹ, dì vội vàng hỏi :

— À ! Chớ còn mẹ ra sao ?

Dì trách cái thần hồn thần phách của dì để đâu, nay mới nhớ đến mẹ. Dì hỏi tất cả, từ việc lớn đến việc nhỏ. Mẹ đang làm gì, có già đi không ? Năm nay, làm ăn ra sao, mua được mấy mẫu, mấy sào, có được mấy trâu, mấy lợn, mấy nồi đồng mâm thau ? Mẹ có bệnh đau bụng nay bệnh đó ra sao ? Uống thuốc

gì ? Cắt thuốc nơi đâu ? Có yếu lắm không ? Đi đâu đã chống gậy chưa ?... Hệt như một cơn mưa tháng mười ở Hòa Phước, hễ đã mưa được thì mưa thật sự, mưa suốt buổi... Chị Ba đã dặn tôi nếu ai hỏi gì phải trả lời cho rõ, không được nói không biết. Tôi phải nhớ, phải tìm, phải nói những chữ đại để như : Có thể, tuồng như, nghe đâu... để trả lời cho kịp. Trong lúc đó, dượng Hương Chi ở ngoài đồng về.

Tôi và thằng Cù Lao đứng lên vòng tay chào. Dượng chỉ thoáng gật đầu. Về lạnh lùng, dượng đi thẳng xuống nhà bếp, rứt một lá thuốc khô để trên giàn, đem hơ trên ông táo rồi vấn hút. Rút kinh nghiệm lần trước lên Phú Đa, thằng Cù Lao nhắc tôi nhớ thưa với chủ nhà. Tôi lấy hết can đảm thưa với dượng việc ba gia đình muốn xin tản cư. Dì chen nói trước. Dượng nghe xong « ừ » một tiếng, làm như đó là việc tất nhiên, việc dượng đã biết từ trước.

Dượng hút thuốc xong, bước ra sân vớ chiếc cuốc vác lên vai, yên lặng đi ra ngõ.

Dì chạy vào bếp, thổi tro bay mù mịt, ho lẹc khẹc. Dì nhóm bếp, thổi lửa, vừa hỏi chuyện vừa nấu cơm. Dượng lại về. Dượng vác về một vác sắn củ to vặn vẹo. Dượng vứt mạnh vác sắn xuống sân :

— Nấu cho chúng ăn một bữa !

Dì nói :

— Dượng nhổ sắn về đãi đó.

Tôi và thằng Cù Lao chưa bao giờ ăn sắn được vui như hôm đó. Tôi ở lại nhà dì đến chiều hôm sau, để nghe dì nói chuyện và để trả lời những câu hỏi của dì.

Thuyền về xuôi, không ghé lại Bến Dầu. Dượng Hương Chi đưa tôi lên bến Trung Phước. Dượng tìm thuyền trên đó, xin cho tôi xuôi Phú Đa. Mẹ tôi, chị Bốn và gia đình thím Năm chuẩn

bị « đi một khúc » nữa lên Bến Dầu. Họ gửi lại một số đồ đạc ở Phú Đa. Lại phải xếp, phải gói, phải cột, phải khuân gánh ra bến sông. Tôi và thằng Cù Lao khuân vác đồ đạc xong cho mẹ, cho thím Năm, cho chị Bốn đi Bến Dầu. Thuyền đi Bến Dầu nhổ sào, tôi và thằng Cù Lao quay về Hòa Phước.

2

Tôi và thằng Cù Lao phải gặp ngay ông Bảy Hóa để giúp ông làm một công việc đặc biệt. Chú Năm Mùi còn nói đây là một công việc không phải ai cũng làm được.

— Việc gì hở chú ?

— Đó, mày lại muốn hỏi ! Tao đã dặn từ nay trở đi phải hết sức giữ mồm giữ miệng.

Tôi và thằng Cù Lao đến gặp ông Bảy Hóa. Ông Bảy Hóa cạo bộ râu dài để vào dân quân. Nay ông Bảy để lại bộ râu thấy quen thuộc. Ông Bảy đang loay hoay mài mực tàu, pha đủ các loại phẩm : tím, đỏ, xanh, vàng. Loại nào cũng đầy bát.

— Đến vẽ đó hả ? Chúng bay tay học trò, mềm mại, vẽ được đó.

Ông Bảy vừa nói vừa tháo một cuộn giấy to, đem căng ra trên bộ ván.

— Tao phải phác ra vài nét cái đã.

— Vẽ gì vậy ông Bảy ?

— Rồi sẽ biết.

Ông Bảy ngồi chồm hổm cầm bút chì vẽ nguệch ngoạc một lúc. Ông vừa vẽ vừa ngắm nghía ra vẻ nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng, ông đứng lên nhìn nhìn, lại ngồi xuống vẽ thêm vài nét. Tôi nhìn chăm chú chẳng biết ông Bảy vẽ gì.

Vẽ chi xong, ông Bảy lấy mực tàu kẻ lại.

Thằng Cù Lao chợt kêu to :

— Ông Bảy vẽ ta đánh giặc !

Ông Bảy kẻ một vành tròn. Trong vành ông Bảy vẽ thêm ba cái lỗ. Hai cái to bằng nhau, một cái ở về phía dưới thật to méo xệch. Ông thêm một vài nét, tôi phân biệt được đó là cặp mắt và cái mồm. Ông Bảy kẻ lô mũi, vẽ những mớ tóc dựng ngược. Ông vẽ thêm hai tay hai chân co quắp. Ông Bảy đứng lên nheo mắt ngắm nghía một hồi lâu. Ông vẽ thêm một người thứ hai, người này có một mõm dài, có đôi tai cao quá đầu, có lỗ miệng lỗ mũi to quá cỡ, rất kỳ dị. Ông Bảy vẽ thêm những tay chân đầy lông lá. Người này như đang đè lên người kia. Bất giác, tôi reo to :

— Tranh vẽ Thập điện Diêm vương rồi !

Rõ ràng ông Bảy đang vẽ một quỷ sứ của Diêm vương đang cắt lưỡi một người phạm tội nói láo. Tôi reo quá to làm ông Bảy giật thót như vừa thấy quỷ Diêm vương xuất hiện.

— Vẽ làm gì thứ đó hở ông Bảy? Ông đã đốt tranh Thập điện, thôi làm thầy chùa.

— Ừ ! Tao đã đệ đơn từ chức lên Phật tổ. Đi chơi cho nó sướng ! Nay Phật bắt làm lại. Tao sẽ đặt lại bàn thờ, thờ chư vị Thập điện Diêm vương.

— Đó là việc mê tín. Ông bảo phải bỏ mê tín. Vì...

Ông Bảy cắt ngang :

— Hiểu rồi ! Hiểu hết rồi ! Vẽ đi cái đã ! Thằng Cù Lao bôi xanh cặp mắt này cho tao, thằng Cục phết đỏ cái lưỡi này cho tao. Lưỡi bị cắt nhất định máu phải trào ra ! Bôi đỏ nhiều vào !

Tôi và thằng Cù Lao ngồi xuống chấm mực bôi đỏ bôi xanh, kẻ mắt kẻ mũi thêm râu, thêm lông cổ làm cho quỷ sứ càng dữ tợn, cổ làm cho kẻ bị tội càng quằn quại đau đớn đến cực độ.

Hết cảnh người bị rút lưỡi đến cảnh người bị cưa ra làm đôi, bị moi gan, bị dìm vào vạc dầu sôi, bị nung trên lửa đỏ. Phải mất hai ngày mới hoàn thành bộ tranh Thập điện. Khi treo lên nhiều chỗ cộn nguệch ngoạc mù mờ. Nhưng chính sự vụng về lại tạo được sự ghê rợn. Ông Bảy cười tự hào :

— Diêm vương địa ngục cũng là mình làm ra cả !

3

Tổ thiếu niên công tác gồm sáu đứa. Tổ chia thành hai nhóm. Tôi và thằng Cù Lao ở nhóm 1, thuộc xóm trên. Tổ hoạt động dưới sự điều khiển trực tiếp của chú Năm Mùi. Công tác của tổ theo chú Năm Mùi là cứ gặp đâu đánh đó. Theo chú Năm Mùi, nó có nghĩa gặp giặc đâu là đánh ngay tại đó. Đánh xáp lá cà. Đánh bất cứ lúc nào, bất kỳ ở đâu. Theo anh Bốn Linh, gặp đâu đánh đó có nghĩa là gặp gì làm nấy, làm bất cứ gì, thượng vàng hạ cám đều phải làm hết, làm không được hỏi nhiều, mất thì giờ người khác. Hai cách giải nghĩa đó nghe đều hay cả. Nay việc gặp đâu đánh đó ở ngay trước mắt là tôi với thằng Cù Lao phải nấu ngay một nồi nước chè thật ngon. Sau đó, tôi phải ra đứng ngoài chỗ cây mít mọc ở đầu đàng. Hễ thấy người nào lạ mặt vào xóm tôi phải giả vờ gọi thật to một tiếng : Cù Lao ơi ! Thằng Cù Lao cũng được « gặp đâu đánh đó » bằng cách ngồi đợi như tôi. Nhưng ngồi gác ở đầu đường bên kia. Đúng là có cuộc họp bí mật ! Hôm qua, anh Bốn đi họp ở trên huyện. Nay anh về họp ở thôn. Cố huyện về dự. Có thầy Lê Tảo, cả đội tự vệ, chị Liễu, chị Bảy Cọ, chị Ba, chị Tám Nhự... đến họp đông đủ. Tôi ngồi chỗ đầu kiệt [1] tự nhiên mong có một người

(1) Sau cùng, cuối.

lạ mặt đến để được gọi to một tiếng «Cù Lao ơi !». Nhưng chẳng thấy ma nào cả. Họp xong, chị Ba vội vã đi thẳng ra bến đò. Chị qua đâu bên kia sông, chị dặn chỉ nội trưa mai, chị sẽ về lại. Tôi hỏi chị đi đâu. Chị nói lơ lửng :

— Đi có việc !

Anh Bồn, Linh, chú Năm Mùi cũng sang bên kia sông. Đến khuya, hai người lại lộn về Hòa Phước. Hai người gọi tôi mở cửa. Họ bàn gì với nhau một lúc. Sau đó, họ cùng đến chùa để gặp ông Bảy Hóa.

* * *

Gặp đâu đánh đó còn có nghĩa là gặp việc gì cũng phải làm nước rút, làm ngay, làm cho mau và nhất là phải giữ bí mật. Tôi và thằng Cù Lao phải trút tất cả những bịch ngô đem phơi cho thật khô. Anh Bồn nhắc phải trang ngô thật mỏng, phải lấy mười ngón tay cào qua cào lại, trộn thật đều, phải phơi đến mức giòn tan, phải trộn ngô với tro khô trút vào hũ, đậy kín nắp. Tôi hỏi :

— Làm gì kỹ quá vậy anh Bồn ?

— Đã bảo phải giữ bí mật, không được hỏi nhiều rồi mà !

Anh Bồn Linh lại giao cho tôi và thằng Cù Lao một công tác rất khỏe. Đó là công tác... đi chơi. Anh Bồn bảo chúng tôi thỉnh thoảng phải đi chơi một cái cho nó xả hơi. Đi đến nhà lũ bạn trong làng hoặc cùng chúng ra sông tắm. Chuyện trò thăm hỏi để biết chúng sẽ tản cư về đâu, hoặc có đứa nào ở lại Hòa Phước.

— Để làm gì, anh Bồn ?

— Lại cứ hỏi ! Bạn bè trước khi xa nhau phải hỏi cho biết. Sau này đi đâu, ghé thăm cho nó tiện !

Con đường có nhiều chim...

4

Thằng Cù Lao kể cho bọn chăn trâu nghe việc đi tản cư ở Phú Đa. Chuyện đi thuyền, chuyện trâu Bĩnh bỏ chạy, chuyện đi lấy củi... Qua cách kể chuyện của thằng Cù Lao, mọi việc bỗng mất hết cực nhọc. Tất cả đều hóa thoải mái nhẹ nhàng. Cả việc đi củi cũng đầy mê ly, đầy thích thú.

— Không có xứ nào nhiều củi bằng xứ Phú Đa. Không có gì thú vị bằng đi lấy củi trong núi. Con đường có nhiều chim, toàn những chim lạ. Sao Mai mát quá ! Ao hồ ở đó sáng như gương.

Nghe thằng Cù Lao kể, đứa nào cũng thèm đi Phú Đa một chuyến để được hưởng một cuộc sống đầy vui tươi sung sướng. Có đứa kể cho thằng Cù Lao biết là nhà nó không tính việc đi xa. Giặc đến, nó sẽ chạy qua bên kia sông. Có đứa cho biết tất cả người già và con nít phải dọn đi trước vì hai hạng người đó không chạy được. Những người chạy giỏi đều phải đi sau. Tất cả thứ thật nhà chúng nó hiện nay chỉ còn cái vỏ bên ngoài. Ruột bên trong đã đem giấu. Có đứa còn biết được bà Bảy Đệ đem chôn thùng tiền ngay ở gốc mít. Bà Bảy không tản cư. Mang tiền đi đâu, chẳng bị dòm ngó. Trong lúc loạn ly là nguy hiểm lắm. Đem tiền gửi cho bà con cũng như đem trứng gửi cho quạ. Phải đem chôn. Bà chôn tiền ở chỗ gốc mít. Bà lại moi tiền lên, chôn ngay ở dưới giường. Vẫn chưa được. Bà Bảy lại moi tiền lên, lại giấu nơi khác. Thằng Tân là tổ viên của tổ thiếu niên công tác ở xóm dưới. Nó ở với bà nội vì cha mẹ nó chết hết. Bà nội nó không đi đâu được. Khi giặc đến, nó sẽ cõng bà nó chạy. Nó tỏ vẻ tức giận, tại sao Hòa Phước lại không có một người như ông Thu. Ông Thu đang ngồi nói chuyện với bạn bè ở Sài Gòn, nhưng bỗng chốc lại có mặt ở ngoài Huế, hỏi tội vua Khải Định bảy điều. Pháp đưa một vạn lính vây bắt. Ông Thu nhảy ngồi dưới sông. Pháp bắt chặt hết tre của thiên hạ

thả kín trên sông. Sau mười ngày, bọn Pháp tưởng ông đã chết. Chúng sai dỡ tre. Không ngờ, ông Thu ở dưới sông nhảy lên cười ha hả rồi bay đi mất ! Hòa Phước có một người như ông Thu thì giặc không có cách gì đến được. Tất cả đều cho là khi giặc đến đều phải chạy. Không thể nói như ông Cửu Sang : Tại mình đánh nó nó mới đánh mình. Mình không đánh nó thì thôi, có việc gì đâu phải sợ, phải chạy ! Bọn chăn trâu nói nhỏ với nhau, có người không tản cư thì ở trên đưa giấy bắt phải tản cư. Thằng Tân hạ thấp giọng :

— Ở trên đưa trát về bắt ông Cửu Cung tống giam rồi !

Tất cả lặng im, tưởng như có bóng địch lởn vởn đâu đó !

* * *

Từ hôm cả nhà đi sơ tán, buổi tối, tôi sang ngủ với thằng Cù Lao ở nhà anh Bốn Linh. Anh Bốn Linh ngủ suốt buổi sáng, hai tay ôm đầu. Đầu dính đầy đất, đất đỏ bết vào tóc. Thường vào lúc xẩm tối, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành kéo anh Bốn đi đâu. Gần sáng, anh Bốn mới về, lăn kềnh ra ngủ. Tôi theo dõi biết họ đi vào chùa. Vào chùa làm gì suốt đêm họ không bao giờ cho biết.

Anh Bốn Linh khi giao việc đã dặn kỹ : Phải giữ bí mật. Nhưng khi biết được cái bí mật, tôi cứ muốn khoe. Nhất là khi có đứa nói những điều bí mật của nó cho tôi nghe. Lúc đó, cái bí mật trong bụng bỗng nhiên sôi sục, cứ chực hở nắp. Tôi ngứa mồm ngứa miệng muốn nói điều bí mật của tôi cho nó biết. Nhất là những điều bí mật tôi đã làm, giữ kín trong bụng là điều rất khó. Khi đi ngang qua nhà bà Kiên, tôi chỉ thằng Cù Lao thấy mấy đống đất vừa đỏ hỏi xa hỏi gần :

— Đồ Cù Lao, đất kia ai đổ đó ?

Thằng Cù Lao trả lời cho có chuyện :

— Người ta đổ đó. Đào đất dưới lỗ đem đổ lên trên đó.

— Không biết hả ?

— Không biết.

— Tao đổ đó.

Tôi nói cho nó biết chính tôi và anh Bảy Hoành đã đào nhiều hầm để giấu những hũ đựng thóc. Anh Bảy đã đào ngay dưới bếp của bà Kiến một cái hầm bí mật, có ngách hẳn hoi. Anh Bảy vừa đào vừa xúc đất vào mủng mang đặt ra trước sân. Tôi mang đất từ trước sân đem đổ ra ngoài vườn. Anh Bảy dặn việc anh anh làm, tôi không được chạy vào dòm ngó. Tôi phải để ý chung quanh. Nếu có ai đến, tôi phải ho lên một tiếng cho anh Bảy biết. Đã làm một việc bí mật như thế, quan trọng đến thế, làm sao tôi giữ kín nổi trong bụng không cho người bạn chí thân tôi biết.

* * *

Anh Bảy Hoành khi rúc lên khỏi hầm đầu dính đầy đất, tóc tai bết đất. Tôi đã hiểu vì sao anh Bốn Linh đầu bị dính đất. Anh cũng đi đào hầm bí mật ở nơi nào đó. Lúc khoét những hàm ếch, đỉnh đầu bị xát vào thành đất. Tôi nói với thằng Cù Lao :

— Này Cù Lao ! Đúng là anh Bốn Linh đã đi đào hầm bí mật.

Thằng Cù Lao gật đầu. Thằng Cù Lao thú thật với tôi lắm lúc nó cứ muốn nói toạc những điều bí mật cho tôi nghe. Nó cũng thấy tôi hay thổ lộ những bí mật. Đó là những khuyết điểm rất lớn. Anh Bốn Linh bảo tôi với nó phải chừa. Nhưng làm cách nào để chừa. Ở Hòa Phước người ta bắt phải thề, thề hộc máu, trào cơm, thề rất độc để xin chừa. Chỉ có một cách là phải thề độc mới chừa nổi. Ngoài cù lao Chàm cũng vậy, người đi

làm bậy, cũng bắt thề độc để xin chừa. Trước đây, đứa nào rúc vào chùa hái trộm ổi của ông Bảy Hóa, ông bắt được, bắt phải thề rất độc địa để chừa. Ông Bảy Hóa bắt thề :

— Trên trời có Ngọc hoàng thượng đế, dưới đất có chư vị quỷ thần làm chứng, từ nay trở đi tôi không rúc vào chùa hái trộm ổi của Tiên của Phật nữa !

Ông Bảy nghiêm sắc mặt dằn từng tiếng :

— Nếu còn trộm ổi thì bị tội gì ?

— Thì khi chết xuống âm ti tôi sẽ bị quỷ sứ mổ bụng, moi gan. Sau đó, bị cưa ra làm hai khúc, bị nấu trong chảo dầu sôi.

Ông Bảy chưa thi hành án, chỉ treo một cái án thuộc cấp đại hình như vậy. Khi án treo treo xong, ông Bảy hỏi :

— Nhớ mãi chưa ?

— Nhớ mãi.

Thế là ông Bảy thả cho đi. Phải thế thật độc địa vì bản án treo càng nặng bao nhiêu thì sự sửa chữa càng có hiệu lực bấy nhiêu. Những bản án treo của ông Bảy Hóa quá ghê gớm nhưng lại viển vông. Đối với những đứa liều nó chả sợ. Tôi và thằng Cù Lao phải tìm ra một bản án thực tế hơn, nhiều đau xót hơn. Tôi nhớ lại cái đã làm tôi đau xót, quả đắm, cục u, ngón đá. Có lúc phải rên rỉ, phải đi cà nhắc vài ba hôm. Nhưng vẫn chưa ăn thua. Cái làm tôi bị xót ghê gớm, làm cho tôi hóa dữ tợn, hóa tướng du côn, chính đó là bị cạo trọc đầu. Con dao cạo của ông Bảy Hóa như lóc từng mảng da. Tôi nói :

— Đúng là cái cạo trọc ! Chúng ta thế bị cạo trọc, Cù Lao ơi !

Thằng Cù Lao nhất trí cho đó là một hình phạt ghê gớm. Nó từng bị cạo trọc nên thông cảm ngay với một hình phạt như vậy. Tôi đứng ra vòng hai tay trước rốn, mắt nhìn xuống đất nói lí nhí :

— Trước mặt Cù Lao, tôi xin thề từ nay trở đi tôi phải giữ mồm giữ miệng. Nếu tôi còn thói mách lẻo, tôi phải chịu cạo trọc đầu.

Thằng Cù Lao cũng đứng ra thề tiếp theo :

— Trước mặt anh Nguyễn Văn Cục, tôi xin thề : Từ nay trở đi tôi phải giữ mồm giữ miệng. Những gì anh Bốn đã dặn, tôi phải vâng theo. Nếu phạm kỷ luật tôi xin chịu cạo trọc đầu.

Thật là mầu nhiệm ! Từ khi thề xong, tôi và thằng Cù Lao không còn ngứa ngáy muốn nói những chuyện bí mật nữa !

CHÚNG ĐẾN NHÀ

I

Anh Bồn Linh nói chuyện với chú Năm Mùi về tình hình chiến sự. Bọn Pháp ở Đà Nẵng muốn tốc chiến tốc thắng, nhưng làm không nổi, vì du kích ta hoạt động mạnh lắm. Bốn tháng đã qua, chúng chỉ ra đến Túy Loan. Ta đánh rát-dữ ở Gò Cà, chặn đứng chúng lại. Dù chúng có đến Ái Nghĩa, Hòa Phước vẫn còn nhằn nha được. Đến đâu, chúng còn phải có thì giờ cho Việt gian thám thính đi trước cái đã. Trong giai đoạn vừa qua, mọi người phải « quýnh trống chiến ». Ở trên bảo gì thì đã « chúi mũi chúi lái » làm hết cả rồi. Chẳng còn gì phải lo lắm nữa.

Chú Năm Mùi rung đùi :

— Mệt bở hơi tai. Cứ tạm vậy đã. Kề ta là kẻ lâu dài, ăn làm còn lâu. Rồi đây, ta cứ tỉa dần ! Chỗ này vài đứa ! Chỗ kia vài đứa ! Ít cũng hóa nhiều ! Ai cũng làm được ! Biến hóa vô cùng ! Thật là Khổng Minh chi kế !

Chú Năm Mùi, nói xong nhìn ra ngoài thở phào. Trời Hòa Phước trong xanh. Lơ thơ vài chòm mây trắng đứng im, tưởng không bao giờ thay hình đổi dáng. Một cánh buồm trắng nhô sau bãi dâu lấp lánh.

Trên cây sung, bọn cà cưỡng đang líu lo trò chuyện. Chợt có tiếng ông Kiểm Lài gọi gấp bên kia rào :

— Anh Bồn ơi ! Giặc đến ! Giặc đến !

Anh Bồn Linh đứng lên hỏi :

— Gì vậy, ông Kiểm ?

Tiếng ông Kiểm hoảng hốt :

— Giặc đã đến trên đàng cái mới rồi !

— Đàng cái mới nào ?

— Đàng cái mới chỗ Ái Nghĩa !

— Thiệt không ?

— Thiệt mà !

Ông Kiểm Lài nói chưa dứt lời, chợt tiếng nổ ình oàng vang động. Tiếng nghe gần lắm ! Chốc chốc lại vang lên tiếng tạch, tạch ! Anh Bồn Linh rút cây kiếm đặt trên phên, cùng chú Năm Mùi bước ra ngõ đi xuống xóm dưới. Tiếng trống báo động phía Giao Thủy nổi lên. Anh Bảy Hoành, ông Bảy Hóa, đội tự vệ vác mã tấu chạy băng qua đồng về phía chòm đa Lý. Tiếng báo động của Hòa Phước nổi lên. Tôi và thằng Cù Lao giúp chị Ba vứt những đồ đạc còn lại xuống hầm, mang nồi niêu, gạo muối theo chị Ba ra đến đò Hòa Phước. Bà con trong làng gồng gánh đồ về phía sông. Dượng Hương Thư đã bố trí nhiều đò chờ sẵn. Tôi ngồi trên đò quay nhìn lại. Hòa Phước vẫn im lìm trong tre mít. Xa xa, sau Hòa Phước một vài cột khói đang đứng lặng im.

Tôi và thằng Cù Lao theo chị Ba qua đò Hòa Phước. Tôi cứ yên trí chị Ba đi thẳng lên chỗ mẹ đang tản cư. Nhưng chị Ba lại rẽ vào một con đường kiệt. Tôi hỏi gì chị Ba cũng cứ im lặng. Chị theo con đường nhỏ ngoằn ngoèo dẫn đến một xóm hẻo lánh tên là xóm Cây Thị. Ở đó một chị trạc tuổi chị Ba, nhai trầu nhóp nhép chờ sẵn. Chị hỏi rồi rít cái gì « bên đó nổ dữ quá » làm chị hoảng hồn. Chị đưa chị Ba đi quanh xóm, chỉ chỗ ở cho anh Huynh nào đó, chỗ ở cho anh Bồn Linh và đội tự vệ, cách bố trí lối ra vào.

Bất giác, tôi nói :

— Anh Bồn đã tản cư lên Bến Dầu kia mà. Chị Bồn ở trên đó.

Chị Ba quay nhìn tôi. Cách nhìn của chị Ba làm tôi hiểu tôi nói lạc đề, không phải nói những chuyện như vậy. Chị Ba đến một ngôi miếu ở trên đồi gọi là miếu Đôi, đứng nép dưới một cây thị lâu đời. Trong miếu chỉ có toàn giường. Có đến sáu chiếc giường nhỏ, trải chiếu mới. Bên tường dựng hai chiếc đòn khiêng và hai chiếc võng. Chị Ba nói với chị nhai trầu :

— Việc chúng mình bàn hôm nọ thế là xong ! Chỉ còn việc tìm người tiêm kim và băng bó. Đó là việc của các anh ở huyện.

Tôi nghĩ việc tản cư ở đây không giống như ở Phú Đa. Ở đây khi nhức đầu sổ mũi đã có người tiêm kim. Khi ốm đau có giường chiếu để nằm chữa bệnh. Không phải làm giường làm chiếu như chú Năm Mùi ở Phú Đa lần trước.

Thầy Lê Tảo vừa tản cư qua sông ở gần xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị chỉ cách Hòa Phước có một con đò, chỗ chị Ba và chúng tôi đang ở cách Hòa Phước chỉ hai cây số. Thầy Lê Tảo cho biết rõ là giặc mới đến Ái Nghĩa, chưa đến Hòa Phước. Ở Ái Nghĩa chúng cạnh súng cối nã khắp chung quanh. Đạn súng cối bắn từ Ái Nghĩa một quả nổ ở Hòa Phước. Thấy ở bên Hòa Phước vừa sang. Anh Bồn Linh bên đó có nhắn cho chị Ba phải tìm mua thêm một sổ bông sạch hạt, mười ve dầu Nhị thiên trị cảm. Cứ cho tôi và thằng Cù Lao mang về Hòa Phước, đem giao cho bà Kiến. Giặc chưa đến, cần đưa sang ngay. Chị Ba mua bông với dầu, bỏ vào hai cái bọc. Ăn sáng xong, tôi và thằng Cù Lao đi Hòa Phước. Thằng Cù Lao ôm bọc bông đi trước. Tôi cầm bọc dầu đi sau. Ra đến bến vừa gặp đò. Như vậy là điểm may. Đò thưa đi càng thích. Tôi bước lên đò đến ngồi ngay trước mũi. Gió sớm mát rợi. Sông Thu Bồn tỏa một màu xanh xanh đến cuối trời, có chỗ viền một đoi cát trắng phau, có nơi hòa lẫn với màu xanh của bãi bồi. Thằng Cù Lao khom lưng cúi xuống sông đưa tay khoắa nước :

— Lúc về tắm một cái cho mát !

Chợt một tiếng đoàng, như sét đánh. Cột sông của thằng Cù Lao bật đứng. Nhiều tiếng nổ dữ dội tiếp theo. Những tràng súng máy nghe gần lắm. Tôi hoảng quá, nhảy phóc lên bờ. Thằng Cù Lao kéo tôi chạy nép vào một bụi bới ngồi dòm ra. Bên kia sông, một cột khói cuộn lên, lại một cuộn khác to hơn... Thằng Cù Lao giật thót :

— Lửa ! Nhà cháy rồi ! Lửa ! Lửa !

Tôi trố mắt nhìn. Một ngọn lửa chốc chốc lóe lên. Tôi và thằng Cù Lao đoán ngọn lửa ở về xóm giữa. Khói ùn lên, rồi như đứng im lại. Một chốc sau, những tràng súng liên thành thưa dần. Lẻ tẻ tiếng súng bắn từng phát một.

Thằng Cù Lao nói vào tai tôi :

— Súng trường và lựu đạn của ta nổ đó !

Đến trưa, tiếng súng bên kia sông vẫn chưa im hẳn. Khắp sông không có một bóng thuyền. Đò cũng đã trôi đi đâu. Ông lái đò cũng biền mất. Tôi và thằng Cù Lao buộc phải quay về xóm Cây Thị.

Phần đông đồng bào Hòa Phước không tản cư xa. Họ qua sông, đi vài cây số rồi dừng lại. Còn tính ban đêm phải quay về làng đào khoai trỉa ngô nuôi sống. Chị Ba bảo tôi và thằng Cù Lao đi quanh một vòng xem những ai tản cư quanh xóm Cây Thị. Chúng tôi đi một vòng vào các chợ. Khi gặp bà con ở Hòa Phước, họ thường hỏi :

— Nhà mày có cháy không hở Cục ?

— Dạ, cháy rồi !

— Nhà tao, chúng cũng đốt rồi !

Tôi và thằng Cù Lao bắt chước chú Năm Mùi :

— Của mất nhưng người còn là quí lắm ! Sau này độc lập về dựng lại cái khác tốt hơn !

— Khổ quá mày ơi !

Tôi và thằng Cù Lao lại bắt chước anh Bồn Linh :

— Có khổ mới biết cái sướng. Khổ trước sướng sau thì hơn.

Có người trả lời :

— Bọn mày còn con nít thề mà giỏi ! Nói tao nghe được !

Trâu bò đi đứng đình ngoài đàng vẻ đầy suy nghĩ. Lợn thu hình nằm trong giỏ, trong chum, biết thân phận mình, chỉ ụt ịt khe khẽ. Bọn chăn trâu đi tản cư gặp tôi và thằng Cù Lao cứ reo ầm như lâu lắm mới được gặp lại ! Đứa nào cũng cho nhau biết những tin tức ở làng, chuyện giặc đốt nhà cướp của, chuyện giết trâu.

Tôi và thằng Cù Lao gặp ông Hai Di mới vừa tản cư sang.

Tôi hỏi ngay :

— Nhà ông có bị đốt không ?

— Nhờ trời phù hộ, nhà không bị đốt !

Tôi hỏi :

— Giặc thế nào ?

— Tây mũi lõ đông lắm. Chúng bắn loạn xị loạn xạ. Chúng đốt nhà mày rồi, đốt nhà anh Bồn Linh nữa. Nhà khác chưa cháy. May có ông Nguyên ! Ông không sợ súng. Ông xông vào các đám cháy. Ông nhảy lên mái nhà tốc tranh. Ông chặt chuối ném lên mái nhà. Ngọn lửa không bắt được.

Ông Hai Di xắn quần đưa ra một ống chân bị phỏng lửa :

— Tao liều mạng chạy theo ông Nguyên đạp lửa, bị phỏng chân đây này !

Ông Hai kể tiếp :

— Ta tung lựu đạn. Chúng nhào lăn ! Chết nhiều lắm !

— Chúng vào nhà bà Đệ cướp hết tiền của bà rồi !

— Tiền của bà chôn dưới đất mà ! — Thằng Cù Lao hỏi.

— Chúng có đứa chỉ điểm, lại còn có mày rà nên chúng biết hết. Bà cũng khôn, đem chôn tiền dưới chuồng heo. Nhưng không đâu bằng bọn giặc hở mày ? Bà liều chết xông đến giật tiền lại. Chúng bắn, đoàng ! Nhờ thánh thần, bà không trúng đạn. Tao khen ông Tư Đàm. Ông Tư Đàm khăn áo chỉnh tề, cúi chào các quan lớn. Ông nói với giặc là ông có đến mười mẫu ruộng, có năm đôi trâu. Cộng sản đã lấy hết của ông. Nay nhờ các quan về, mối thù này ông phải trả. Nhưng ông còn sợ. Vì Cộng sản đông quá. Lính Cộng sản có đến năm trăm thằng có đủ súng ống. Chúng đào hầm khắp các bờ bụi đang núp trong đó. Chúng đợi thời cơ. Xin các quan lớn cứ đào chỗ bờ bụi lên mà coi. Hễ ông nói sai thì xin đưa đầu để các quan lớn chặt. Bọn giặc nghe vậy nháy nhau rút lui.

* * *

Tôi và thằng Cù Lao rúc vào các xóm quanh xóm Cây Thị. Đồng bào nhiều xã gần Hòa Phước cũng tản cư sang bên này sông. Có người quen quen. Có người tôi biết cả tên họ. Những người này từng nổi danh khắp tổng. Trước đây, có lúc họ đi ngựa hoặc đi cáng qua làng, đến đâu ai cũng biết. Họ có nhiều tiền nhiều của hoặc có chức tước. Có người bốc thuốc giỏi, đánh quyền giỏi, học hành giỏi, nói láo giỏi cũng được nhiều người biết. Khi họ đến Hòa Phước, trẻ con biết được, kéo nhau đi xem để thấy mặt. Đồng bào bên này sông khác nhau dân Hòa Phước có nhiều tiền. Đất Hòa Phước là đất dâu tằm. Chỉ bán một bó tơ cũng đổi được một bó bạc. Họ đi tản cư lè kè bên hông những bị bạc to tướng. Cũng đồng bào bên này sông khác nhau là dân Hòa Phước nghèo xơ nghèo xác, cũng vì nghề tằm. Hễ thua tằm là phải bán vợ đợ con. Đi tản cư không mang theo được lon gạo, để bọn trẻ con nhếch nhác.

Có tin đồn là ta vừa bắt được thằng Việt gian, mặt mày quá dữ tợn. Nó trà trộn với dân tản cư để điều tra tình hình. Nó vào chợ, cặp mắt láo liên. Ta cho người theo dõi. Quả nhiên nó là gián điệp. Ta đã tóm cổ rồi. Tại sao ta không chặt đầu, mà lại đưa đi đâu ! Lại có tin khác không phải bắt một Việt gian mà bắt cả một lũ Việt gian. Có đứa ăn mặc sang trọng còn hơn nhà giàu. Có đứa ăn mặc rách rưới như bọn ăn mày ở chợ. Bọn trẻ con có đứa đã bắt được đứa chỉ điểm. Nó làm hiệu cho máy bay đến bắn. Được thưởng to lắm. Chúng tôi len lỏi trong các xóm lại thấy hiện ra một con sông. Thì ra cũng là sông Thu Bồn. Con sông đằng xa, vạch một nét thẳng tắp giữa hai bờ cát trắng. Con sông vẫn thấy thân quen như tôi đã thấy từ bao năm về trước. Bên kia sông là Hòa Phước kéo thành một vệt xanh thẳm. Hòa Phước trông xa lạ, âm u như một nơi nào khác. Thường lệ vào lúc xẩm tối bọn địch ở Đà Nẵng nổ một loạt súng. Địch ở Giao Thủy cũng nổ một loạt súng nghe gắt gỏng hơn. Những chùm pháo sáng từ đồn Giao Thủy bay lên, tỏa lơ lửng một thứ ánh sáng rất rợn, rồi phụt tắt. Ở tận cuối trời, một đám cháy lóe lên vàng rực. Ngọn lửa lòe dần tỏa cao, mờ dần rồi tắt biến. Nhiều đám cháy nổi lên chỗ khác. Có ngọn lửa tưởng đã tắt nhưng rồi vụt cháy lại, và cứ sáng đi sáng lại vài ba lần mới chịu tắt hẳn. Có đám cháy gần hơn, cách sông Thu Bồn khoảng năm ba cây số. Ngọn lửa loang ra làm ửng sáng cả một vùng. Tôi nghe cả tiếng nổ, và tưởng như nghe có tiếng hô tiếng thét từ những đám cháy đó bay lại theo chiều gió.

2

Chị Ba cho biết đội tự vệ Hòa Phước đã phân tán ra nhiều nơi, ghép vào nhiều đơn vị của xã, của huyện. Tiểu đội của Hòa Phước bổ sung thêm nhiều đội viên mới. Theo chị Ba, thằng

Cù Lao được cấp trên nhận xét tốt. Nó thuộc thành phần cố nông. Cha nó từng bị lý trưởng đánh đòn phải bỏ làng ra ở ngoài biển Đông. Cha con do đó đã nung nấu ý chí cách mạng. Nó bơi giỏi, lặn giỏi, chạy giỏi, có cặp mắt tinh, có lỗ tai thính, tất cả ngõ ngách ở Hòa Phước nó đều biết hết. Về tôi, cấp trên nhận xét đang còn láu táu, thô lỗ, vụng về. Nhưng qua việc làm vừa rồi thầy tôi cũng có cầu tiến bộ. Trong việc đi lấy củi, việc lên xuống Phú Đa chứng tỏ tôi cố nhớ đường, và khi tập bơi tôi không bị uống nước.

Với những khả năng như vậy, tôi và thằng Cù Lao có thể lo việc tiếp tế cho đội tự vệ ở tiền tuyến và cho cả hậu phương. Tôi sốt ruột hỏi :

— Làm tiếp tế là làm gì chị Ba ?

— Bên Hòa Phước, bông băng đang cần. Mày và thằng Cù Lao đưa bông băng tiếp tế. Mắm muối ở Bến Dầu cũng đã hết. Mày và thằng Cù Lao gánh mắm, gánh muối lên cho thím Năm và chị Bồn. Anh Bồn vừa đưa tin về là giặc đã tạm rút. Mày và Cù Lao phải về ngay Hòa Phước. Phải mang muối qua vì muối dự trữ bị tan ra nước. Mang bông băng qua nữa. Đợi trời tối hãy đi. Ban đêm giặc về hết trong đồn, ta tự do qua lại.

* * *

Tôi và thằng Cù Lao ra đến bến đò thì đã xẩm tối. Trời không một đốm sao. Mây bỗng kéo đen kịt. Sắp có mưa. Con đò lướt khe khẽ như đang dè dặt phải đi vào một thế giới đông đặc bóng tối. Gió thổi càng mạnh, mưa bắt đầu đổ. Tôi bước xuống đò, hai tay ôm chặt gói bông băng cứ lướt thẳng về phía trước. Thằng Cù Lao theo sát chân tôi. Tối đến ngửa bàn tay không trông thấy. Qua hết bãi cát, tôi lên một cái dốc thoai thoải. Lên đến hết dốc phải đến bãi dâu. Đi hết bãi dâu phải băng qua một con rộc. Chỗ nào chân cũng giẫm lên cỏ với nước.

Không còn phân biệt được chỗ nào là dâu, chỗ nào là rộc nữa. Nếu đã qua hết rộc thì phải gặp dốc. Hết dốc là vào làng. Nhưng tại sao đi đã lâu lại chưa đến dốc. Nếu không đến đúng chỗ dốc thì ít nữa phải gặp một triền cao và đứng thẳng như một bức vách. Quái lạ ! Chẳng gặp dốc gặp vách đâu cả. Trời không có một ánh sao, chung quanh tối như quánh lại, không phân biệt được đâu là đâu cả. Thằng Cù Lao cho tôi đã đi lạc hướng. Nó nhớ lại con rộc nhờ một thung lũng chạy vòng quanh Hòa Phước. Có lẽ chúng tôi đã đi dọc mãi theo thung lũng, và đã đi chếch về phía trên làng. Tôi vừa đi vừa sờ soạng. Thằng Cù Lao tính lại là phải đi đâm ngang, rẽ về phía tay trái. Hễ chạm phải vách đất là cứ bám đất leo lên. Quả nhiên, đi một đoạn trán tôi va vào vách đất. Chúng tôi bám đất leo lên. Tôi thở phào. Ngay trước mặt đã là xóm trên của Hòa Phước. Tôi và thằng Cù Lao lò dò cứ đi thẳng về phía trước, lúc băng qua những đám mía tơ, lúc giẫm lên những đám bùn, biết đang đi trên một cánh đồng. Tôi vấp vào một mô đất. Gói bông băng văng tung. Thằng Cù Lao sờ soạng khắp chung quanh, chỉ tìm được gói bông. Gói băng bay đi đâu mất. Phải tìm cho ra. Thằng Cù Lao nhớ lại chị Ba có cho nó ba que diêm. Nghe có ba que diêm cũng bằng nghe có ba thỏi vàng. Thằng Cù Lao reo lên :

— Diêm chưa ướt lại có giây đây nữa !

Ba que diêm sột soạt rất khẽ trong bao diêm nghe rất êm tai. Một tiếng «soạt». Que diêm bật lửa, nhả một tí khói, cháy to hơn. Nhưng đột ngột ngọn lửa bé lại rồi tắt ngấm. Tôi và thằng Cù Lao bật một tiếng tặc lưỡi tưởng như đã tiếc một con chim qui vừa bay đi mất. Tôi quay lại, ngồi chồm hổm chắn hướng gió, nắm tay thằng Cù Lao chỉ phải đánh diêm vào chỗ lỗ rốn của tôi. « Soạt » một tia lửa bật sáng. Tia lửa ôm yếu, do dự. Tôi nín thở. Đốm lửa bé thơ lớn dần lên. Thằng Cù Lao rút giấy đặt vào cho lửa bắt, nhưng ngọn lửa cứ dừng dưng, leo lắt rồi tắt biền.

Tôi hỏi, tuy đã biết rõ :

— Còn một que nữa chứ Cù Lao ?

Tiếng thằng Cù Lao nhỏ lại :

— Chỉ một que ! Phải giấy thật khô mới được !

Có tiếng xé giấy rồi một tiếng « soạt » rất khẽ. Que diêm bật sáng. Tia lửa bắt cháy đầy hy vọng. Tôi ôm sát ngọn lửa vào lòng. Thằng Cù Lao đưa giấy cho lửa liếm. Lửa liếm sang giấy, lớn dần. Ánh sáng tỏa ra. Tôi cố nhìn xung quanh xem thử gói băng rơi ở chỗ nào. Chợt một cơn gió đột ngột nổi lên. Ánh sáng phụt tắt. Đất trời như một cái vung đậy lại kín mít. Chúng tôi không hiểu được hiện đang ở chỗ nào và Hòa Phước ở nơi đâu ? Cái rét bắt đầu thấm vào người. Thằng Cù Lao bảo tôi cứ đi về phía trước nhất định sẽ gặp xóm làng. Tôi đứng dậy bước khập khễnh. Chợt có một tiếng quát vang dội :

— Đứng lại !

Tiếng hô « bắt lấy nó » vang to.

Tôi hoảng quá nổi la làng.

Có tiếng quát :

— Ta hay là địch ?

— Là ta, là ta đây !

— Làm gì ở đây ?

— Ở Hòa Phước đi lạc vào đây !

— Đúng là Cộng sản rồi ! Tóm cổ lại. Đưa về đồn cho ông lớn !

Người tôi nghe lạnh toát. Tôi đã đi lạc vào hang ổ của giặc. Một thằng chộp tay tôi dắt tôi đi. Thằng Cù Lao bị dắt theo sau. Bọn giặc bắt tôi rút qua một nơi tối mịt. Chúng đẩy tôi chui vào một nơi kín mít. Bên trong chỉ một ngọn đèn dầu lờ lói. Chúng bắt chúng tôi ngồi im. Bên ngoài có tiếng chân bước, có tiếng hỏi to :

— Thằng Cục, thằng Cù Lao đó phải không ?

Nếu không phải là ma quỷ giả tiếng người thì đó là giọng nói của chú Năm Mùi. Giọng nói tôi quen nghe từ thuở nhỏ ! Tôi không còn giữ được nữa, reo to :

— Chú Năm ! Chú Năm !

Chú Năm chạy đến quàng tay vào cổ chúng tôi, hỏi đầu đuôi câu chuyện. Chú bước ra ngoài đi lấy áo quần khô, bắt chúng tôi phải thay ngay quần áo bị ướt. Áo quần chú Năm đưa rộng thùng thình. Rõ ràng chú Năm Mùi đang ngồi cạnh chúng tôi. Tôi và thằng Cù Lao bật cười. Tôi hỏi chú Năm đây là đâu, chú làm gì ? Chú Năm cười bảo chú đang ở trên một đám đất của một làng. Làng đó ở trong một tỉnh, tỉnh đó của nước Việt Nam. Chú đang cùng một số người khác ở lại đây để đánh ma quỷ. Những người vừa bắt tôi và thằng Cù Lao đều là người của ta cả.

Tôi và thằng Cù Lao được chú Năm Mùi gọi dậy để về Hòa Phước. Trời chưa sáng. Chúng tôi theo chú Năm đi về hướng sao Mai lấp lánh. Tôi đoán có lẽ đêm qua tôi và thằng Cù Lao đã đi lạc đến gần chòm đa Lý. Chú Năm dặn dò những việc cần giữ bí mật và việc cần làm trước khi về lại xóm Cây Thị. Đi được một quãng, chú dừng lại, chỉ cho chúng tôi cứ đi thẳng về phía trước. Chú Năm quay lại. Tôi không biết chú Năm đi về phía nào.

Trời sáng dần. Hòa Phước hiện ra trước mặt. Không có tiếng gà gáy, chó sủa, chim kêu. Không có khói bốc trên mái rạ như trước. Hòa Phước nom như một nơi nào lạ. Ở xóm trên, các lối đi bị xóa mất. Nhìn lâu mới nhận ra nhà tôi ở vào chỗ nào. Nhà dưới của bác Úc như dính liền với nhà ông Kiểm Lài. Trước kia, hai nhà có một bờ rào ngăn đôi. Rào giậu bị hạ. Những nhà còn lại như bị dời sang một chỗ khác. Nhà trên của tôi và của anh Bốn Linh cháy trụi, chỉ còn nhà bếp. Nhà khác bị xiêu hoặc bị lủng mái, sụt phên. Cây cối bị chặt, bị ngã. Tất cả ngổn ngang.

Tôi và thằng Cù Lao đến nhà bà Kiến dòm vào bên trong. Bà Kiến quấn kín trong chiếu. Tôi gọi :

— Bà Kiến ơi !

Vẫn im lặng. Tôi gọi to hơn :

— Bà Kiến ơi !

Cũng vẫn im lặng. Tôi rúc vào nhà, đến bên giường, vỗ vào chiếu :

— Bà Kiến ơi ! Ngủ đã dữ ! Thằng Cục và thằng Cù Lao về đây này.

Chiếc chiếu bật ra. Bà Kiến ngồi dậy, nhìn chúng tôi sửng sốt, miệng tròn như một chữ O.

Tôi nói.

— Không phải giặc đâu !

Bà Kiến giật thót, nhìn chúng tôi, cặp mắt trắng dã. Bà hoảng quá, lùi dần về phía sau, chắp hai tay, miệng lâm râm :

— Nam mô phật ! Vong hồn hai cháu đừng về phá bà tội nghiệp !

Thằng Cù Lao nói to :

— Cù Lao và Cục đây mà !

— Nam mô phật ! Mô phật ! Hồn phải cho khôn chớ đừng có dại. Đừng về phá bà, tội nghiệp !

Tôi cãi lại :

— Bà nói gì như điên vậy ! Có ai chết đâu !

— Thằng Cù Lao đã chết rồi ! Thằng Cục đã chết rồi ! Chú Năm Mùi nói rồi. Chúng đã chết lúc qua sông rồi ! Máy bay bắn chúng chết rồi ! Bà chiêm bao thấy chúng về nói cho bà biết rồi ! — Bà Kiến rên rỉ, cố giữ không để bật tiếng khóc.

Tôi cãi lại :

— Hai đứa còn sống sờ sờ đây này ! Còn nguyên đây này !

Thằng Cù Lao lấy ra những áo quần ướt đưa cho bà Kiến xem :

— Nếu đã chết rồi, làm sao có được đồ ướt này ! Hôm qua có mưa, nhớ không ?

Thằng Cù Lao lại móc túi rút ve dầu Nhị thiên của chị Ba cho, xoa dầu vào lỗ mũi bà Kiến chứng minh :

— Người chết làm sao có được dầu này !

Bà Kiến vẫn chưa hoàn hồn :

— Có thiệt là hai đứa đây không ? Nhưng sao khác quá !

Tôi nhìn lại thằng Cù Lao. Quả thật tôi thấy nó khác quá. Tôi phì cười. Quần áo của chú Năm đưa thay cỡ quá rộng, làm nó hóa lạ. Thằng Cù Lao nhìn tôi. Nó cũng bật cười vì cái áo tôi mặc dài quá đầu gối. Thằng Cù Lao xổ gói áo quần bị ướt, nói :

— Tối qua hai đứa bị ướt, chú Năm bắt phải cởi đồ ướt, phải mặc những thứ thùng thình này. Áo quần ướt đây này. Chú Năm dặn về đây phải phơi ngay quần áo ướt để mặc về. Áo quần chú đưa phải gởi lại đây. Chú Năm sẽ đến lấy. Nói vậy, nghe đã rõ chưa ?

Bà Kiến thấy tôi và thằng Cù Lao cười nói tự nhiên đã tươi tỉnh lại. Bà sờ tay tôi và tay thằng Cù Lao thấy nó ấm như những bàn tay của người sống. Bà cười héo hắt. Rồi đột ngột bà nổi khóc òa.

Bà Kiến kể lại chú Năm Mùi bảo với bà rằng tôi và thằng Cù Lao bị chìm đò. Chúng tôi chìm nghỉm xuống sông, sau đó, không thấy ngoi lên lại. Chúng tôi đã trôi về biển Đông. Ai hỏi bà cứ trả lời như vậy. Cả gia đình tôi cũng không còn ai nữa, cũng chẳng thấy ai trở về Hòa Phước cả.

Chú Năm Mùi dặn tôi và thằng Cù Lao suốt buổi sớm không được ra khỏi nhà. Phải đề phòng có giặc đi lùng. Có giặc đến, phải xuống hầm bí mật. Đã có bà Kiến hướng dẫn. Đợi chiều xế mới ra mót ngô ngoài bãi dâu. Giờ này giặc không đi đâu nữa. Đến tối, chúng tôi ra chờ đò ở cuối Hòa Phước để về xóm Cây Thị.

3

Xóm Cây Thị bên ngoài cũng như tất cả xóm khác. Cũng là những cây mít, cây chuối, cây cau. Cũng những nhà tranh. Mỗi buổi sáng sớm, con gà trống của bà chủ nhà tôi ở rồng to không kém con gà trống của anh Bốn Linh trước đây. Con lợn ngoài chuồng rít lên đòi cám. Đến nửa buổi bọn gà mái nổi tục ta tục tác khoe với khắp làng chúng đã đẻ trứng, đã có những thành công tốt đẹp. Bà chủ nhà vãi thóc cho ăn. Bọn gà choai chạy đến, chân bị vướng cái que bà chủ nhà cột. Thật đáng kiếp ! Làm vậy mới bỏ được cái thói bươi bậy. Nhưng lại dễ bị diều tha vì không chạy kịp. Bên ngoài xóm chỉ vậy. Nhưng bên trong lại khác. Nhà nào cũng đông, cũng đầy ắp. Những người tản cư về đây đều không mang theo trẻ con, lợn gà, nồi niêu, chén bát linh kinh như những nơi khác. Có nhà tập trung đến sáu bảy người. Toàn là người lớn. Họ giữ không phơi đồ trắng ra ngoài. Không lê la ngoài đường. Một số gặp nhau, ngồi dưới gốc mít bàn bạc, chuyện trò. Họ rút trong xắc quyển sổ tay, lấy bút chì ghi chép. Có người mới tản cư đến một hôm, lại đi nơi khác. Có người ngủ suốt ngày. Đến tối lại đi đâu. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, cả đội tự vệ thỉnh thoảng có mặt đông đủ ở xóm Cây Thị. Họ về để lấy mìn, lấy lựu đạn, để «ngủ một giấc cho lại sức». Gặp ông Nguyên, ông ngang nhiên nói cho mọi người biết ông sẽ về đồn Giao Thủy, đồn Ái Nghĩa, đến thăm các vị «nội», «ngoại» đang gác ở đó. Ông cần nhắp một chén rượu để đi đêm cho nó sáng mắt. Tôi gặp cả ông Bảy Hóa bước lên đò vào xóm Cây Thị. Ông mặc áo cà sa, cổ đeo tràng hạt. Khi vào đến xóm Cây Thị, ông Bảy Hóa chỉ mặc bộ đồ cộc, quần túm ống, đeo dao găm, tập bài quân sự. Không chỉ ông Bảy Hóa, người khác khi về lại bên kia sông đều hóa khác như vậy. Chị Bảy về bên kia sông liền mặc một chiếc áo vá, đội một nón rách. Chị mài nghệ bôi lên mặt, người chị xinh đẹp bỗng hóa vàng vọt bủng beo giống đứa ăn mày. Chị Ba vờ quát :

... ngồi dưới gốc mít bàn bạc...

— Về bên Hòa Phước xin ăn, đây không có cơm thừa đâu !

Chị Bảy Cọ ngửa chiếc nón rách còng lưng vạn lơn :

— Lạy bà ! Thân con đói khổ vì giặc đến. Con xin miếng cơm thừa canh cặn.

— Xéo ! Bà sai con hầu ra quật cho bây giờ !

Chị Bảy bật đứng cột sống quắc mắt :

— Tao là phật Quan âm đây ! Tao giả làm con ăn mày để thử lòng dạ của mày. Ăn ở như mày, tao phải bắt mày về chầu âm phủ mới được ! Thôi tao phải đi đây. Xấu phải che. Vì mặc áo rách tao phải đợi trời tối để khỏi xấu xí đây.

Tôi và thằng Cù Lao đưa chị Bảy ra đến bến đò rồi mới quay lại. Tôi biết chị Bảy mang theo một số lựu đạn đưa về Hòa Phước để đưa cho đội tự vệ.

* * *

Nhiều việc mới lạ cứ ập đến. Có lúc, tôi và thằng Cù Lao cùng « búi xồm xồm » như người lớn. Nhiều việc mới đó tôi đã quên. Tôi tiễn bà đốc Thụ và chị Tuyết Hạnh lên thuyền tản cư lên Trung Phước. Cánh buồm trắng của thuyền chị lấp sau bãi dâu là tôi đã quên. Thằng Sơn Hải theo ông nó không biết tản cư về nơi đâu. Lúc đầu, thằng Sơn Hải theo ông nó lên nguồn. Sau, có người bảo họ xuống biển. Có một điều chắc chắn là đội tự vệ Hòa Phước khi về xóm Cây Thị lại ăn mắm của ông Biện Thành. Mắm đến xóm Cây Thị bằng đường nào tôi không biết. Thỉnh thoảng có người gánh mắm, gánh bún đến xóm Cây Thị để đổi thóc, đổi khoai. Nhưng khi mở bầu lại thấy toàn lựu đạn, chông sắt. Các thứ đó được chị Ba cất giữ kín đáo. Thỉnh thoảng có người về nhận. Nhiều người ở tận đâu ngoài Túy Loan cũng biết tìm đến xóm Cây Thị. Họ hỏi chị Ba như người quen biết. Có một sợi dây bí mật nối xa, gần tất cả lại. Có đến mười chị

từ khắp nơi cũng tìm về xóm Cây Thị. Họ về dự lớp cứu thương. Và bất ngờ quá ! Cả chị Tuyết Hạnh cũng về dự. Chị cũng biết trước về xóm Cây Thị sẽ gặp tôi và thằng Cù Lao. Gặp lại chị Tuyết Hạnh thật là thích. Không phải chị đi dự lớp mà là về mở lớp huấn luyện. Oai làm sao ! Chị đã học lớp cứu thương ! Nay về dạy lại. Lớp sẽ mở chỗ Miếu Đôi trên gò. Chị cho biết ông đốc Thụ cũng tạt qua đây để dự lễ bế giảng lớp huấn luyện. Tôi và thằng Cù Lao cũng muốn xin học lớp cứu thương, vì cứu thương cũng oai gần bằng kỹ sư, bác sĩ. Chị Tuyết Hạnh sẵn sàng tiếp nhận. Ở chị Tuyết Hạnh cái « sẵn sàng » càng nhiều hơn trước. Chị sẵn sàng vừa dạy học vừa nấu cơm, sẵn sàng đi trồng sắn với chị Ba trong núi. Chị sẵn sàng về làm công tác ở Hòa Phước, sẵn sàng kể tiếp những chuyện tướng cướp giật gân. Miệng chị sẵn sàng để cười. Chân chị sẵn sàng để chạy. Chú Năm Mùi nói : Con bác sĩ mà hay quá !

4

Tình hình trở lại yên tĩnh. Một vài gia đình đã hồi cư. Giặc thường cỗ thủ trong đồn. Tề ngụy chưa đặt được. Mẹ tôi, chị Bốn Linh, thím Năm Mùi có thể về. Chị Bốn nói giặc có bắt thì mình cứ khai : chồng tôi đi làm cho Việt Minh, tội níu lại sao được ? Chúng hỏi chồng mày ở đâu ? Mình lại nói : ông ấy chết bờ chết bụi ở đâu rồi ! Mấy lâu nay không thấy về nữa ! Tôi và thằng Cù Lao tự do trở về. Vì chúng tôi chỉ là bọn con nít. Chỉ nay mai mẹ về, tôi và thằng Cù Lao phải về trước, sắp xếp chỗ ở. Về trước tạm ở với ông Bảy Hóa trong chùa. Gạo mắm cứ về xóm Cây Thị mà lấy. Tôi và thằng Cù Lao còn phải về trước để kịp mùa tỉa ngô. Ban đêm sẽ có chú Năm Mùi, hoặc chị Ba về nhổ cỏ, dọn đất.

Tôi và thằng Cù Lao mang gạo, muối, nồi niêu, về Hòa Phước. Phải vào chùa ở với ông Bảy Hóa, nhưng tôi cũng muốn xây dựng một lâu đài để ở cho tự do và cho sướng. Tôi và thằng Cù Lao nhặt hai tấm vách đặt dựa vào nhau làm thành hai mái. Cách kiến trúc giản dị đến mức tuyệt vời. Chẳng cần cột. Hai cái vách chụm lại thế cho cột, cho kèo, cho tường, cho tất cả các loại cửa. Thằng Cù Lao cắt mo cau lợp lên nóc. Và tôi thỉnh thoảng trốn khỏi chùa, rúc vào « ngự » trong lâu đài vừa xây dựng. Những đêm không mưa cứ trườn đầu ra ngoài. Mái nhà là cả một vòm trời với trăng sao lấp lánh. Khi thức giấc đã thấy bình minh bốn phương tỏa sáng. Khắp người nghe khoan khoái dễ chịu. Nhiều gia đình chưa hồi cư. Làng xóm vắng vẻ. Khi vắng người loài vật tự do sinh nở. Ao đìa không bị mò vét. Lá rụng làm nước trở mát. Tôm cá sinh sôi. Bọn cá quả dắt từng đàn con cháu bơi lội nhởn nhơ. Tôi và thằng Cù Lao chọn một tấm phên tre buộc túm lại một đầu, lấy gai tre với lá nhét vào bên trong. Tất cả đem dìm xuống ao. Sau vài ngày lại kéo lên, bắt được rất nhiều tôm với cá. Chuột cũng rất nhiều. Lúc xóm làng còn đông đúc tiếng cười, tiếng quát, tiếng trâu rống, chó sủa, gà gáy làm chúng hoảng sợ, suốt ngày phải lo chui rúc. Nay được thoải mái, chúng chiếm các bờ bụi, qua lại ngang nhiên. Chúng mò đến tắm ở ảng nước. Một con nhảy xuống nước. Những con khác rung râu, nhìn nhìn rồi bắt chước nhảy xuống theo. Nhất là bọn chuột đồng, ngô khoai bỏ vãi ngoài đồng nuôi chúng béo núc. Chúng tôi đốt đuốc nhét vào hang. Chuột phóng ra, thằng Cù Lao chộp cổ, chặt đầu, mổ bụng, đem ướp với muối và nghệ, đốt lửa lên nướng. Thịt nhái bén còn ngon hơn. Nhái nép dưới hòn đất, tôi lật đất lên. Chúng nhảy loạn xị. Thằng Cù Lao nhảy còn nhanh hơn. Chúng tôi bắt bỏ giỏ mang về nhà, cũng làm món nướng. Rau má, rau dền, khoai sọ nhiều vô kể. Trời, Hòa Phước quả là một kho lương thực vô tận. Chỉ cần ra tay. Tôi và thằng Cù Lao cứ « tự cấp tự túc ». Chẳng cần phải nồi niêu mâm bát, chẳng cần phải anh nuôi, đầu bếp gì cả. Ăn xong lại ra sông Thu Bồn để uống nước.

Nước uống đã sẵn cả một con sông, ngọt như sữa. Uống xong lại tắm một cái cho nó mát, rồi vụt chạy về nhà. Chúng tôi chạy thật nhanh, cứ lo có một chiếc cáng thương binh đã đến đợi.

* * *

Thằng Cù Lao và tôi được anh Bốn Linh giao nhiệm vụ dẫn đường cho những cáng khiêng thương binh, đi từ chùa Hòa Phước ra đến sông, qua đến xóm Cây Thị. Đoạn đường này phải lên xuống nhiều dốc. Khó khăn nhất là phải qua đò. Địch đóng đồn ở Giao Thủy, thỉnh thoảng cho ca nô thọc xuống phía Hòa Phước. Cáng đến Hòa Phước dừng lại ngay sau chùa. Ông Bảy Hóa và thằng Cù Lao đã chờ sẵn. Thằng dẫn đường ở trạm trước cũng trạc tuổi tôi. Khi gặp thằng Cù Lao, nó nhìn quanh rồi nói :

— Quyết chiến !

Thằng Cù Lao trả lời :

— Quyết thắng !

Mật hiệu như vậy là phù hợp. Thằng dẫn đường nói với hai người khiêng cáng cứ đi thẳng. Nó chỉ vào thằng Cù Lao để giới thiệu người liên lạc mới. Giới thiệu xong, nó quay lại. Thằng Cù Lao thế chân, lại tiếp tục đưa cáng ra sông. Thằng Cù Lao đi ở phía trước. Tôi đi xa về phía sau. Chiếc cáng làm bằng giát giường bằng tre. Một chiếc chiếu phủ ngang trên đòn khiêng. Dưới chiếc chiếu, chú thương binh đắp chăn kín mít. Chỉ nghe tiếng rên rỉ. Một chiếc cáng xuống đến đò thì trời vừa sáng. Chú khiêng cáng, đặt cáng xuống đò nói :

— Suốt đêm qua không nghe rên rỉ. Máu ra nhiều quá ! Chắc « nguy » rồi !

Từ trong cáng có tiếng hỏi ú ớ :

— Đến chỗ ta chưa ?

— Ôi, còn tỉnh ! May quá ! Chưa đến vùng ta đâu, còn phải qua sông đây.

Con đò lướt giữa hừng đông. Đò ghé bến. Lại có tiếng rên khe khẽ trong chiếc cáng :

— Đến vùng ta chưa ?

— Đến rồi đó !

Chợt một tiếng thét khủng khiếp rồi tiếng kêu gào gọi nước uống : khát ! khát ! Chú thương binh cứ quằn quại la thét. Chiếc chăn đắp bị bật ra. Tôi thấy hai chân của chú bị cắt ngang từ đầu gối. Một chú khiêng cáng khi về đến trạm cứu thương ở xóm Cây Thị nói :

— Thật là gan dạ ! Khi cáng qua các đồn bót, chú thương binh biết cắn răng không kêu la để cáng không bị lộ.

Chú kia trả lời :

— Bị lộ thì bọn mình không còn ngồi đây nữa !

5

Bà Kiến chạy vào chùa đánh thức mọi người phải dậy nhanh, vì « chúng nó » đổ xuống rất đông ở bến đò Hòa Phước. Chúng theo đường sông kéo từ đồn Giao Thủy xuống. Nếu giặc vào làng, xóm trên đã có kế hoạch di chuyển vào phía chòm đa Lý. Nhưng đợi mãi chẳng thấy động tĩnh gì khác. Ông Hai Dĩ ở xóm giữa chạy tránh lên xóm trên cho biết bọn lính quốc gia có đến một trăm. Không phải chỉ lính mà cả dân bị bắt đi phu nữa. Chúng bắt đồn hết cây cối ở xóm dưới, bắt triệt hạ những nhà ngói vắng chủ, sai phá đình làng. Chúng đập hết, phá hết, khuân gạch đem đổ thành đống, chỗ ra bến đò. Không biết gạch để chở đi hay để xây đồn đắp lũy gì đó. Nhiều người xóm dưới

bị chúng gí súng bắt đi phu. Một số chạy vào trong đồng, không kịp mang theo gì hết. Xóm dưới đã tan hoang. Xóm giữa cũng sẽ bỏ đi. Ông chưa biết đi đâu, cứ chạy quanh lên xóm trên cái đã. Nhiều bà con xóm dưới cũng chạy lên xóm trên. Họ cho biết giặc đang chặn bắt phu chưa biết rõ làm gì. Xóm dưới và xóm giữa tán loạn, còn hơn lúc giặc đến !

* * *

Ngay chỗ dốc đi xuống bến đò Hòa Phước một cái gì như một... ngôi mộ to lớn từ dưới đất cứ nhô lên. Chỉ bảy ngày sau, nó đã vượt lên trên những nóc nhà quanh xóm. Nó không còn giống như một ngôi mộ mà giống như con quái vật từ đâu dưới âm phủ trồi lên. Nó có nhiều mồm, mồm loe ra. Răng của nó lởm chởm mọc ngay trên đầu, trông kỳ quái. Ai cũng tránh xa không dám nhìn vào, vì thấy ghê sợ bằng mấy miếu thờ ma quỷ trước kia ở chòm đa Lý. Từ sớm đến tối con quái vật đứng nhìn xung quanh đầy thách thức và dọa dẫm. Thỉnh thoảng nó khạc ra một trận tiếng nổ. Dân Hòa Phước gọi chung đó là cái lô-cốt. Có người còn gọi nó là bốt giặc, là đồn giặc. Nhìn từ bên kia sông thấy nó càng xoi mói, càng hung tợn, quái gở.

Địch xây lô cốt ở ngay bến đò Hòa Phước làm cho khó khăn bỗng hóa chồng chất. Đò không thể đưa, cáng tải thương không cách gì qua sông được ! Mọi liên lạc giữa Hòa Phước với xóm Cây Thị bị cắt đứt. Đò Hòa Phước là cửa ngõ vào ra giữa vùng ta và vùng địch. Hòa Phước nằm giữa ngã tư sông. Nếu đi chếch lên vùng trên phải qua hai đò. Nếu đi chếch xuống vùng dưới cũng phải qua hai đò. Qua đò Hòa Phước thọc vào vùng tạm chiếm là gần nhất, tiện nhất. Địch hiểu điều đó. Chúng đã cắt con đường huyết mạch. Cái lô cốt dựng giữa Hòa Phước làm tất cả đảo lộn. Mọi công tác phải sắp xếp lại. Cáng tải thương phải đi ngả khác, qua một con đò khác. Trạm liên lạc phải đặt nơi khác.

Người đưa đường cũng phải một người khác thuộc ngõ ngách nơi trạm mới. Tôi và thằng Cù Lao không lo việc dẫn đường cho cáng thương binh nữa.

Anh Bốn Linh và chú Năm Mùi giao cho thằng Cù Lao làm một việc mới. Tôi phụ với nó để làm cho chu đáo. Công việc sắp đến không phải làm nhiều mà phải nghe nhiều, cốt không phải ở hai tay mà cốt ở hai tai. Tai luôn luôn phải mở rộng, phải vểnh cao hứng mọi tiếng động. Ban đêm có thể rủ tai ngủ thẳng. Ban đêm, tôi hay ngủ gà ngủ gật, cũng không sao. Độ là phải chú ý các tiếng mõ đánh. Anh Bốn Linh nói cặn kẽ :

— Phải nhớ thật đúng ! Chỉ có ba tiếng mõ như thế này : cốc, cốc, cốc ! Ngừng một tí lại nghe ba tiếng cốc, cốc, cốc ! Tiếng mõ đò vang từ cuối thôn Giao Thủy. Ai đánh, không cần biết làm gì. Khi hai đứa đã nghe rõ và đếm đủ ba tiếng thì Cù Lao phải tức tốc chạy ra sông, giả vờ tắm, để cắm một cây sào tre xuống nước. Cây sào đó phải nhô lên mặt nước khoảng một sải tay, giống như cây nò cắm để bắt cá của dân chài lưới...

Anh Bốn Linh nghỉ nói, nhìn thằng Cù Lao rồi nhìn tôi như muốn dò xét.

Tôi hỏi :

— Cắm cây nò để làm gì vậy anh Bốn ?

Anh Bốn nói :

— Đò giang không qua lại được. Liên lạc bị cắt, nhưng ta đã có cây nò. Cây nò làm dấu hiệu cho người của ta ở bên kia sông biết. Cây nò dựng lên tức là giặc đang lùng sục, tình hình đang báo động, chưa thể về được. Khi hết lùng sục, giặc lại về đồn. Lúc đó, hai đứa sẽ nghe hai tiếng mõ, chỉ có hai tiếng : cốc, cốc ! Lúc đó, Cù Lao lại chạy ra sông rút cây nò. Cây nò đã rút tức là tình hình đã yên, có thể về được. Anh Bốn Linh giao cho thằng Cù Lao một cây sào tre mức nhọn dài khoảng

ba sải dùng để làm cây nò. Anh Bốn còn dặn rõ nơi cắm. Đó là một nơi khuất lô cốt Hòa Phước, kín đáo, nhưng ngồi nép bên kia sông thấy rõ được.

Tôi và thằng Cù Lao bất kỳ đang làm gì khi nghe tiếng mõ là vụt chạy. Ra đến sông, thằng Cù Lao moi cây sào nhét dưới cát nhảy xuống sông dựng nò. Dựng xong, nó nhìn sang bên kia sông, lại thong thả đi về làm việc.

* * *

Tôi và thằng Cù Lao luôn luôn phải nghển tai nghe các tiếng động. Quanh làng không còn tiếng chó sủa, gà gáy, võng đưa. Không còn tiếng gọi đò, tiếng chợ họp. Thiếu những tiếng đó, Hòa Phước bỗng hóa âm u hoang vắng. Thằng Cù Lao reo lên nghe có tiếng gọi đò. Hóa ra không phải. Chỉ có tiếng gió trên cây sung. Có một lần, tôi và thằng Cù Lao nghe có tiếng gà gáy. Tiếng gà như bừng sáng. Thằng Cù Lao thích quá, gọi to :

— Ôi ! Có tiếng gà gáy, Cục ơi !

Quả thật, tôi nghe có tiếng gà gáy thân mật ấm áp.

Buổi tối, con tắc kè vẫn « tắc kè, tắc kè ». Nhưng tất cả mọi tiếng động đều mờ hết khi có tiếng súng nổ. Đêm ngày luôn luôn có tiếng nổ. Tiếng nổ từ khắp bốn phương vang lại. Có lúc vang rền khắp sông núi như trống dồng xa. Có lúc chỉ « đoàng » một tiếng. Đủ loại tiếng nổ, lúc gần, lúc xa, lúc từng loạt kéo dài, lúc « uỳnh, oàng » hai tiếng giống đôi. Mỗi khi có tiếng nổ, ông Bảy Hóa thì thầm :

— Du kích ta về ! Lại đánh đồn nào đó !

Lúc đầu nghe tiếng súng tôi rất sợ, nhưng sau quen dần. Ông Kiểm Lài rất sợ súng cũng hóa dày dạn. Nghe tiếng súng, ông cười :

— Úy chà ! Đánh nhau dã dữ ! .

6

Ông Bảy Hóa có một người cháu gọi ông bằng chú ruột, bảy lâu đi làm ăn xa, nay có dịp về thăm ông ở Hòa Phước. Người cháu đó tên là Tám. Chú Tám về thăm ông Bảy chỉ mặc bộ đồ cộc bằng vải thô đã sờn, đội chiếc nón lá cũ, đi chân đất. Chú Tám không thể vào loại « dân thầy » vì tay chân của chú không mượt mà trắng trẻo mà trông sần sùi, thô kệch. Bàn tay ngón nào cũng to, cũng ngắn. Chú giúp ông Bảy cuốc vườn trồng khoai, tỉa ngô. Về Hòa Phước được vài hôm, bà con trong xóm ai cũng quý mến. Đi ngang qua nhà bà Kiền thấy có tấm phên bị đứt, chú Tám bước đến cột lại cho bà. Chú giúp bà Kiền dọi lại mái nhà bị thủng. Ông Hai Dĩ đang che nơi ở tạm. Chú Tám cùng gác tre, đan phên che giúp. Chú làm từ sớm đến tối xem như công việc nhà mình. Chú Tám có lời nói dễ nghe. Đáng vai cô bác, khi chuyện trò, chú dùng chữ thưa chữ dạ. Nết ăn, ý ở của chú Tám làm ai cũng thích. Hôm mới về chúa gặp tôi, chú nói :

— Này Cục ! Cục mặc áo trái kia kìa. Mặc vậy coi không được.

Tôi không hiểu vì sao chú Tám vừa đến đã biết tên tôi. Hình như chú Tám hiểu điều đó. Chú bảo vừa đến Hòa Phước đã nghe nhiều người khen tôi và thằng Cù Lao bơi lội vào loại khá. Tôi đi nhặt củi vào loại giỏi. Chú Tám còn biết từ ngày cướp chính quyền, tôi có nhiều tiến bộ, đã bỏ thói vật lộn, trêu chó, biết chăm chỉ học hành, đã có lúc được thăng làm thầy dạy học. Đối với thằng Cù Lao, chú Tám không chỉ biết những việc hiện nay mà còn biết những việc đâu đâu, cha nó xưa kia bị ai đánh, bỏ làng đi đâu, sinh nó nơi nào. Thằng Cù Lao rất ngạc nhiên. Chú Tám giảng giải : Mỗi khi ta làm một việc gì, đều được ghi lại trên vẻ mặt, trên mắt, trên mũi, trên má, trong tiếng nói cười, trong cách đi đứng. Một ý nghĩ cũng để lại dấu vết trên trán.

Hiện nay có sách vở dạy cách đọc những dấu vết còn đọng lại đó. Chú Tám lúc đi làm ăn ở Sài Gòn may gặp được ông thầy, ông truyền lại cho chú vài cách đọc.

Tôi hỏi :

— Chú có làm được như thầy bói không ? Thầy bói gieo quẻ biết hết việc sau này ! Hậu vận giàu nghèo, mấy con mấy vợ đều biết.

Chú Tám quả quyết :

— Không học bói cũng biết được việc sau này. Biết được cái trước đây và cái hiện nay, sẽ biết cái sau này nữa.

Chú Tám bảo thằng Cù Lao xòe hai bàn tay, chìa đầu chìa cổ cho chú xem. Xem đi xem lại xong, chú Tám kết luận :

— Thằng Cù Lao sau sung sướng, nhưng không giàu. Và chỉ có một vợ.

Tôi chìa đầu chìa tay hỏi :

— Còn tôi ?

Chú Tám bắt tôi cười, bắt già vờ khóc, bắt tôi bước tới, bước lui, ngồi xuống, đứng lên, chìa trán cho chú xem. Chú nói :

— Sau này Cục được ăn rất ngon, mặc rất sang, ở nhà rộng, có vợ đẹp. Nhưng tại sao ? ... Không sướng !

Chú rất thích chuyện trò với thằng Cù Lao, hỏi nó lắm chuyện tì mì. Có khi nào nó gặp bọn lính ở lô cốt Hòa Phước đi bắt gà bắt vịt không ? Mấy đứa là Tây, mấy đứa là người mình ? Chúng cầm súng gì, đội mũ gì, mặc áo gì, có đứa nào nói tiếng trọ trẹ không ? Riêng một khẩu súng chú cũng hỏi hình thù, dài ngắn, to nhỏ ra sao ?

Thằng Cù Lao hỏi :

— Biết những thứ đó để làm gì hở chú ?

— Để mà tránh ! Cái mù mờ không tránh được. Ma quỷ dễ trà trộn với người là vì cứ lầm lẫn.

Chú Tám hỏi thằng Cù Lao về cái hốc trên cây sung và cách gỡ tổ chim yến ngoài cù lao Chàm. Thằng Cù Lao không hiểu chú Tám là ai, trả lời không biết.

* * *

Thằng Cù Lao đưa chú Tám ra chỗ cây sung, chỉ cho chú biết chỗ có cái hốc. Anh Bồn Linh gặp thằng Cù Lao đã dặn dò. Anh Bồn bảo tôi và thằng Cù Lao phải giúp chú Tám làm mọi việc, phải chỉ cho chú biết cái hốc. Chú Tám ra chỗ cây sung cứ nhìn lên cái hốc. Nó ở trên cao. Phải leo qua hai lớp cành mới lên đến đó. Chú Tám đi quanh vào vườn miếu, tỏ vẻ khó nghĩ. Thằng Cù Lao mách :

— Có được cọc sắt của chú Năm Mùi đem đóng làm nấc thang... Tôi nghe nói chú Năm Mùi đã làm vậy. Chú leo lên như chơi.

— Khó lắm !

— Sao ?

— Đóng cọc sẽ rất ồn ! Phải làm im lặng. Còn có một cái khó. Đóng xong, phải giữ nguyên cọc trên cây sung. Khi nào leo xuống mới rút cọc ra được. Mọi người sẽ thấy.

Chú Tám hỏi thêm rất tỉ mỉ cách gỡ tổ yến ở ngoài cù lao Chàm. Cái vách đá thế nào ? Cái hốc núi ra sao ? Cách cắm dây, cách vứt cọc, cách đứng, cách leo lên chỗ tổ yến thế nào ?

Chú Tám cứ nghĩ ngợi. Thằng Cù Lao hỏi đi hỏi lại, chú nói :

— Cách gỡ tổ yến, không dùng được, vì vướng nhiều lớp cành. Chú Tám ngồi đan gió, vẻ mặt đăm chiêu. Chợt chú đứng bật dậy, nhờ tôi đi tìm rựa. Chú Tám đốn tre, chẻ thành lạt,

tước mỏng, bện thành một đàng dây dài rất chắc. Chú chặt tre làm một cây sào dài. Chú Tám đã có cách. Phải leo lên chỗ hốc bằng ba đợt. Dây phải buộc vào đầu sào. Chú Tám dựng sào lên, dùng sào móc dây vào cành thấp nhất. Móc xong, chú Tám níu dây leo lên. Khi đã leo lên được trên cành thấp, chú Tám lại dùng sào móc dây lên cành bên trên, lại níu dây tiếp tục leo lên. Chú Tám cứ lần lượt leo ba đợt, lên đến chỗ cái hốc. Công việc vừa lặng lẽ vừa nhẹ nhàng. Không ngờ chú Tám leo dây tài đến vậy. Cuối cùng, chú đã bò ngồi trong cái hốc. Chú giơ tay báo hiệu chiến thắng. Chú rút dây lên, quấn lại. Khi leo xuống chẳng cần phải sào. Chú đã dặn cứ việc vác sào về cất.

Chú Tám cho thằng Cù Lao đã tìm ra được cái hốc rất tốt. Nó tìm ra cái dây và cách leo. Riêng chú chỉ tìm ra cách móc. Nhưng công việc của tôi là quan trọng nhất vì tôi đã vác cây sào, giả vờ đi thọc sung non. Công việc của tôi rất quan trọng vì không có đứa vac sào thì không thể leo lên chỗ cái hốc.

* * *

Chùa Hòa Phước được hân hạnh tiếp đón một vị cao tăng ở chùa Non Nước đến thăm. Pháp danh của ngài là Kiết Ma hòa thượng. Hòa thượng Kiết Ma tuy còn trẻ nhưng đã tu hành đắc đạo, lên đến chức hòa thượng. Tất cả ở ngài đều toát ra sự khổ hạnh của một vị chân tu. Nước da ngài xanh xao nhợt nhạt như người bị đói lâu năm. Đôi má ngài tóp lại. Xương mặt ngài nhô lên. Xương quai hàm bạnh ra. Cặp mắt ngài lim dim như đang nhìn về cõi Nát Bàn xa xăm của Phật. Hai bàn tay của ngài xương xẩu thường vòng trước rốn. Gặp ai thầy cũng vái : Nam mô phật ! Ở ngài có một cái đã khiến tôi và thằng Cù Lao vô cùng trọng nể. Đó là cái đầu của ngài. Nó trọc lóc, bóng loáng như cái đầu chày. Muốn có một cái đầu như vậy, hòa thượng đã chịu

biết bao đau khổ. Ít nhất hàng tháng ngài phải đưa đầu chịu một hình phạt ghê gớm : cạo trọc. Thằng Cù Lao nói nhỏ vào tai tôi :

— Thôi chẳng lên Nát Bàn. Cạo trọc đau quá !

Hòa thượng chỉ biết trường trai, nghĩa là chỉ ăn được hoa quả với năm loại ngũ cốc, không thể ăn thịt. Khi biết tôi và thằng Cù Lao đã ăn chuột đồng và nhái bén, hòa thượng thở dài :

— Nam mô A di Đà phật ! Xin chớ để chúng sinh qua lại ngoài đồng, rủi cái tên bay đạn lạc !

Hòa thượng gặp người đến lễ bái ở chùa thường nói những lẽ huyền vi của Phật tổ. Đối với ngài tất cả những gì xung quanh cũng đều là « hư » nghĩa là không có. Ngài thuyết cho ông Kiểm Lài hiểu là cái lô cốt ta thấy, cái tiếng nổ ta nghe, chẳng qua là do cái « tâm » ta tạo nên, giống như cái bóng trong gương soi. Lấy gương đi, bóng không còn nữa, vì vậy không nên quá sợ.

Ông Kiểm Lài nghe hòa thượng thuyết lý, khóe mắt và lỗ mũi bỗng đầy nếp nhăn, vòng tay thưa :

— Bạch hòa thượng ! Đi qua lô cốt, nó nổ đoàng ! Tôi nổi da gà, lạnh toát xương sống !

Tôi và thằng Cừ Lao cho hòa thượng nói rất đúng vì cái lô cốt thực ra là không có. Nhất là khi có cơn mưa, cái lô cốt lại biến mất. Đối với bà Bảy Đệ, ngài vạch rõ cái hòm tiền thực ra là không có. Ta cứ tiếc cái hòm tiền cũng vì ta tưởng nó là ông chủ, tưởng nó « có » mà thôi. Bà Bảy thông ngay lẽ huyền vi của hòa thượng vì đã quá rỗ. Tiền bà « có » đó rồi « không » đó ! Ngài đếm tràng hạt đi qua làng vừa đi vừa niệm phật. Ngài đi lạc vào chỗ hàng rào vây quanh lô cốt. Bọn lính giương súng :

— A lê hấp ! Thằng thầy tu kia, cút mau !

Nói xong, nó nện cho thầy một đá. Hòa thượng xem việc đó như « ảo » như không hề xảy ra, tuy hòa thượng phải đi cà nhắc.

Theo ông Bảy Hóa, hòa thượng Kiết Ma đã đắc đạo vì ngài đã tu nhiều kiếp. Ngài đã hóa thân, có kiếp làm con ếch, có kiếp làm cọn chim, sau đó làm con voi trắng. Cuối cùng, hóa kiếp làm thầy bốc thuốc cứu được hàng trăm nhân mạng. Sau đó, mới được đầu thai làm vị hòa thượng. Khi đã lên được chức hòa thượng thì người tu hành không còn ở « bến mê » mà đã đi đến « bến giác ». Lúc đầu, tôi tưởng cái bến mê hay bến giác đó ở đâu ngoài biển hay ngoài sông. Sau khi nghe hòa thượng cắt nghĩa, tôi mới hiểu ra, bến mê nghĩa là còn mê muội, còn chủ quan, ngu ngốc. Tất cả chúng sinh nhiều như cát ở sông Hằng đều bị kẹt ở bến mê đó. Ở bến giác có nghĩa là đã hiểu mọi sự vật, cái gì cũng biết. Rất ít người đến bến giác. Hòa thượng biết được nhiều việc cũng vì đã ở bến giác. Việc đó có thực. Vừa đến văn cảnh chùa, ngài biết trước kia thằng Cù Lao tên là Biển, vì nó sinh ra ở biển. Sau, tên Biển đổi thành Cù Lao, do chữ Cù Lao Chàm mà ra. Thằng Cù Lao chưa đến bến giác nhưng cũng đã rời khỏi bến mê. Vì nó có ra học ở ngoài Đà Nẵng, được dự thính ở một lớp huấn luyện. Sau đó, nó còn được gặp bọn lính Tưởng Giới Thạch, bọn lê dương, bọn do thám Mỹ. Nó biết rõ bọn này đều là quân xâm lược, rất tàn bạo.

Có nhiều tối hòa thượng biến mất. Hòa thượng thú thật đã đi rong chơi. Không phải đi ở Hòa Phước mà ngài đã phiêu diêu xa khỏi cõi trần tục. Hòa thượng có phép lạ biết « đằng vân giá võ », chỉ một đêm ngài có thể đi từ đông sang tây, đi vòng quanh quả đất, đi nhanh hơn gió.

* * *

Thằng Cù Lao học được cách xưng hô đối với một vị hòa thượng, nó vòng tay thưa :

— Bạch hòa thượng ! Kiếp trước của hòa thượng là con ếch, sau đó là con voi. Làm sao biết được ?

Hòa thượng nhìn ra thật xa nói :

— Khi đã đến bến giác thì có thể thấy lại các kiếp trước của mình. Nguyên kiếp trước của bần tăng là một nhà giàu đi làm quan. Khi đó bần tăng có tất cả, thứ gì cũng nhiều, tiền bạc, ruộng nương, danh vọng, tớ thầy... Nhưng bần tăng thiếu một cái. Cái đó lại là rất quan trọng. Đó là cái hiểu nỗi đau khổ của chúng sinh. Lòng dạ của bần tăng cứ cứng dần lại. Thấy vậy, Phật tổ nói : Lòng dạ của ngươi sắp hóa đá, ta phải cho ngươi đầu thai làm con ếch. Bần tăng đã làm con ếch. Khủng khiếp quá ! Vì không quần áo, bần tăng đã cảm được cái giá rét như kim đâm của mùa đông. Vì ở trong hang, bần tăng hiểu được cái ngột ngạt của bóng tối... Bần tăng đã « qua cầu hiểu được » thế nào là đói, là rét, là sợ sệt, là cô đơn... Dần dần hiểu ra được ý nghĩa của cuộc sống : đó là hiểu được chung quanh và ra sức làm giảm nỗi đau khổ của con người.

Hòa thượng mắt lim dim ngồi lặng im một lúc. Tôi và thằng Cù Lao cũng ngồi lặng im. Hòa thượng thở ra nói tiếp :

— Sau kiếp làm ếch, bần tăng được đầu thai làm một con voi trắng. Bần tăng đã từng sống trong một đàn voi có đến bảy nghìn thớt voi. Voi đầu đàn có bảy ngà. Một hôm, bảy nghìn thớt voi phải đi qua một con đường hẻm. Đó là một con đường độc đạo. Một bên là núi cao, một bên là vực thẳm. Ngay giữa đàng hẻm có một tổ chim con. Theo lệnh của voi đầu đàn, tất cả phải đi vòng sang một con đường khác. Voi bảy ngà đã gặp không biết bao nhiêu khó khăn. Đàn voi phải mất mười năm mới vượt hết con đường vòng đó. Chỉ mình thằng voi sáu nghìn chín trăm chín mươi chín không tuân theo lệnh của voi đầu đàn. Nó đã giẫm chết một chim con. Thằng voi đó sau phải đầu thai làm quỷ sứ. Quỷ sứ sinh con đẻ cháu, đó là bọn xâm lược !

Hòa thượng thăm cảnh chùa Hòa Phước được bốn hôm thì chú Tám lại quay về. Chú Tám hiện ra trước cửa chùa vào lúc nhá nhem, theo sau còn có một người nữa. Hai người bước vào liền đóng chốt cửa.

Hòa thượng đứng dậy ra đón. Ba người như đã biết nhau từ trước. Chú Tám trải chiếu trên nền gạch bên gian trái. Ba người yên lặng nằm nghỉ.

* * *

Tôi và thằng Cù Lao thường trải chiếu ngủ trên nền gạch gian giữa. Tiếng tụng kinh của ông Bảy Hóa cứ đều đều nghe buồn thiu. Trên các bàn thờ Thập điện Diêm vương, ngọn đèn dầu lù mù chỉ to bằng hạt gạo. Bóng ma quỷ trên tranh Thập điện Diêm vương như thập thò... Chợt những con voi bảy ngà, những con ếch lạnh toát hiện ra cứ nhảy nhót. Những tướng cướp mang những con bọ dừa có ba chấm trên lưng, rồi cả chị Tuyết Hạnh, thằng Sơn Hải cũng hiện ra. Tất cả quay cuồng, nhảy múa. Tất cả nổi rống, nổi cười. Tôi cũng bắt chước cười theo. Tôi cười to nhất. Và ghê quá ! Cái miệng của tôi căng ra quá ! Hai bên mép miệng bị toạc ! Mồm tôi kéo rộng lên mép tai. Tôi nghe nhói trên đầu. Tôi sờ đầu. Đầu tôi hóa nhẵn thín mất hết tóc. Sọ của tôi bẹp gí lại. Tôi nghe đau thắt dọc cột sống. Cột sống bị rút ngắn lại. Cái bụng của tôi phềnh ra. Tôi sờ lên cổ. Cổ không còn nữa. Đầu dính liền vào bụng. Khắp người nhầy nhụa, lạnh toát. Đầu óc hóa mù mờ. Da thịt tôi đổi thành một chất khác. Tiếng thằng Cù Lao ầm ĩ :

— Ối ! Lạ chưa kìa ! Cục đã hóa thành một con ếch rồi kìa !

Tôi toan bỏ chạy. Nhưng chạy không được. Chỉ biết nhảy, nhảy lia lịa. Chợt có tiếng của đức Quan Âm Bồ Tát ngồi trên tòa sen như tiếng chuông ngân nga :

— Phải cho nó đầu thai làm kiếp ếch. Phải để nó biết được cái khổ của chúng sinh, cho nó biết chú ý đến người khác. Như vậy nó mới có thể gần ta.

Tôi sờ khắp người. Tôi không quần, không áo, da nhầy nhụa loang lổ. Tôi hoảng quá thét lên một tiếng. Tôi nghe bàng hoàng.

Trí óc chờn vờn như ngập trong mây khói. Tôi tỉnh dần. Té ra tôi nằm mơ. Gió thổi trên nóc chùa. Bàn chân tôi nổi đau nhói vì vết thương chuột cắn cứ tấy lên.

Bên tôi có tiếng lâm râm như tiếng khẩn vái. Tôi nhận ra tiếng vị hòa thượng và chú Tám đang nói rất khẽ. Tiếng vị hòa thượng có lúc mờ đi, như bị đứt quảng. Tôi chỉ nghe loáng thoáng :

— Cái lô cốt, bề dày, nơi đặt súng... Phải biết chính xác... Ừ, vào ban ngày mới thấy rõ...

Tiếng vị hòa thượng lại mờ hẳn. Tôi cũng chẳng chú ý họ nói gì. Chợt nổi lên mấy tiếng rõ hơn :

— Thằng Cục người Hòa Phước, nó biết hết mặt... rất hay.

Mấy tiếng « thằng Cục, rất hay » đã làm tôi tỉnh ngủ. Bàn chân của tôi càng đau nhói. Tiếng thì thầm vẫn tiếp tục. Tiếng chú Tám nói trong hơi thở :

— Lý trưởng mới là Cửu Sang... Đã nắm rõ...

Có tiếng mờ mờ, có lẽ của người mới đến :

— Thuyết phục nó... cẩn thận với nó.

Tiếng thì thầm nhỏ lại. Chợt có tiếng của hòa thượng Kiết Ma như vui lên :

— Ừ, lô cốt... Một cặp gà trống thiến dâng bọn chỉ huy lô cốt. Nhờ Cửu Sang đưa vào. Ta đi theo... Thấy rõ hết.

Tiếng chú Tám rất khẽ họa theo :

— Phải ! Gà trống thiến... Chúng tìm gà... Ngon...

Tiếng cười khúc khích. Một vật gì rơi đánh đốp trên bàn thờ. Tiếng thì thầm trở lại mờ hẳn. Khắp chùa im lặng. Chỉ một lúc sau, mới nghe vài tiếng sột soạt. Tiếng chú Tám hỏi :

— Địa bàn có chưa ?

— Đủ rồi, gọn !

Có tiếng mở cửa. Tiếng bước chân khe khẽ xa dần trong đêm tối.

Sáng hôm sau, khi thức giấc, tôi thấy người theo về với chú Tám đã đi đâu. Hòa thượng Kiết Ma còn ở lại chùa. Tôi hơi ngỡ ngợ, không hiểu vì sao hòa thượng Kiết Ma lại nói đến chuyện vào lô cốt, chuyện lễ gà trống thiến với chú Tám, chuyện nhờ ông Cửu Sang vì nó không dính líu đến việc của thầy tu. Buổi sáng, hòa thượng ra sông tắm gần chỗ cây nò. Sau đó, ngài đến hóng mát chỗ cây sung. Buổi chiều, hòa thượng từ giã ông Bảy để đi thăm chùa khác.

7

Giặc chiếm Hòa Phước đã mười tháng. Chúng lấy sông Thu Bồn làm phòng tuyến sau cùng bảo vệ cho Đà Nẵng. Lô cốt Hòa Phước nằm chỗ yết hầu. Nó chẻ ngự cả một khúc sông. Cửa ngõ ra vào giữa vùng ta và vùng địch bị cắt đứt. Nhiều hoạt động của ta gặp khó khăn. Địch cũng hoạt động mạnh. Địch ở lô cốt Hòa Phước thỉnh thoảng tìm bắt gà bắt vịt. Chúng đưa ông Cửu Sang ra làm lý trưởng. Bà con trong xóm mỗi người giúp một tay sửa lại nhà bếp để cho mẹ tôi và chị Bốn Linh về ở. Nhưng hai người còn rồn lại vài mươi hôm. Bà Kiển thỉnh thoảng có cháu trai gọi bằng cô, ông Hai Dĩ có cháu gọi bằng chú đến viếng thăm. Nhiều bà con ở xóm giữa dời nhà lên xóm trên ở. Ai cũng xúm xít lại với nhau, đùm bọc lấy nhau. Thằng Cù Lao đi bắt được cá được chuột cũng đem về chia cho bà con. Gà vịt không ai nuôi. Thịt chuột đồng biết xào nấu ngon như thịt lợn. Ông Cửu Sang ra làm lý trưởng, bọn chỉ huy ở lô cốt bắt ông tìm gà. Ông nói với mọi người :

— Ông Một bắt tôi đi tìm gà. Tôi biết thịt xào nấu ở đây chỉ là thịt chuột ! Ở đây không có vịt có gà ! Dù bà con có nuôi con gì tôi cũng không mách cho ông Một biết đâu. Bà con muốn nuôi

gì cứ việc nuôi. Bà con muốn làm việc gì xin cứ làm. Ông Một có hỏi tôi chỉ nói không biết. Tôi cam đoan như vậy để xin bà con cho tôi yên thân !

* * *

Mới tinh mơ đã có tiếng mõ báo động, nghe rõ ba tiếng : cốc, cốc, cốc ! to hơn mọi hôm. Thằng Cù Lao vụt chạy ra sông cắm cây nò. Trong chùa ông Bảy Hóa, chú Tám đã thức giấc. Phía sau chùa ngôi sao mai chưa nhạt hẳn. Chợt có một tiếng « véo » vút qua đầu. Tiếp theo là một tiếng nổ « choác » dữ dội. Hòa Phước như bị xé tan. Gió táp vào mặt. Chùa rung lên. Lại một tiếng nổ khác rất đanh. Ngói trên mái chùa như bị xốc. Một hòn ngói vỡ lăn lông lốc. Tôi hoảng quá, chỉ kịp chui trước ngạch cửa. Một cột bụi bị đạn bới đùn lên ngay giữa đường làng. Pháo các nơi đã câu về Hòa Phước. Những loạt súng máy « tằng, tằng » hòa với tiếng nổ bục, bục ! Tiếng « cắc bọp, cắc bọp », nổi lên từ ngoài bãi dâu. Các loại tiếng súng lẫn vào nhau gầm rít hỗn độn chồng chất loạn xị, loạn xạ !

Ông Bảy Hóa thét lên :

— Giặc tới kia kìa !

Ông chỉ về phía bãi dâu. Một toán lính lô nhô trèo lên dốc. Chú Tám bước đến nhanh nhẹn chui dưới bàn bên phải, hất những đồ để dưới bàn thờ, đẩy chiếc mâm đồng ra một bên. Chú giở một cái nắp gỗ. Một cái hầm hiện ra. Chú Tám thu người nhảy xuống hầm. Ông Bảy chạy đến đậy nắp hầm lại, đặt chiếc mâm đồng lên trên, đặt những chân đèn chân nhang nguyên lại chỗ cũ. Ông gọi tôi :

— Thắp hương lên các bàn thờ.

Ông lấy áo cà sa khoác vào, đội chiếc mũ ni, đến ngồi trước bàn thờ gõ chuông tụng niệm.

Ông Bảy ra dấu bảo tôi bước đến. Ông nói vào tai tôi :

— Nó bắn cũng nói không biết, chưa nghe ! Cha mày bảo vậy đó !

Các loại súng đang gào thét chợt im lặng. Bên ngoài có tiếng xì xào, tiếng quát, tiếng la thét, tiếng súng trường nổ. Một tiếng « rầm » ngay trước cửa chùa. Cánh cửa chùa ngã sập. Bọn quỷ sứ ập vào chùa. Tay cầm súng gí về phía trước, chúng dòm ngó, đi qua đi lại. Ông Bảy vẫn ngồi im tụng niệm.

Một đứa gầm lên :

— Có Việt Minh đây không ?

Ông Bảy đứng dậy :

— Thưa, già chỉ biết niệm phật, không biết Việt Minh là ai cả.

Một thằng chĩa súng :

— Có Việt Minh không ?

Ông Bảy vẫn bình tĩnh :

— Không có !

Tất cả ầm ầm kéo ra, dồn lại trước cửa chùa. Có tiếng thằng Pháp đứng ngoài hò hét. Chúng lại kéo trở vào :

— Ông lớn ra lệnh phải sục cho kỹ. Việt Minh hay núp trong chùa.

Một thằng rút lưỡi lê thọc vào các xó tường. Nó cúi xuống dưới bàn thờ bên phải, hất chiếc mâm đồng. Một chiếc mâm gỗ lòi ra. Nó đâm mạnh lưỡi lê vào chiếc mâm gỗ. Chiếc mâm gỗ gần như bị bật. Nó hất thêm. Những chiếc mâm gỗ lại rơi xuống. Tim tôi như ngừng lại. Nó thét vào mặt ông Bảy :

— Có hầm bí mật không ?

— Không có !

— Tìm ra Việt Minh, tao bắn chết !

— *Có Việt Minh không ?*

Tôi nghe lạnh toát cả người. Nó sục một lúc, lại thét to :

— Chẳng có cái mốc gì cả !

Tôi thở phào ! Chúng hú hí gọi nhau bước ra chùa. Tiếng giày đinh xa dần. Tiếng tụng kinh của ông Bảy và tiếng chuông cứ vang đều trong sáng sớm hòa với tiếng súng.

* * *

Giặc chia thành ba toán quết Hòa Phước và một số thôn lân cận. Một toán từ trên xuống, đi dọc theo sông Thu Bồn, đâm thẳng vào Hòa Phước. Một toán từ phía dưới thọc lên. Toán thứ ba từ đồn Ái Nghĩa thọc vào. Toán này khi đến chòm đa Lý bị du kích ta nép trong các bờ bụi ném lựu đạn. Giặc chết ba đứa. Chúng phải giạt về phía Giao Thủy. Ở Hòa Phước chúng chĩa súng bắt ông Kiểm Lài, ông Điều và thằng Quý con ông hương Quy. Thằng Cù Lao chạy cắm cây nò về chưa đến chùa, giặc đã tràn đến. Bí quá, nó lẩn trong bờ bụi chạy nép trong cây sung nhìn ra. Nó thấy rõ bọn giặc chĩa súng đi kèm phía sau mấy người bị bắt. Thằng Quý đi đầu, áo bị rách toạc. Đến ông Kiểm Lài hai tay buông thõng, bước thản nhiên. Thằng lính đi sau gí súng sát lưng ông Điều. Cách một quãng sau còn năm thằng lính bước rầm rập. Mặt trời mọc phía sau lưng. Thằng Quý đi đầu như lập lòe trong ánh sáng. Bóng nó kéo dài lướt qua cây sung. Ở thôn khác, giặc bắt bảy người. Tất cả đều tập trung ở cuối đường cái vào đồn Giao Thủy. Chúng bắt người đào một cái hố. Đào xong, chúng bắt xếp thành hàng dọc. Chín phát súng lần lượt nổ. Cứ mỗi phát súng là một người ngã gục. Còn người thứ mười, đó là ông Kiểm Lài, chúng chừa lại. Bắn xong, thằng chỉ huy sai chặt chín cái đầu, cho cắm vào chín cái cọc, đóng thành hàng dọc bên con đường cái. Làm xong tất cả việc đó, nó đuổi ông Kiểm Lài về để ông nói lại cho mọi người biết !

8

Mùa mưa lại đến. Gió mà mưa ! Lại mưa với gió ! Gió đập ầm ầm vào cây sung đầu làng tơi tả. Mưa xối từng trận ào ào như có ai cầm chỉnh trút nước. Trời Hòa Phước tối lại. Lô cốt Hòa Phước xóa mất trong mưa. Mưa tầm tã rồi vẫn lai rai, như không bao giờ dứt. Xóm gần, thôn xa, bãi dâu, tất cả như bị dìm trong nước vo gạo. Lách tách ! Tôm ! Tôm ! Mưa gõ nhịp đều đều nghe buồn đến chảy nước mắt. Cảnh chùa Hòa Phước càng hiu quạnh. Thằng Cù Lao hay nhắc đến cha nó. Tôi cũng mong mẹ hồi cư cho sớm.

Thấy mưa, ông Bảy Hóa nói :

— Ông cứ mưa ! Có bao nhiêu nước ông cứ trút xuống. Mưa càng nhiều càng tốt.

Chú Năm Mùi ghé vào chửa, nói với ông Bảy :

— Mưa to thế mà hay ! Mình đi đâu đố thằng địch biết được ! Mưa là việc trời giúp.

Mưa xóa hết vết chân của cán bộ. Mưa che kín hình dáng anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành về hoạt động ở Hòa Phước. Mưa phủ trên sông, che kín chuyến đò qua lại. Anh Bốn Linh đến thăm những gia đình có người vừa bị giặc giết. Ông hương Quý nói :

— Thằng con của tôi bị chúng giết ! Mạng phải đền mạng ! Anh cho tôi mượn cây súng của tự vệ. Cho tôi xin thêm mười viên đạn !

Bà Điều gạt nước mắt :

— Chú Năm Mùi nói giặc đến nhà đàn bà phải đánh. Đánh như thế nào ? Anh Bốn bày cho tôi với.

Con đò Hòa Phước hoạt động lại. Đò chỉ đưa trong đêm. Khi mưa to, dù địch có đốt pháo sáng cũng không nom thấy. Thằng

Cù Lao ở biển giỏi việc lèo lái. Từ bé, đã theo bà con đi khơi từng gặp trời mưa to gió lớn giữa biển rộng. Nay lái một chiếc đò qua lại một con sông nhỏ, đối với nó chẳng khó khăn gì ! Con đò làm bằng một chiếc xuồng nhẹ có hai chèo. Ban đêm, hễ có mưa đổ là đò lại đưa. Người đi đò cùng nhau kéo đò ra khỏi chỗ kín, đẩy xuồng xuống nước. Người đi đò phải ngồi bệt giữa lòng xuồng, một tay bíu chặt vào be, một tay ôm chiếc phạo tre làm sẵn. Thằng Cù Lao giương buồm. Buồm làm bằng một miếng vải to bằng chiếc chiếu. Chiếc xuồng trong tay thằng Cù Lao hóa linh hoạt. Nó biết tính hướng gió. Có lúc, nó chống thuyền lui xuống thật xa mới cho đâm ngang. Có lúc, nó chống thuyền lên rất xa rồi mới giương buồm cho chạy. Cán bộ về hoạt động đã tặng thằng Cù Lao danh hiệu là thủy sư đô đốc ! Chị Ba cho biết như vậy là thằng Cù Lao đã được lên công tác ở huyện. Tôi tưởng lên công tác ở huyện là phải ngồi ở chỗ trụ sở của huyện để đi xuống xã. Ai ngờ, đi chèo đò. Tôi cũng được lên công tác ở xã. Cụ thể là phải qua xóm Cây Thị để... nấu cơm.

Xóm Cây Thị có nhiều thay đổi. Nhiều người lạ mặt kéo đến. Ban ngày thấy vắng lặng. Ban đêm lại đông vui. Một vài chú giọng nói trọ trẹ rất khó nghe. Có người được đeo súng lục. Người nào đeo súng lục được tôi và thằng Cù Lao rất trọng nể. Đeo súng lục là loại có cỡ. Ít nữa cũng ở cấp huyện. Một chú thanh niên có cả cái ống dòm. Chú đặt ống dòm lên mắt, vừa vặn vặn vừa dòm. Chú nói với các bạn xung quanh :

— Nó đã về kia, nó đứng trước miếu kia.

Tôi nhìn lên miếu chẳng thấy ai về, ai đứng gì cả.

Chị Ba đưa mắt chỉ cái ống dòm nói với tôi và thằng Cù Lao :

— Cái ông thiên lý xa soi nghìn lối của thầy Lê Tảo là đó !

Tôi được anh thanh niên cho dòm. Tôi nhìn lên miếu. Bỗng nhiên, ngôi miếu xích lại gần. Nom rõ được cả cái bậu cửa. Tôi

thấy rõ một người ngồi trước cửa miếu mồm nhóp nhép nhưng không nghe nói gì. Tôi cứ xin được nhắm ống dòm. Anh thanh niên biết tôi mê ống dòm, khi nhờ việc gì, anh gạ :

— Chạy mau ! Về đây anh sẽ cho xem ống nhòm !

* * *

Tôi và thằng Cù Lao vừa sung sướng vừa ngạc nhiên được gặp lại chú Tám. Trông chú diện quá. Áo sơ mi trắng toát. Mũ cối mới tinh. Đôi giày vải cũng mới. Đầu tóc mới hớt, tóc chải ngược, trán hóa cao, mắt trông linh lợi, vẻ oai phong hoạt bát, không còn hom hem như lúc ở chùa Hòa Phước. Chú ôm choàng lấy chúng tôi, hỏi tôi về xóm Cây Thị hôm nào ? Chú ở trên Miễu Đôi nên không biết.

Chú Tám mở bọc lấy tặng cho tôi và thằng Cù Lao mỗi đứa một vỏ đạn bằng đồng, to bằng ngón tay. Tôi thấy trong xắc của chú có cái ống dòm.

Tôi kêu lên :

— Ồi ! Cái ống dòm !

Thì ra cái ống dòm của anh thanh niên chính là cái ống dòm của chú Tám.

Thằng Cù Lao mỉm cười :

— Chú đã dùng cái ống dòm này ngồi trên cây sung dòm vào lô cốt Hòa Phước.

Chú Tám hỏi :

— Sao Cù Lao biết ?

Thằng Cù Lao thú thật nó chỉ nói chặn ngọn, thế mà trúng. Chú Tám cho biết cái ống dòm chỉ dòm bên ngoài cái lô cốt. Muốn thấy bên trong, phải vào lô cốt nhìn tận mắt. Nhưng địch lại không cho phép ta làm việc đó.

9

Thằng Cù Lao thỉnh thoảng biến mất ở xóm Cây Thị. Có khi hai hôm mới quay về.

Chị Ba nói :

— Thằng Cù Lao đi theo các anh trinh sát. Hôm nay chưa về đâu !

Nó lộn về với một chú bộ đội có đeo súng lục, mặc một bộ quân phục màu xám. Chú bộ đội làm tôi ngờ ngợ, không biết chú có bà con gì với hòa thượng Kiết Ma không ? Chú có đôi má tóp, có đôi tai vểnh như hòa thượng. Chỉ đôi mắt là rất khác nhau. Mắt của chú luôn luôn mở to vui vẻ. Mắt của hòa thượng lim dim buồn bã. Chú này nhanh nhẹn như con thoi, trái với hòa thượng chậm chạp lờ đờ như buồn ngủ. Chú đội một chiếc mũ ca lô vừa to vừa rộng bao kín cả đầu. Tôi không thể biết đầu chú có bị cạo trọc hay không ?

Tôi nói với thằng Cù Lao để moi chuyện :

— Chú bộ đội đi với mày sang quá !

— Ừ sang quá !

— Chú tên là gì ?

— Là chú Vĩnh Xương.

— Chú có bà con họ hàng với hòa thượng Kiết Ma không ?

— Tôi không biết. Người dưng cũng giống nhau.

Tôi hỏi nhỏ :

— Cù Lao có thấy được cái đầu tóc của chú không ?

— Không thấy.

Chú Vĩnh Xương và thằng Cù Lao hay đi với nhau, cùng « tâm sự » xem rất ăn ý. Có lúc, chú Vĩnh Xương gọi nó là mày, tự xưng là tớ — thân mật như bạn bè thân từ lâu lắm. Tôi không

có gì ghen tị. Nó được gần các chú trinh sát là phải. Chị Ba đã nói cái gì nó cũng hơn tôi. Nó được mười, tôi chưa được một. Lập trường của nó kiên định, việc gì nó cũng giỏi. Còn tôi thì láu táu, thô lỗ và vụng về. Nó được cấp trên tín nhiệm là phải.

* * *

Tôi cũng được gặp chú Vĩnh Xương. Việc đó được anh Bốn Linh tin trước. Thằng Cù Lao đưa tôi đến chỗ chú ở.

Chú Vĩnh Xương đón tôi bằng cái bắt tay rất chặt. Chú kéo tôi ra chỗ gốc mít, cùng ngồi xuống. Chú giở mũ ca lô. Rõ ràng hòa thượng Kiết Ma đang ngồi trước mặt tôi. Đầu chú không trọc bóng, nhưng tóc vẫn rất ngắn không khác mấy một vị thầy tu. Chú cười như muốn hỏi :

— Có giống hòa thượng Kiết Ma không nào ?

Tôi cười. Hai bên như đã hiểu nhau. Chú Vĩnh Xương hỏi tôi có muốn học thêm các miếng vật. Chú có biết một vài thế vật. Chú hứa sẽ bày cho tôi vài thế vật mới. Đó là việc sau này. Nay chú muốn hỏi tôi vài việc. Chú rút một tờ giấy nói rành rõ :

— Đây là tên họ một số đồng bào ở Hòa Phước. Tất cả có bảy người. Chú sẽ đọc từng tên. Trong bảy người này, người nào Cục biết mặt thì nói biết. Người nào không biết mặt thì nói không biết. Phải biết rất rõ, ở xa vài mươi bước cũng nhận ra được.

Chú Vĩnh Xương đọc từng tên người. Người nào tôi cũng biết rõ, cũng quen. Chú Vĩnh Xương xếp giấy bỏ vào túi :

— Đây là những người tốt cả. Nhưng họ hay ra vào nhà ông Cửu Sang. Tin, nhưng phải đề phòng vẫn hơn.

Chú Vĩnh Xương nhìn thẳng vào tôi :

— Công việc phải gặp. Chú phải gặp ông Cửu Sang, nhờ ông Cửu Sang giúp ta một việc. Chỗ gặp phải an toàn. Nơi đó phải

trống, phải nhìn xa được xung quanh. Ai đi đến ta phải thấy trước. Anh Bốn Linh đã chọn chỗ cây duối gần đám khoai của nhà Cục. Chỗ đó tốt nhất.

Chú Vĩnh Xương biết nhà tôi có một đám khoai ở giữa đồng. Chú nói thong thả và rành rọt :

— Ngày mai, vào lúc nửa chiều, Cục ra đám khoai để làm cỏ khoai. Nhớ mang theo cái cuốc. Đám khoai đó là của Cục, Cục đến làm cỏ, chẳng ai nghi ngờ gì hết, Sẽ có một người đưa ông Cứu Sang đến chỗ cây duối. Cục vừa ngồi nhổ cỏ vừa chú ý xung quanh. Nhớ là phải ngồi. Nhưng nếu thấy có ai đi đến, Cục phải đứng lên giả vờ hốt cỏ. Nếu có người nào trong số bảy người khi nãy lảng vảng đi đến, Cục phải cầm lấy cuốc giả vun vồng khoai. Tóm tắt có ba dấu hiệu : Ngồi, đứng và cuốc đất.

Chú Vĩnh Xương thấy tôi có vẻ xúc động, nói :

— Đây là việc rất bình thường. Ta phải gặp những người làm cho địch, thuyết phục họ làm cho ta vài việc, không có gì lạ cả.

Chú Vĩnh Xương bảo tôi lặp lại tên bảy người chú vừa đọc, lặp lại những việc chú đã nói. Chú căn dặn tôi thêm ba việc : Việc thứ nhất là phải tuyệt đối giữ bí mật, việc thứ hai là phải luôn luôn bình tĩnh, việc thứ ba là phải rất đúng hẹn. Vừa rồi, chú có gặp cha tôi ở tiểu đoàn 17. Cha tôi cũng căn dặn những điều đó.

* * *

Tôi về ngay Hòa Phước. Chiều hôm sau, tôi vác cuốc ra chỗ đám khoai ngồi làm cỏ đúng như chú Vĩnh Xương đã dặn. Một chốc sau, chú Vĩnh Xương đến. Chú mặc quân phục, áo có bốn túi, đeo quân hàm, oai phong như một vị tướng. Tôi nhìn ra xa. Một chốc sau, một chú bộ đội nai nịt gọn gàng đi với Cứu Sang cũng đến. Chú bộ đội bước đến trước mặt chú Vĩnh Xương

rút tay chào, như báo cáo với cấp trên đã thi hành mệnh lệnh. Chú Vĩnh Xương làm động tác cho chú đó rút lui. Chú Vĩnh Xương quặt hai tay ra sau lưng quay nhìn ông Cửu Sang. Tôi thấy ông Cửu Sang cúi rạp, rồi đứng yên cúi đầu, hai tay vòng trước bụng. Chú Vĩnh Xương cũng đang nói gì. Ông Cửu Sang bỏ rơi hai tay, đứng thẳng lên một tí. Ông lại gật đầu lia lịa. Chú Vĩnh Xương bước đến hai bước, đứng sát trước mặt ông Cửu Sang. Tôi ngồi liếc nhìn rồi lại nhổ cỏ. Chú Vĩnh Xương chỉ tay về phía lô cốt Hòa Phước. Ông Cửu Sang lại vòng tay, lại cúi rạp, lại gật gật. Tôi có chú ý xung quanh. Rải rác vài người làm đồng. Chốc chốc, họ đứng dậy rồi lại cúi xuống lặng im làm việc.

Ông Cửu Sang lại gập người chào chú Vĩnh Xương đi về ngả xóm giữa. Chú Vĩnh Xương như không biết có tôi đi một ngả khác. Tôi về nhà bà Kiền. Đêm xuống được một lúc, anh Bốn Linh đến gặp. Lại mưa ! Anh dắt tôi len lỏi qua nhiều xóm làng đến một con đò. Qua đò xong, chúng tôi đi một lúc lâu. Lại gặp một đò khác. Qua được đò thứ hai, chúng tôi đi trong mưa cho đến sáng trắng mới về đến xóm Cây Thị.

* * *

Ở các chợ có bán đủ loại gà. Nhưng không ai bán gà trống thiến. Chị Ba phải đến các nhà giàu, phải « bở hơi tai » mới chạy được một cặp gà trống thiến. Tôi biết rõ nhà tôi không bao giờ thịt gà trống thiến. Cả nhà giàu ở Hòa Phước cũng ít ai ăn gà trống thiến. Việc mua gà trống thiến thành ra một việc bất thường.

Tôi ngứa ngáy, giả vờ hỏi :

— Chà, cặp gà trống thiến ! Ngon phải biết ! Bao giờ chị làm thịt hở chị Ba ?

— Mày bắt mà làm thịt ! Của anh bộ đội đó !

— Anh bộ đội mua gà trống thiến để làm gì, chị Ba ?

— Không biết ! Có lẽ để mừng thầy dạy học.

Chị Ba cười lém linh. Tôi biết rõ không ai mừng thầy dạy học đến một cặp gà trống thiến. Tôi vụt nhớ câu chuyện hòa thượng Kiết Ma nói đến gà trống thiến. Giữa đêm khuya, tôi nghe loáng thoáng tiếng hòa thượng thì thầm : « Cần cặp gà trống thiến... dâng bọn chỉ huy lô cốt... Ta bố trí người theo vào... ». Rõ ràng việc sắm gà trống thiến của chị Ba có liên quan đến việc chú Vĩnh Xương bảo phải sắm gà trống thiến để biếu các quan trong lô cốt trong đêm khuya hôm nọ. Sắm gà trống thiến không phải để mừng thầy dạy học. Sắm gà trống thiến cho chú Vĩnh Xương. Ông Cửu Sang đem gà vào lô cốt. Chú Vĩnh Xương tìm cách theo vào. Sự việc cũng dễ hiểu !

*
* *

Chú Năm Mùi về xóm Cây Thị mở bọc rút ra một áo dài đen, mình lụa có vân loang loáng.

— Áo quần diện để đi « ăn nói » đây ! Quốc phục đây ! Mặc vào xem thứ, coi đã ra... lễ nghĩa chưa ? Đã là lụa có vân lại thêm bộ cúc bằng đồng li ti lóng lánh, chiếc áo trông càng sang trọng. Thằng Cù Lao mặc vào, xóc cổ, cài cúc. Cái áo dài « sửa người », làm thằng Cù Lao hóa... phong lưu trông thấy.

Chú Năm nhìn gật gù :

— Công tử lắm ! Con nhà lắm ! Còn cái quần đây nữa !

Thằng Cù Lao mặc thêm cái quần trắng toát bằng vải tàu bay. Thằng Cù Lao như hóa khác, càng phong nhã, đường bệ hơn. Người mặc một bộ đồ như vậy không thể bao giờ thách vật lộn.

Chú Năm Mùi bảo :

— Bước vài bước tao xem thứ !

Thằng Cù Lao bước qua bước lại. Mỗi bước quần áo sột soạt, mùi long não xông ra.

Chú Năm nói :

— Không được cười. Phải đi đứng cho tự nhiên. Còn cái lồng gà trống thiến đằng kia, xách nó lên, đi tới đi lui cho nó nhuyễn. Làm đệ tử cũng phải « lễ nghĩa » như đi.. làm suôi vậy !

Thằng Cù Lao bê cái lồng gà khệ nệ bước tới bước lui. Tôi đã hiểu mọi việc. Chính thằng Cù Lao phải mặc đồ lễ, phải « thực tập » để mang gà vào hiến cho chỉ huy trong lô cốt. Nó mang gà đi theo ông Cứu Sang, giả làm chú đệ tử. Nó ăn mặc sang trọng như vậy, địch không nghi ngờ gì được.

10

Thằng Cù Lao gặp chú Vĩnh Xương, hai người giữa khuya sang đò về Hòa Phước, mang theo bu gà thiến. Thằng Cù Lao chỉ ở lại Hòa Phước một hôm, sau đó nó đi đâu. Cả chú Vĩnh Xương, chú Tám, anh Bốn Linh cũng vắng ở xóm Cây Thị. Xóm Cây Thị trở vắng. Bộ đội thường về lúc trời đã tối. Họ trình giấy tờ, ngủ lại đó một đêm. Trời chưa sáng, họ đã thức dậy đến một xóm khác ở trong núi tên là Xóm Mới. Tôi lo việc dẫn đường cho bộ đội vào Xóm Mới. Phải băng qua hai cánh đồi đầy gai góc. Tuy gọi là Xóm Mới nhưng chẳng thấy gì mới, chỉ có một ngôi chùa cũ muồn sập bỏ hoang, trống hoác, chẳng có phật cũng chẳng có thầy tu. Xung quanh Xóm Mới chỉ toàn là núi trọc với đa to, chẳng thấy xóm làng gì cả. Có trạm gác cẩn thận đặt trước chùa. Tôi phải dừng lại đó. Bộ đội về ở trong chùa. Anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, du kích Hòa Phước cũng thấy ra vào ở đó. Có cả chú Tám. Chú thấy tôi ở xa giơ tay ra hiệu. Thằng Cù Lao ở Hòa Phước về thẳng Xóm Mới với chú Vĩnh Xương. Vừa thấy tôi, nó vụt ra mừng rỡ :

— Vừa mới đến há ?

— Mày làm gì đây ?

— Lo nước nôi cho hội nghị.

— Hội nghị gì ?

— Hội nghị... sa bàn...

Chú bộ đội đứng gác ra hiệu cho thằng Cù Lao phải quay vào, và tôi cũng nên vui lòng quay trở ra.

Thường khi biết có người vào Xóm Mới, chị Ba chạy đến nói :

— Các anh vào « trong đó » nhân tiện nhờ mang luôn một ít đồ dùng...

Đồ dùng đây là những bao gạo, những hũ mắm, những bọc cá khô. Các chú bộ đội dồn ba lô cho nhau, xung phong khiêng gánh. Chị ba viết vài chữ gửi vào Xóm Mới. Ở Xóm Mới lại đưa một số bộ đội ra xóm Cây Thị. Họ theo chị Ba lên Miễu Đôi, mở những thùng gỗ, lấy ra những lựu đạn, những quả bộc phá đen trũi, có thứ to bằng núm tay, có thứ to bằng bát lớn, bằng cổ chân, có cần, có râu nom rất dễ sợ, sẵn sàng nổ « đoàng », biến Miễu Đôi thành mây khói. Các chú bộ đội lấy ra, đặt vào thúng đậy lại gánh đi như người bán gạo, bán mắm.

* * *

Ông Bảy Hóa và ông Nguyên đột ngột hiện ra ở xóm Cây Thị. Hai ông lên Miễu Đôi nhận những thúng đựng đầy chông sắt. Ông Bảy nhận thêm võng gai, xẻng nhỏ, đợi đến khuya, đưa về Hòa Phước. Thầy Lê Tảo và ông Hai Dĩ, ông hương Quý cũng thấy có mặt ở xóm Cây Thị. Người nào cũng nhanh chân nhanh tay, cũng không kịp thở. Họ gặp anh Bốn Linh trao đổi chuyện riêng. Thầy Lê Tảo cùng anh Bốn Linh đi dọc bến đò dòm ngó như những người đi tìm trâu bị trộm dắt mất. Ông Hai Dĩ chạy gặp anh Bốn Linh, chạy ra bến đò giúp việc giấu đò trong bụi

... toàn bộ Hòa Phước được thu lại trong mô hình.

rậm, chạy lên Miếu Đôi giặt rửa giường chiếu, quét dọn xung quanh như sắp cúng lễ. Đột ngột, chị Tuyết Hạnh cũng về ở Miếu Đôi. Chị cười nói :

— Về đây để dự giỗ tổ !

Tôi và chị Ba được thăng lên công tác ở huyện, phải vào ngay Xóm Mới để nhận việc. Đó là việc nấu ăn. Bộ đội đang tập trung học tập, cần kiện toàn nhà bếp. Có đến non bảy mươi người ăn. Người nào trông cũng có vẻ quyết liệt, nghiêm trang. Họ như đang bận trăm công nghìn việc. Không thấy luyện tập ở thao trường, nhưng khi vào ăn người nào cũng toát mồ hôi, cũng căng thẳng. Bài học vẫn còn vắng đến bữa ăn. Có chú vừa nhai vừa nói những cầu đứt quãng, có nhiều chữ khó hiểu, nào là : địa điểm tập kết, đội hình, triển khai, hỏa lực, tình huống, chặn viện... Tôi biết rõ là tôi với chị Ba đang ở trong bộ phận hậu cần, cũng là một bộ phận quan trọng. Một lần, chú Tám đang dự lớp học đến hỏi tôi về những hầm đất ở Hòa Phước. Ở Hòa Phước dọc những hồ ao, có những dốc đứng và những bậc đất. Dọc đó bọn chăn trâu có khoét những hầm để rúc vào ngồi chơi. Có chỗ đất trụt thành hốc. Chú Tám bảo tôi nhớ lại, và chỉ thật đúng chỗ. Chú Tám đưa tôi đến trước một mô hình đắp bằng đất. Nhìn đi nhìn lại mới rõ ra toàn bộ Hòa Phước được thu lại trong mô hình. Nhà cửa, đình chùa, cây cối, đường ngang, đường dọc của Hòa Phước hiện ra trước mặt. Cả cái lô cốt, cũng không thiếu ! Bộ đội đang học. Khi tôi vào, tất cả im lặng. Tôi chỉ rõ chỗ có những hốc đất. Các chú làm dấu ghi lại. Khi chỉ xong, tôi được giải phóng về lại nhà bếp. Tôi với chị Ba phải « xẻ mũi để thở » mới làm hết việc. Ngoài bữa ăn còn phải nấu thêm bốn nồi cơm to, làm thêm một khay muối vừng. Phải làm thêm cơm nắm. Cả lớp phải hành quân cấp tốc. Các chú đến nhận cơm nắm lúc vừa xế. Nhưng đến lúc mặt trời sắp lặn mới xuất phát. Họ chia ra từng toán. Mỗi toán ra đi cách nhau vài mươi phút. Họ lướt dọc chân đồi im lặng, vai mang súng trường, hoặc móc

quanh lưng lựu đạn. Hầu hết mang xẻng nhỏ sau lưng. Vài người vác bộc phá. Tôi đứng phía dưới nhìn lên. Mỗi toán khi lên khỏi dốc, giống như đàn chim cất cánh rồi bay xa về phía có ráng chiều đỏ. Chú Tám, chú Vĩnh Xương và cả thằng Cù Lao đã đi hôm qua. Một số du kích của Hòa Phước đi ghép vào hai toán đầu. Toán cuối cùng xuất phát lúc trời đêm đã trở lại im lặng.

* * *

Toán cuối cùng vừa đi xong, tôi và chị Ba được lệnh của đại đội phải về ngay xóm Cây Thị. Chị Ba phải về gặp chị Tuyết Hạnh ở chỗ Miễu Đôi. Tôi phải ra đến bến đò để gặp ông Bảy Hóa đang chờ tôi ở đó. Gặp để làm gì, tôi chưa cần biết. Ra đến bến đò sẽ có lệnh mới.

Trăng thượng tuần bị lấp trong mưa lất phất. Dọc đường, những lùm cây đen lù lù cứ như muốn chộp lấy tôi và chị Ba. Chị Ba biết không có ma nhưng cứ run bần bật. Ra đến chỗ Miễu Đôi, trăng đã lặn. Bóng tối bỗng như đặc lại. Tôi vấp ngã có đến vài mươi lần mới gặp được ông Bảy Hóa. Ông Bảy đưa tôi đi dọc mép sông, gặp thầy Lê Tảo và ông hương Quý đang đứng đợi. Họ đang đào hố. Tôi hỏi :

— Đào hố làm gì, ông Bảy ?

Ông Bảy nói như quát :

— Xẻng đây, đào cho mau ! Không hỏi chi hết !

Tôi vấp phải một bó gì to. Tôi sờ soạng. Đó là những chiếc võng bó lại :

— Võng để làm gì ông Bảy ?

— Im ! Có lệnh phát hỏa mới nói được. Quân ta bên đó còn đang đến địa điểm tập kết...

Mưa lất phất ! Bên kia sông, Hòa Phước vẫn im lìm và bí mật. Pháo sáng ở đồn Giao Thủy chỉ loi thoi giữa đêm mù mịt. Lửa

và tiếng súng của giặc không đủ sức chọc thủng màn đêm dày đặc. Thầy Lê Tảo, ông hương Quý hì hục đào đất, không nói năng gì cả. Tôi bắt đầu buồn ngủ. Cặp mắt cứ chực trít lại! Vừa ngồi xuống tôi liền ngã nhoài. Đứng lên, tôi lại ngã « uych » như hóa mềm nhũn. Có tiếng ông Bảy Hóa xuýt xuýt :

— Ôi ! Cái thằng ! Cái thằng hư quá !

Một tiếng nổ « đoàng » làm tôi bừng tỉnh. Tiếng ông Bảy reo ầm lên :

— Lệnh phát hỏa rồi !

Cái ngủ của tôi bay mất ! Từ chỗ lô cốt ánh lửa nhoáng nhoáng ! Từng tràng đại liên nổ choang choác ! Lửa lóa ra ở ngay trước mặt. Sầm chớp quanh lô cốt lập lòe như bão táp từ bốn bên ập vào chỗ lô cốt. Một ánh chớp làm sáng cả mặt sông. Một tiếng nổ như xé tan mặt đất. Tôi bị giật bắn lên. Ông Bảy bật dậy :

— Bộc phá ta nổ rồi !

Tiếng nổ dồn dập.

Thầy Lê Tảo, ông hương Quý reo cười :

— Quân ta xung phong rồi !

Đạn đại bác từ đồn Giao Thủy câu xuống, từ Ái Nghĩa bắn vào. Đạn bay véo véo như tiếng của ma quỷ. Những đường đạn như những rắn lửa khổng lồ sáng rực chông chéo, thọc đầu xuống bãi dâu nổ « đoàng », lại biến mất. Mọi vật dần dần trở lại im lặng. Tất cả nín thở. Dọc Hòa Phước một vài ánh lửa bật sáng. Ánh lửa nhiều dần chạy dồn về phía lô cốt. Lô cốt vẫn im lìm, chẳng còn bắn phá gì nữa. Có tiếng reo hò từ bên kia sông! Tiếng reo hò rõ dần ! Ông Bảy ra lệnh :

— Qua đò anh em ơi ! Qua đò đưa thương binh về trạm !

Ông Bảy nhảy lên khỏi hầm, chúng tôi vạch bụi cây, kéo ra một chiếc xuồng, đẩy xuống nước, chèo gấp qua sông. Trong ánh đèn chập choạng, bến Hòa Phước rộn rịp khác hẳn mọi ngày.

Một toán lính giặc bị áp tải nhảy lên chiếc đò chờ sẵn. Thoáng thấy có bóng anh Bảy Hoành và bộ đội tay cầm súng nhảy lên theo. Một chiếc cáng thương vừa ra đến bến. Có tiếng ông Hai Dĩ và ông Kiểm Lài đang khiêng cáng hối to :

— Đò cho thương binh đâu ?

— Có đây ! Có đây !

Thì ra đã có nhiều xuồng đến trước, đã chờ sẵn. Có tiếng thằng Cù Lao gọi tôi, nhưng rồi nó chạy đâu mất. Lại có tiếng anh Bốn Linh gọi ông Bảy rất gấp để đi chặn viện. Đã có ông Tư Đàm thế chân cho ông Bảy Hóa. Từ chỗ lô cốt, tiếng reo hò, tiếng kêu gọi, la thét vang động. Hình như bà con đang xông vào đập tan cái lô cốt. Có bóng bà Bảy Đệ, bà Điều chạy ra chạy vào chuyền vũ khí... Tôi toan nhảy lên bờ, nhưng ông Tư Đàm đã gọi lại vì xuồng phải rời bến. Xuồng ra đến giữa sông, trời bắt đầu sáng. Tôi quay nhìn lại Hòa Phước. Bãi sông, bến nước, cây sung hiện ra mỗi lúc càng rõ nét. Bóng dáng của cái lô cốt đã xóa sạch. Cái lô cốt quái dị sống ở Hòa Phước được hơn bốn tháng. Lễ khai tử của nó như vậy làm vào cuối mùa đông năm 1947, sau khi giặc chiếm Hòa Phước mười tháng. Đây cũng chỉ mới là lễ giáo đầu, một quả đấm « đầu tay » vào đầu bọn giặc. Vì bà con Hòa Phước cùng với đồng bào toàn quốc còn phải đánh giặc suốt hai mươi năm sau nữa.

Tôi nhìn ra xa. Mưa tạnh ! Sông Thu Bồn vẫn long lanh. Núi Phước Tường, dãy Cu Đê, hòn Cà Tang, Hòn Đền hiện ra thành một dãy dài như dắt tay nhau về một phía. Sông với núi với bãi dâu, cồn cát hiện ra rõ nét, như xít gần nhau lại.